



Everpia Vietnam JSC

Head office and factory:

Duong xa, Gia Lam District, Hanoi City, Vietnam

everpia

Tel: (84-4) 827 6490 Fax: (84-4) 827 6492

Số: 07/2015/HĐQT/TB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA UBCKNN VÀ SGĐCK TPHCM

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

Công ty : Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

Mã chứng khoán : EVE

Địa chỉ trụ sở chính : Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại : 04.38276490 Fax: 04.38276492

Người thực hiện công bố thông tin: Lee Jae Eun

Địa chỉ : Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại : 0321.3791 777

Loại thông tin công bố : Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2014 Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/4/2015 tại địa chỉ: <http://www.everpia.vn/everon/ir/thong-tin-tai-chinh/bao-cao-thuong-nien-va-bao-cao-quy.aspx>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu VP

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2015

Người đại diện theo pháp luật



LEE JAE EUN

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM – BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014
EVERPIA VIETNAM JSC – ANNUAL REPORT 2014

Contents

A. THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN / <i>KEY FINANCIAL INFORMATION</i>	6
B. GIỚI THIỆU CÔNG TY / <i>CORPORATE PROFILE</i>	6
I. TRIẾT LÝ HOẠT ĐỘNG/ <i>COMPANY’S PHYLOSOPHY</i>	6
II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN / <i>HISTORY OF DEVELOPMENT</i>	7
III QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ / <i>CHARTER CAPITAL INCREASING PROCESS</i>	8
IV. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH / <i>BUSINESS SCOPE</i>	9
1. Ngành hàng bông tằm / <i>Padding business</i>	10
2. Ngành hàng chăn ga / <i>Bedding business</i>	11
3. Đồ gỗ nội thất / <i>Everon Furniture</i>	16
V. ĐỊA BÀN KINH DOANH VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI/ <i>BUSINESS LOCATION AND DISTRIBUTION SYSTEM</i>	17
VI. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHẦN / <i>SHAREHOLDERS STRUCTURE</i>	18
1. Cơ cấu cổ đông / <i>Shareholders structure</i>	18
2. Tỷ lệ sở hữu / <i>Rate of ownership</i>	19
3. Cơ cấu cổ đông là cổ đông lớn và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp / <i>Major Shareholders and Professional Securities Investors</i>	20
4. Loại hình sở hữu / <i>Type of ownership</i>	21
C. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN / <i>DEVELOPMENT ORIENTATION</i>	22
I. THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH / <i>CHAIRMAN’S GREETING</i>	22
II. PHÂN TÍCH S.W.O.T / <i>S.W.O.T ANALYSIS</i>	25
III. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN / <i>MEDIUM AND LONG TERM DEVELOPMENT STRATEGIES</i>	28
D. MÔ HÌNH CÔNG TY VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ / <i>COMPANY STRUCTURE AND MANAGEMENT APPARATUS</i>	29
I. DANH SÁCH NHÀ MÁY, CHI NHÁNH VÀ CÔNG TY CON / <i>MANUFACTURING SITES, TRADING BRANCHES AND SUBSIDIARIES</i>	29
1. Danh sách nhà máy / <i>Manufacturing sites</i>	29
2. Chi nhánh giao dịch / <i>Trading Branches</i>	31

3. Danh sách công ty con / <i>Subsidiaries</i>	32
II. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG / <i>ORGANIZATION CHART & SHAREHOLDERS STRUCTURE</i>	33
1. Sơ đồ tổ chức / <i>Organization chart</i>	33
2. Cơ cấu lao động công ty / <i>Labor Structure</i>	33
III. Giới thiệu hội đồng quản trị và ban kiểm soát / <i>The Board of Management & The Audit Committee</i>	33
E. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM / <i>BUSINESS PERFORMANCE REPORT</i>	36
I. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / <i>REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT</i>	36
1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / <i>BOARD OF MANAGEMENT OPERATION</i>	36
2. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 2015 / <i>COMPANY'S DEVELOPMENT ORIENTATION 2015</i>	39
II. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT / <i>AUDIT COMMITTEE REPORT</i>	43
1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT / <i>AUDIT COMMITTEE ACTIVITIES</i>	44
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT / <i>REPORT ON AUDIT COMMITTEE ACTIVITIES</i>	44
III. BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO / <i>RISK MANAGEMENT</i>	48
RỦI RO PHÁP LÝ / <i>LEGAL RISK</i>	48
RỦI RO CẠNH TRANH VÀ THỊ TRƯỜNG / <i>RISK ON MARKET AND COMPETITIVENESS</i>	48
RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG LÃI SUẤT, TỶ GIÁ, TÍN DỤNG VÀ THANH KHOẢN / <i>INTEREST RATE RISK, EXCHANGE RATE RISK, CREDIT RISK, and LIQUIDITY RISK</i>	49
CÁC RỦI RO KHÁC / <i>OTHER RISKS</i>	50
IV. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH / <i>BOARD OF DIRECTORS REPORT</i>	51
1. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 / <i>Business Performance in 2014</i>	51
2. Tình hình tài chính / <i>Financial Situation</i>	57
3. Hoạt động cung ứng nguyên vật liệu sản xuất / <i>Materials procurement activities</i>	65
4. Hoạt động tài chính kế toán / <i>Finance and Accounting</i>	65
5. Hoạt động nhân sự / <i>Human Resource</i>	66
F. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG / <i>SUSTAINABLE DEVELOPMENT REPORT</i>	67
I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH TẾ / <i>ECONOMIC ACTIVITIES</i>	67
1. Báo cáo tăng trưởng / <i>Economic Developments</i>	67
2. Báo cáo quan hệ nhà đầu tư / <i>Investor Relation</i>	67
3. Báo cáo đóng góp xã hội / <i>Social Contributions</i>	68
II. BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG / <i>ENVIRONMENT AND ENERGY</i>	69

1. Nguyên, vật liệu/ <i>Materials</i>	69
2. Năng lượng / <i>Energy</i>	70
3. Nguồn nước/ <i>Water source</i>	70
4. Khí thải, nước thải và chất thải rắn/ <i>Exhaust fumes, waste water and solid refuse</i>	71
III. BÁO CÁO XÃ HỘI/ <i>SOCIAL RESPONSIBILITIES</i>	72
TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG/ <i>RESPONSIBILITIES FOR EMPLOYEES</i>	72
TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG/ <i>RESPONSIBILITIES FOR CONSUMERS</i>	77
G. Báo cáo tài chính 2014 đã được kiểm toán	78

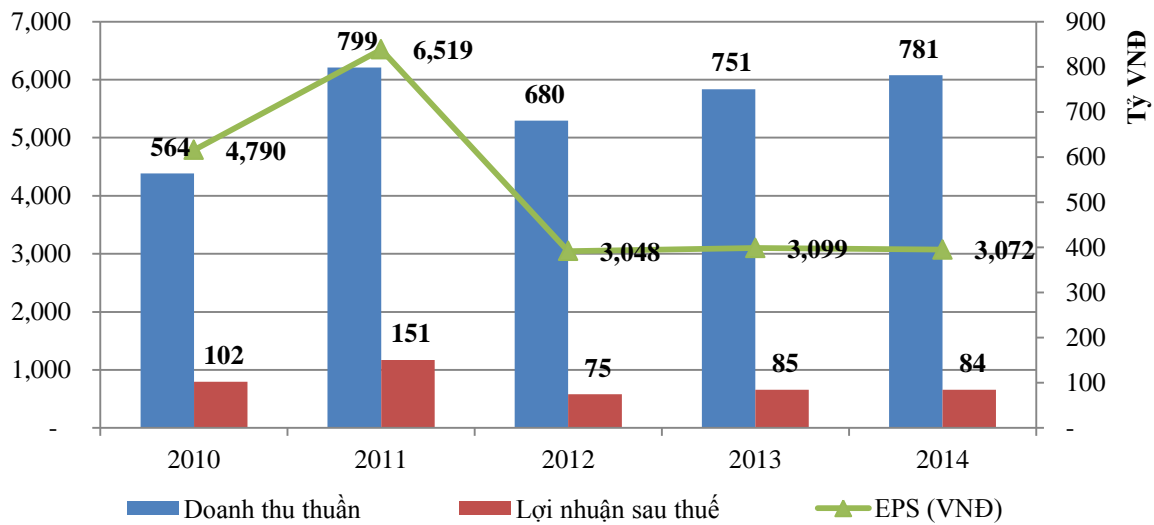
THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

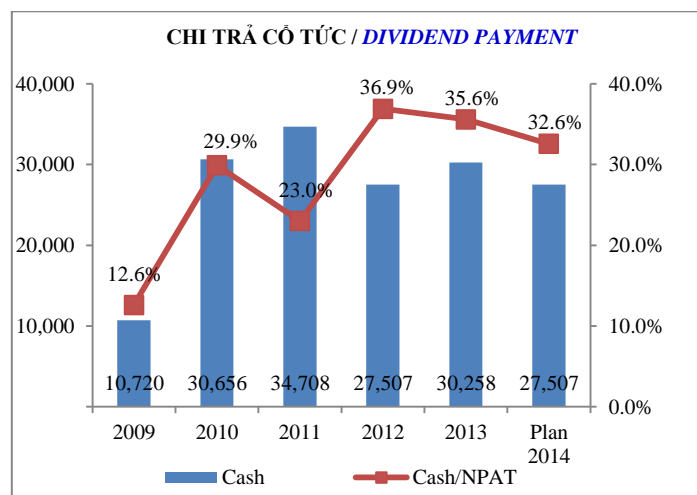
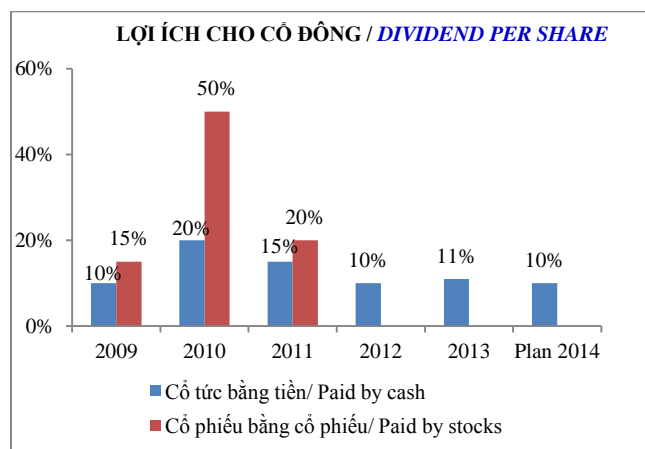
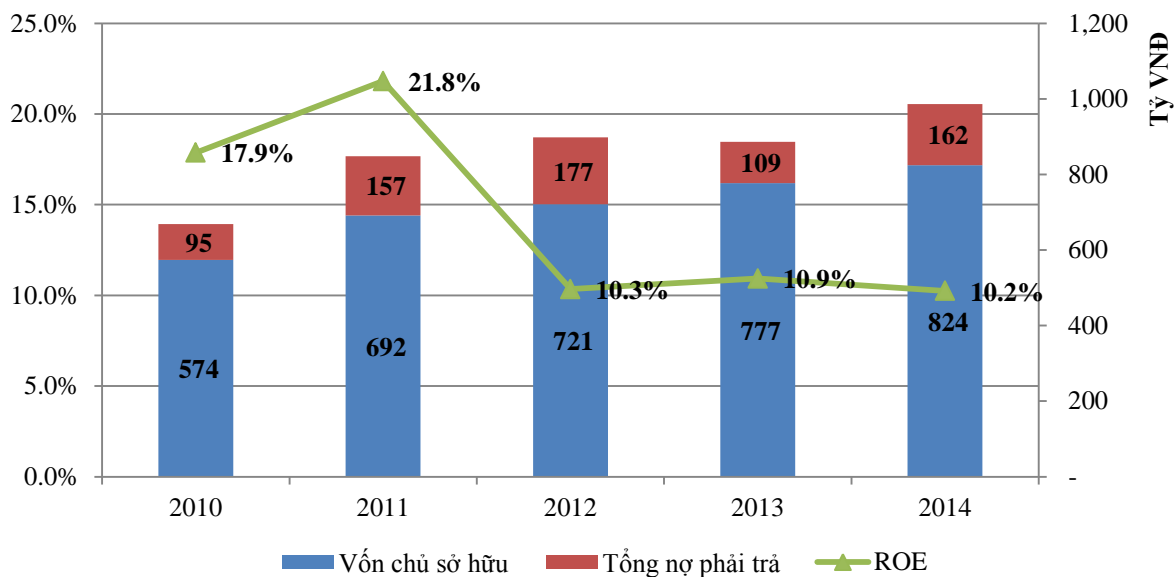
ĐVT: Tỷ đồng/

Unit: VND Bil

CHỈ TIÊU/NĂM <i>Item/Year</i>	2010	2011	2012	2013	2014
KẾT QUẢ KINH DOANH <i>Consolidated Income</i>					
Doanh thu thuần <i>Net revenue</i>	563.5	798.7	680.4	750.5	781.5
Lợi nhuận gộp <i>Gross profit</i>	236.9	317.6	233.6	276.2	265.8
Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần <i>Gross profit on revenue ratio</i>	42.0%	39.8%	34.3%	36.8%	34.0%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh <i>Operation profit</i>	127.7	190.9	93.8	114.5	109.6
Thu nhập khác <i>Other profit</i>	2.1	0.2	2.2	1.9	1.0
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	129.8	191.1	96.1	116.4	110.7
Lợi nhuận sau thuế <i>Net profit after tax</i>	102.5	150.9	74.6	85.0	84.5
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần <i>Return on sale</i>	18.2%	18.9%	11.0%	11.3%	10.8%
Lãi trên cổ phiếu (đồng) <i>Earning per share</i>	4,790	6,519	3,048	3,099	3,072
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN <i>Consolidated Balance sheet</i>					
Tài sản ngắn hạn <i>Current Assets</i>	519.0	633.9	588.5	594.0	707.7
Tài sản dài hạn <i>Non – current Assets</i>	150.5	215.8	310.8	293.0	278.3
Tổng tài sản <i>Total Assets</i>	669.5	849.7	899.3	887.0	986.0
Nợ ngắn hạn <i>Current Liabilities</i>	92.2	139.4	160.4	94.6	140.0
Nợ dài hạn <i>Long – term Liabilities</i>	2.6	17.5	16.9	14.3	21.6
Tổng nợ phải trả <i>Total Liabilities</i>	94.8	156.9	177.3	109.0	161.5
Vốn chủ sở hữu <i>Shareholders' equity</i>	573.6	691.5	721.0	777.3	824.4

Lợi ích của cổ đông thiểu số <i>Minority Interests</i>	1.1	1.2	1.0	0.8	-
Tổng nguồn vốn <i>Total Resources</i>	669.5	849.7	899.3	887.0	986.0
LƯU CHUYỂN DÒNG TIỀN <i>Consolidated Cashflow</i>					
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	129.8	191.1	96.1	116.4	110.7
Dòng tiền thuần từ kinh doanh <i>Net cash (used in) operation activities</i>	(19.1)	(9.7)	187.0	61.7	40.2
Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư <i>Net cash (used in) investing activities</i>	(55.5)	(74.8)	(157.0)	(52.9)	(85.7)
Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính <i>Net cash (used in)/from financing activities</i>	139.2	9.0	(42.1)	(64.8)	29.9
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ <i>Cash and cash equivalents at the end of the year</i>	194.8	119.4	107.3	51.4	35.6





B. GIỚI THIỆU CÔNG TY / CORPORATE PROFILE

Tên công ty : Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

Company name : Everpia Vietnam Joint Stock Company

Tên viết tắt : Everpia Vietnam JSC

Short name : Everpia Vietnam JSC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số / *Business license: 011033000055*

Vốn điều lệ / *Charter capital : 279,865,180,000 tỷ đồng*

Trụ sở chính / *Head Office: : Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội*

Điện thoại / Tel : (+84-4) 3827 6490

Fax : (+84-4) 3678 2030

Website : www.everpia.vn

Email : info@everpia.vn

Mã cổ phiếu : EVE

I. TRIẾT LÝ HOẠT ĐỘNG/ COMPANY'S PHYLOSOPHY

❖ Tầm nhìn / *Vision*

Trở thành công ty hàng đầu thế giới / *Become the world's best Company*

❖ Sứ mệnh / *Mission*

✓ Tối ưu hóa nhu cầu khách hàng / *Satisfy customers*

✓ Kiến tạo giá trị / *Create value*

✓ Phát triển thị trường / *Develop markets*

❖ Chính sách quản lý / *Management policy*

✓ Minh bạch / *Transparency*

✓ Sáng tạo / *Creative thinking*

✓ Giữ gìn giá trị cốt lõi / *Maintain the core value*

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN / *HISTORY OF DEVELOPMENT*

- 1993: Tiền thân là chi nhánh Công ty TNHH Viko Moolsan, công ty Hàn Quốc chuyên về sản xuất và kinh doanh Bông tằm / *First established as a branch of Viko Moolsan Co., Ltd, a Korean padding manufacturer*

- 1995: Thiết lập ngành hàng Chăn – ga - gối - đệm / *Established a bedding business*

- 1999: Ra mắt thương hiệu EVERON, thương hiệu Chăn – ga – gối – đệm Hàn Quốc đầu tiên tại Việt Nam / *Launched EVERON, the first Korean bedding brand in Vietnam*

- 2005: Thành lập chi nhánh Tp Hồ Chí Minh / *Established Hochiminh Branch*

- 2006: Được cấp phép sản xuất và kinh doanh sản phẩm bông THERMOLITE của Công ty Invista Hoa Kỳ / *Acquired license for the high-grade padding brand THERMOLITE from American Company - Invista*

- 2007: Chuyển đổi sở hữu sang công ty cổ phần, chính thức đổi tên thành Everpia Việt Nam / *Converted to a joint stock Company and changed the company name to Everpia Vietnam JSC*

- 2008: Nhận giấy phép sản xuất và kinh doanh sản phẩm bông cho chăn ga mang thương hiệu “DACRON” của công ty Invista / *Acquired license for padding brand DACRON from Invista Company - Invista*

- 2010: Thành lập chi nhánh Hưng Yên / *Established Hung Yen Branch*

Niêm yết tại HOSE (Mã EVE)/ *Listed on HOSE (stock code: EVE)*

Ra mắt thương hiệu ARTEMIS – thương hiệu chăn ga gối đệm cao cấp / *Launched high-end bedding brand – ARTEMIS*

Nhận giấy phép kinh doanh sản phẩm bông “ADVANSA” của công ty Advansa - *Acquired license for padding brand Advansa from Advansa Company - ADVANSA*

- 2011: Thành lập chi nhánh Đồng Nai / *Established Dongnai Branch*

Ra mắt thương hiệu Edelin – thương hiệu chăn ga gối đệm cho thị trường bình dân / *Launched low-end bedding brand – Edelin*

- 2013: Thành lập công ty con tại Campuchia / *Established Everpia Cambodia*

- 2014: Nhận giấy phép kinh doanh độc quyền sản phẩm đệm lò xo tiêu chuẩn Úc mang thương hiệu Style Master tại 03 nước: Việt Nam, Campuchia và Lào / *Granted the exclusive sub-license for the Style Master mattress brand for Vietnam, Cambodia and Laos*

III QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ / *CHARTER CAPITAL INCREASING PROCESS*

Trong 7 năm qua, Everpia Việt Nam đã phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ như sau:

Over the past seven years, Everpia Vietnam has issued shares to increase its share capital as follows:

Thời gian phát hành <i>Issue date</i>	Đối tượng phát hành <i>Description</i>	Số cổ phiếu phát hành <i>Number of new shares</i>	Vốn điều lệ sau phát hành <i>Share capital after the new issues (VND)</i>
06/2007	Mirae Asset Maps Opportunity Vietnam Equity Balanced Fund 1	480,000	52,800,000,000
10/2007	Dream No.7 Investment Partnership	200,000	54,800,000,000
08/2008	Cổ phiếu thưởng tỷ lệ 2:1 <i>Bonus share rate 2:1</i>	2,740,000	82,200,000,000
06/2009	-CTCP CK Bảo Việt / <i>Bao Viet Securities Company</i> - CTCP Chứng khoán NHNN&PTNT Việt Nam / <i>Agriseco JSC.</i> - Ông Trần Ngọc Bê / <i>Mr. Tran Ngoc Be</i>	2,500,000	107,200,000,000
06/2010	Cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 15%) / <i>Stock dividend (rate 15%)</i>	1,607,996	123,279,960,000
07/2010	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược / <i>Private placement</i> - Red River Holdings - Quỹ thành viên Việt Nhật / <i>Vietnam Japan Fund</i> - CTCP Quản lý quỹ FPT / <i>FPT Capital</i> - CT TNHH Đầu tư FC / <i>FC Capital</i>	3,000,000	153,279,960,000
07/2011	Cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 50%) / <i>Stock dividend (rate 50%)</i>	7,663,990	229,919,860,000

11/2011	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV chủ chốt / <i>ESOP</i>	410,000	234,019,860,000
07/2012	Cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 20%) / <i>Stock dividend (rate 20%)</i>	4,584,532	279,865,180,000

Sau cổ phần hóa năm 2007, tốc độ tăng trưởng gộp hàng năm của công ty trung bình đạt 23% về doanh thu và 34% về lợi nhuận. Do nhu cầu sản xuất tăng mạnh, một nhà máy duy nhất đặt tại Dương Xá – Gia Lâm – Hà Nội là không đủ đáp ứng, việc đầu tư mở rộng sản xuất là cấp thiết. Năm 2009 và năm 2010, sau hai lần phát hành cổ phần riêng lẻ thành công cho các đối tác chiến lược, Everpia Việt Nam đã có đủ vốn để đầu tư xây dựng thêm nhà máy mới. Năm 2010, Công ty đã hoàn thành việc mua mới nhà máy tại Khu công nghiệp Biên Hòa I, Biên Hòa, Đồng Nai. Tháng 7 năm 2011, nhà máy tại Hưng Yên được khởi công xây dựng tới tháng 11 năm 2012 nhà máy đã chính thức đi vào hoạt động. Việc đầu tư mua mới đã nâng tổng công suất công ty lên gấp đôi.

Since converted to a Joint Stock Company in 2007, the Company's average compound annual growth rate has been 23% in revenue and 34% in profit. While production demand increased significantly, one factory in Duong Xa – Gia Lam – Ha Noi was not enough, so the need to expand was imperative. Following two successful private placements in 2009 and 2010, Everpia Vietnam mobilized enough capital to invest in more capacity. In 2010, the Company bought a factory in Bien Hoa I Industrial Zone, Bien Hoa, and Dong Nai. In July, 2011, Everpia Vietnam started breaking ground for a new factory in Hung Yen and began operation in November 2012. With these investments, the production capacity of Everpia Vietnam should be doubled.

IV. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH / *BUSINESS SCOPE*

Khởi đầu là công ty chuyên sản xuất nguyên liệu cho các công ty may xuất khẩu. Sau 20 năm hoạt động, Everpia Việt Nam đã xây dựng được thương hiệu và hệ thống phân phối của riêng mình trong cả hai ngành hàng chính là Bông tằm và Chăn – ga – gối – đệm. Với mục tiêu trở thành lựa chọn đầu tiên của khách hàng cho các sản phẩm tại các thị trường mà Công ty hoạt động, trong nhiều năm qua, Everpia Việt Nam luôn duy trì vị trí dẫn đầu thị phần tại cả hai ngành hàng với tỷ trọng lần lượt là 26% và 22%.

Initially, the company specialized in producing materials for Garment Export Company. After 20 years of operation, Everpia Vietnam has built brand and distribution systems of its own in both industries: Bedding and Padding business. With the goal of becoming the first choice of customers in the market that the company operates, for many years, Everpia Vietnam maintains leading the market share positions in both industries with the respectively 26% and 22%.

Năm 2014, Công ty mở rộng hoạt động kinh doanh sang mảng nội thất bằng gỗ tự nhiên với thương hiệu Everon Furniture và sản phẩm dành cho các bà nội trợ với thương hiệu Everon Home Décor. Các sản phẩm này bước đầu được trưng bày và phân phối tại các showroom và tổng đại lý của công ty trong toàn quốc.

In 2014, the company has launched two new brands called Everon Furniture (bedroom furniture made of natural wood) and Everon Home Descor (towels and housewives' product). Home furnishing is sold in the Company's retail stores.

I. Ngành hàng bông tằm / *Padding business*

Bông tằm là sản phẩm công nghiệp nhẹ, làm từ xơ polyester, chủ yếu dùng làm lớp giữ nhiệt cho áo jacket. Ít được người tiêu dùng biết tới, nhưng Bông tằm là ngành nghề kinh doanh cơ bản của Everpia Việt Nam trong các năm qua, đóng góp từ 35% - 45% doanh thu toàn công ty. Nhu cầu về các sản phẩm bông tằm ngày một tăng, do sự gia tăng của các đơn hàng sản xuất áo jacket, cả cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Bên cạnh các sản phẩm có Giấy phép sản xuất độc quyền tại Việt Nam, Công ty còn tự nghiên cứu và phát triển là các dòng sản phẩm bông mới để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của đối tác và khách hàng.

Padding is a light industrial manufacturing product, is made out of polyester staple fiber and is used as jacket filler. Although Padding has not been well-known by local consumers, it's basic business scope of Everpia Vietnam in recent years, contributes between 35% - 45% of total sales. Demand for padding has been increasing, driven by Vietnam jacket production and exports as Vietnam enjoys undeniable competitive advantages in garment and textile production. The Company not only has exclusive license but also has researched and developed new product to meet the increasing requirements of its customers.

1.1 Dextfil

Nguyên liệu : xơ polyester

Material : polyester fiber

Đặc điểm : Sản phẩm bông Low Denier nhẹ và mỏng, có tính năng giữ nhiệt bằng việc lưu giữ không khí tối ưu, duy trì hình dáng ban đầu sau khi giặt, được phát triển trong nước nên có giá thành rẻ hơn rất nhiều so với các sản phẩm Low Denier thông thường khác. DEXFIL là thương hiệu bông được Everpia Việt Nam nghiên cứu và phát triển.

Characteristic : Low Denier fibers are light and thin, has the ability to retain warmth by optimum air retention and keep its original shape after washing. Due to being locally produced and developed, it costs less than other Low Denier padding. DEXFIL padding brand is researched and developed by Everpia Vietnam.

1.2 Thermolite

Nguyên liệu : xơ sợi micro và xơ sợi dạng mềm

Material : Micro fiber and soft fiber

Đặc điểm : Sản xuất từ nguyên liệu giữ nhiệt đặc thù của Invista kết hợp giữa xơ sợi Micro và xơ sợi dạng mềm, Thermolite có khả năng giữ ấm hơn tới 30% so với các nguyên liệu giữ nhiệt khác cùng trọng lượng. Everpia Việt Nam là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam nhận được chứng chỉ sản xuất độc quyền các sản phẩm bông THERMOLITE của INVISTA, Hoa Kỳ

Characteristic : Made of Invista's proprietary materials, which are a combination of Micro and soft fibers, this padding can retain warmth 30% better than other thermal materials of the same weight. Everpia Vietnam is the only enterprise in Vietnam which has received an exclusive production license of Thermolite of INVISTA, USA

2. Ngành hàng chăn ga / *Bedding business*

Ngành hàng chăn ga với thương hiệu Everon đã đưa Everpia Việt Nam là công ty sản xuất Chăn – ga – gối – đệm hàng đầu Việt Nam. Đến nay, công ty đã phát triển các dòng thương hiệu đáp ứng đa dạng nhu cầu của các đối tượng khách hàng khác nhau bằng những sản phẩm có giá trị sử dụng cao và thiết kế sáng tạo và độc đáo. Everpia Việt Nam tin tưởng rằng, với thương hiệu Chăn – ga – gối – đệm cho thị trường trung cấp - Everon, thương hiệu cao cấp Artemis và các sản phẩm chăn ga thiết kế riêng biệt mang thương hiệu - Edelin & Lovelon đều tạo nên lợi thế cạnh tranh cho Công ty.

Bedding business with Everon brand has taken Everpia Vietnam become the leading of bedding production in Vietnam. Until now, the company has developed various brand to meet all consumer preferences with high value products, innovative design and unique. Everpia Vietnam believe that going to market with one of the middle market – Everon, one of the luxury brands – Artemis and differentiated specialty bedding offerings – Edelin and Lovelon gives the Company a competitive advantage and strengthens the relationship with customers by offering sleep solution to a broad group of consumers.

2.1 Các sản phẩm vỏ chăn, vỏ gối và ga trải giường / *Blanket, pillow and bed sheet*

a. Everon

Nguyên liệu : Vải cotton 100%

Material : 100% cotton

Đặc điểm : Hai dòng sản phẩm chính: vải in (EP – Everon Print) và vải trơn (ES – Everon Solid). Sản phẩm được thiết kế sáng tạo, phù hợp với khí hậu Việt Nam

Characteristic : Two major product lines: print fabric (EP - Everon Print) and solid fabric (ES - Everon Solid). The products are exquisite design and high compatible with Vietnam's climate.

b. Artemis

Nguyên liệu : Vải cotton cao cấp, cotton nhung, satin, lụa

Material : High-grade cotton fabrics, cotton velvet, satin, silk

Đặc điểm : Mang tên nữ thần sắc đẹp trong truyền thuyết Hi Lạp, dòng sản phẩm cao cấp Artemis nổi bật với những thiết kế sang trọng, độc đáo, mang đậm phong cách cổ điển Châu Âu

Characteristic : Being named after an ancient Greek goddess, Artemis made out of luxury materials really stand out due to its sophisticated and unique designs. The essence of the brand and its collection are revealed in the detailed embellishments inspired by European classical style.

c. Edelin

Nguyên liệu : Vải cotton

Material : Cotton

Đặc điểm : Thiết kế đơn giản, tiện dụng. Edelin đáp ứng các nhu cầu cơ bản của người tiêu dùng về độ bền, sự thoải mái và khả năng chi trả khi mua sản phẩm.

Characteristic : Simple design and useful. Aimed at satisfying the three fundamental needs when purchasing bedding products – durability, comfortable and affordability – each Edelin product made out of quality and soft fabrics at an affordable price.

d. Cutie Everon

Nguyên liệu : Vải 100% cotton

Material : 100% cotton

Đặc điểm : Sản phẩm được làm từ chất liệu vải cotton và nhuộm thủ công bằng nguyên liệu tự nhiên nên không gây kích ứng da và tốt cho sức khỏe của bé.

Characteristic : The children bedding brand made of cotton and handmade dyed using natural materials to not irritate the skin and good for baby's health.

e. Lovelon

Nguyên liệu : Vải cotton

Material : Cotton

Đặc điểm : Dòng sản phẩm được thiết kế dành riêng cho kênh bán hàng trực tuyến nhằm phù hợp với thói quen mua hàng mới của người dân nhưng cũng không ảnh hưởng tới doanh thu bán hàng của các đại lý

Characteristic : The products are designed specifically for online business to accommodate the buying habits of the customers, but did not affect the sales of agents.

2.2 Sản phẩm Ruột chăn, ruột gối / Bedding Insert Production

a. Ruột Invista / Invista Insert

Invista là một trong những công ty lớn nhất thế giới chuyên sản xuất và nghiên cứu các loại bông, xơ, sợi từ polyester. Everpia Việt Nam là nhà sản xuất độc quyền xơ Dacron tại Việt Nam.

Invista is one of the world's largest companies specializing in producing and researching of all kinds of cotton, fibers from polyester. Everpia Vietnam is the exclusive manufacturer Dacron fiber in Vietnam.

Nguyên liệu: - Xơ Dacron

- Vải 100% cotton satin

Material : - Dacron Quallofil fiber

- 100% cotton satin

Đặc điểm:

- Dacron là dòng xơ dành riêng cho các sản phẩm Chăn – ga – gối với khoảng 20 loại xơ có cấu trúc khác nhau đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dùng.

- Xơ Dacron Quallofil cấu trúc 7 lỗ tạo nên các ống dẫn khí xuyên suốt giúp thông thoáng vượt trội, cách nhiệt hoàn hảo

- Xơ memorelle mang đặc tính mềm, dẻo và co giãn cao giúp làm giảm áp lực tỳ nén tại điểm tiếp xúc
- Xơ Dacron comforel opulent touch cấu trúc hình Omega tạo cảm giác xốp nhẹ và mềm mại như lụa

Characteristic :

- Dacron is a dedicated fiber line for Bedding products with 20 different structure fibers, which satisfy the diverse needs of customers.

- *Dacron Quallofil fiber Special: 7-hole fiber technology creates through air duct; provides superior ventilation, excellent thermal insulation and luscious softness.*
- *Dacron Memorelle fiber: Fiber features soft, flexible and elastic, reduces pressure compressor at the contact point*
- *Dacron fiber comforel opulent touch: A luxuriou feather like fiber with Omega structure, recreate the feeling of softness and smothness like silk making it welcoming and comfortable*

b. Ruột Advansa / Advansa Insert

Trên nền tảng công nghệ gần 100 năm, Advansa là công ty dẫn đầu về công nghệ chế tạo xơ sợi dành riêng cho ruột chăn – ga – gối tại Châu Âu. Everpia Việt Nam là công ty duy nhất tại Việt Nam được phép sản xuất và phân phối dòng sản phẩm tốt cho sức khỏe, thân thiện với môi trường và thoải mái khi sử dụng

On the technology platform for nearly 100 years, Advansa is a leading company in fiber manufacturing technology for Bedding Insert in Europe. Everpia Vietnam is the only company in Vietnam is allowed to produce and distribute the healthy product line, environmentally friendly and comfortable to use.

Advansa Ultra

Nguyên liệu : - Xơ Suprelle Ultra
- Vải 100% cotton satin

*Material : - Suprelle Ultra Fiber
- 100% cotton satin*

Đặc điểm : Suprelle Ultra là loại xơ thể hệ mới có chứa các nhân tố hoạt tính giúp ngăn ngừa sự phát triển của các loại nấm mang lại một môi trường ngủ trong lành và khỏe mạnh. Sợi xơ cấu trúc 4 lỗ giúp tăng khả năng giữ nhiệt và duy trì độ bền cao.

Characteristic : Suprelle Ultra is a new generation of fibers containing the actived elements to prevent the growth of the fungus, provides a healthy environment and healthy sleep. 4-hole fiber structure helps insulate heat and increase durability.

c. Ruột Everon / Everon Insert

Trung thành với nguyên liệu xơ polyester đàn hồi cao, giữ nhiệt tốt, có thể giặt máy và an toàn cho sức khỏe, Everpia Việt Nam liên tục nghiên cứu và phát triển thành các dòng sản phẩm ruột mang thương hiệu của riêng mình

Loyal to the polyester fiber material with highly elastic, insulate heat well, machine washable and safe for health, Vietnam Everpia continuous research and development of product bringing its own brand.

Ruột Everon truyền thống

Nguyên liệu : - Xơ bông ball
- Vải cotton polyester

*Material : - Ball fiber
- Cotton polyester*

Đặc điểm : Do cấu trúc quần tròn đặc biệt xơ bông ball có độ đàn hồi cao, giữ nhiệt tốt. Kết hợp cùng vải pha cotton và polyester, tất cả các loại ruột của Everon truyền thống đều có độ bền cao, có thể giặt được và khô nhanh.

Characteristic : With special structure likes a ball thus this type of fiber is very elastic, and in combination with chief value cotton fabric making Everon Traditional series long lasting, washable and dry quickly.

Ruột Everon micro expo

Nguyên liệu : - Xơ bông ball
- Vải cotton polyester

*Material : - Ball fiber
- Cotton polyester fabric*

Đặc điểm : Nhẹ xốp, ấm áp mà lại thoáng khí là đặc tính đặc biệt của dòng sản phẩm Everon Micro Expo. Những sợi xơ siêu mảnh, siêu nhỏ nhập khẩu trực tiếp từ Hàn Quốc tạo cảm giác mềm mại, mịn màng và ấm áp như một bộ lông vũ đích thực

Characteristic : Light, warm but breathable is special features of Everon Micro Expo. Usage of super-fine micro fibers which is directly imported from Korea creates soft, smooth and warm feeling like real feather.

2.3 Sản phẩm đệm / Mattress

a. Đệm bông ép / Polyester mattress

Nguyên liệu : - Vỏ: Vải gấm jacquard
- Đệm: xơ polyester

*Material : - Cover: Jacquard brocade
- Mattress: polyester fiber*

- Đặc điểm** : - Thoát khí, thoát ẩm nhanh, có thể giặt được bằng nước
- Độ phẳng cao giúp tuần hoàn máu tốt, không gây cong vẹo cột sống
- Đệm gồm 2 hoặc 3 tấm có thể gấp gọn, dễ di chuyển

Characteristic : - *Venti-lated, quick drying, washable*

- *High flatness which is helpful for blood circulation, and is good for spinal protection*
- *Can be folded, easy to move*

b. Đệm lò xo / *Spring mattress*

- Nguyên liệu** : - Vỏ: Vải gấm jacquard
- Đệm: thép carbon không gỉ

Material : - *Cover: Jacquard brocade*
- *Mattress: stainless carbon steel*

- Đặc điểm:** - Hệ thống chống lún trung tâm tạo cảm giác thoải mái cho xương sống
- Vải bọc jacquard có khả năng khử mùi và diệt khuẩn bảo đảm vệ sinh cho người sử dụng

Characteristic : - *Centered anti-sagging system which comforts customer's spines*

- *Covered by jacquard brocade reducing odor and ensures an sanitary environment for customers*

c. Đệm than hoạt tính / *Charcoal Memory Foam PE mattress*

- Nguyên liệu** : - Vỏ: Vải gấm jacquard
- Đệm: xơ polyester và mút (mousse) than hoạt tính (kết hợp giữa hoạt chất than với mút hoạt tính)

Material : - *Cover: jacquard brocade*
- *Mattress: polyester fiber and activated carbon mousse (combination of active ingredients charcoal with memory foam)*

- Đặc điểm** : - Sự kết hợp độc đáo giữa sự mềm mại của bông tằm với khả năng khử độc hiệu quả và chống lại tia hồng ngoại của than hoạt tính.
- Mousse hoạt tính còn giúp giảm áp lực tỳ nén ở các điểm tiếp xúc, mở rộng các mao mạch kích thích tăng lưu lượng máu lưu thông

Characteristic : - *This is a special category which combines the softness of padding with the effective sterilization of activated charcoal.*

- *Mousse activate charcoal helps reduce pressure point, expanding capillaries and stimulating bloodflow's circulation.*

d. Đệm sóng / *Wave mattress*

- Nguyên liệu** : - Vỏ: Vải gấm jacquard

- Đệm: xơ polyester

Material : - Cover: jacquard brocade

- Mattress: polyester fiber

Đặc điểm : - Các đỉnh sóng cách đều nhau 5cm giúp giảm áp lực tại các điểm tiếp xúc, tăng cường lưu thông không khí và tiêu tán nhiệt mang đến một không gian ngủ ôn hòa, thoáng đạt.

- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn Chứng nhận Oeko-Tex 100, đảm bảo sản phẩm thoả mãn các yêu cầu về sinh thái và con người áp dụng cho các loại xơ, sợi dùng cho trẻ em và người lớn.

Characteristic : - The distance between the waves is at 5cm equally that help to reduce pressure at the interacing points, increase air ventilation to allow comfortable sleep.

- Everon wave mattress meet the Oeko-Tex Standard 100 ensuring products meet the requirements of human ecology applied to the fibers used for children and adults.

e. Đệm mát / Cool mattress

Chất liệu : - Lớp vải bọc ngoài: Chất liệu chống thấm nước

- Lớp gel bên trong: Chất liệu gel y tế (hoạt chất tương tự như chất gel trên miếng dán hạ sốt cho trẻ nhỏ)

Material : - Cover: waterproof material

- Gel inside: medical gel (similar to antipyretic plaster gel sheets of children)

Đặc điểm : - Chất liệu gel làm mát (sử dụng trong y tế) giúp hấp thụ nhiệt từ cơ thể, điều hòa và làm mát tại điểm tiếp xúc.

- Dễ dàng làm sạch, kiểu dáng nhỏ gọn thuận tiện trong di chuyển và bảo quản

Characteristic : - Material cooling gel (used for medical) to absorb heat from the body, conditioning and cooling at contact point.

- Easy to clean, easy moving and preserving compact form

3. Đồ gỗ nội thất / Everon Furniture

Nguồn gốc : Everpia Việt Nam phân phối những mẫu thiết kế độc quyền do đối tác sản xuất

The origin : Everpia Vietnam distributes exclusive designs produced by partners

Chất liệu : gỗ thông hoặc gỗ sồi

Material : pine wood or oak wood

Thị trường mục tiêu : Phân khúc khách hàng cao cấp

Target market : high-end customer segment

Phương thức phân phối : giao hàng tại nhà

Distribution method : home delivery

V. ĐỊA BÀN KINH DOANH VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI/ BUSINESS LOCATION AND DISTRIBUTION SYSTEM

Hệ thống phân phối của công ty không ngừng được đầu tư theo chiều sâu và mở rộng phát triển nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng dài hạn của công ty.

The Company's distribution system has both deepened and constantly expansion to meet the Company's long-term growth targets.

Tại thị trường nội địa/ Domestic market

Đối với kênh phân phối hiện đại, Everpia Việt Nam bán hàng trực tiếp đến các siêu thị, trung tâm thương mại lớn tại Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Nhận định đây là kênh phân phối sẽ phát triển trong tương lai, trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục mở rộng mạng lưới phân phối này, đồng thời sản xuất dòng phẩm riêng nhằm phù hợp hơn với nhu cầu mua sắm của người dân.

Modern distribution channel: Everpia Vietnam distributes directly to supermarkets and large commercial centers in Hanoi, Ho Chi Minh City, and Da Nang. Identifying this is potential distribution channel, the Company plans to expand it while producing distinct product lines to satisfy more of people's shopping needs.

Đối với kênh phân phối truyền thống, Everpia thiết lập hệ thống gồm 627 đại lý phân phối độc quyền trên toàn quốc. Trong hai năm vừa qua, công ty đã đầu tư khoảng 20 tỷ đồng để đồng bộ nội thất, biển bảng và mở rộng quy mô diện tích các cửa hàng.

Traditional distribution channels: Everpia has successfully set up 627 exclusive distribution agents nationally. 20 billion VDN has invested in upgrading their system to synchronize interior, signboards as well as expand store size.

Bên cạnh khách hàng cá nhân, Everpia Việt Nam cũng đang xây dựng cho mình hệ thống mạng lưới kinh doanh thông qua các khách hàng doanh nghiệp, các khách sạn và khu nghỉ dưỡng. Với kênh phân phối này, các dòng sản phẩm của công ty được thiết kế riêng theo yêu cầu của từng đơn hàng cụ thể.

Besides individual customers, Everpia Vietnam is also building up and developing the business network via enterprises, hotels, and resorts. The products are designed according to the requirements of each specific order to suit the needs of this new channel.

Tại thị trường xuất khẩu/ Export market

Doanh thu xuất khẩu của công ty không ngừng tăng trong các năm qua. Đây là thị trường mang lại nguồn thu ổn định cũng như đầu vào ngoại tệ cho nguyên vật liệu nhập khẩu

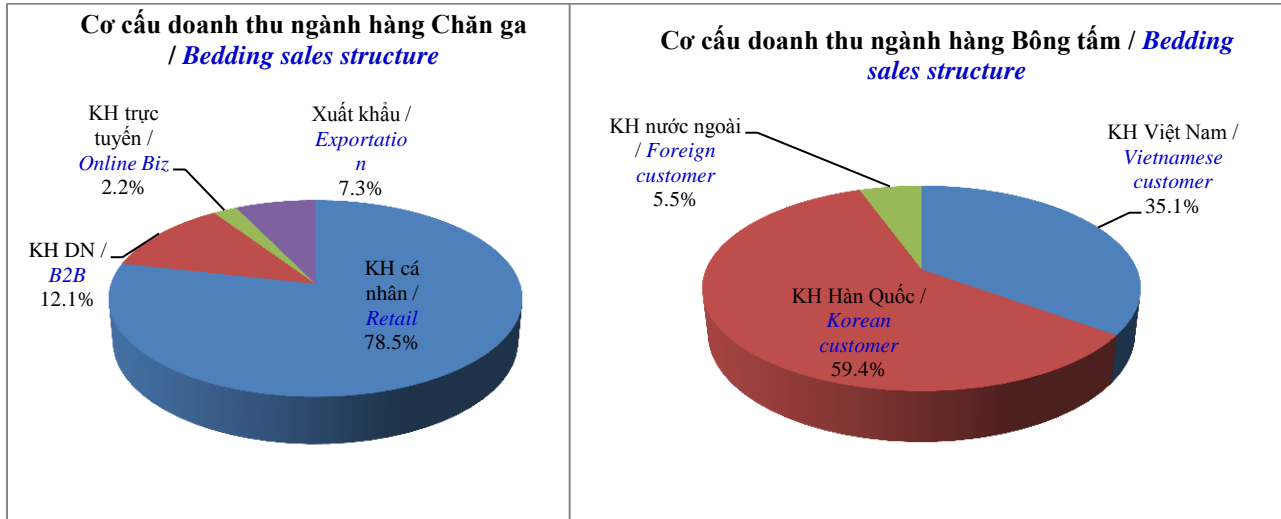
Revenue from export activities are constantly increasing in recent years. This is considered as a market which brings stable revenue as well as supports the demand for foreign currency to imports raw materials of Everpia Vietnam.

Đối với sản phẩm bông tằm: 65% doanh thu đến từ các đơn hàng nước ngoài. EVE ước tính mức tăng trưởng của thị trường này khoảng 8-10%/năm.

65% of Padding revenue comes from foreign orders. The growth rate of this market is estimated about 8-10% a year.

Đối với sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm: Công ty hiện tại xuất khẩu tới các thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Dubai theo hướng sản xuất theo đơn đặt hàng OEM. Các thị trường xuất khẩu mục tiêu của công ty gồm: Mỹ, Đông Nam Á và Châu Âu theo hai hướng: OEM và xuất khẩu nhãn hiệu.

For Bedding business, currently there are three main export market consisting of Korean, Japan, and Dubai market under OEM orders. The company takes aim at a number of target markets, including America, Southeast Asia, and Europe, in two directions: OEM and exporting brand..



VI. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHẦN / SHAREHOLDERS STRUCTURE

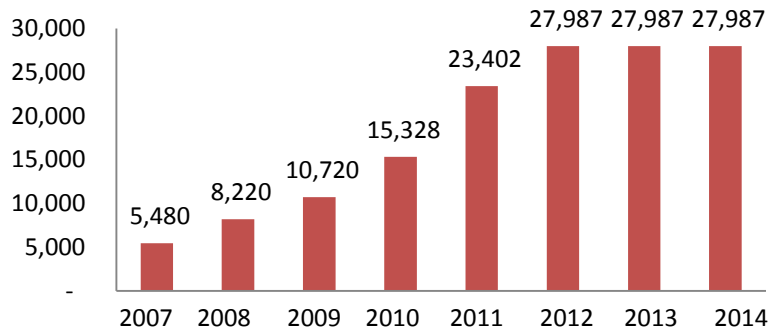
1. Cơ cấu cổ đông / Shareholders structure

Cổ phần / Shares

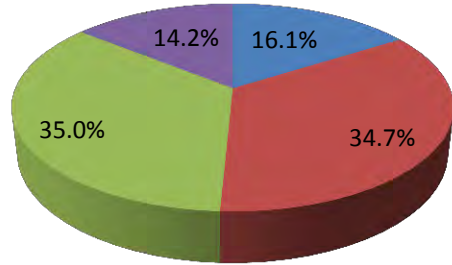
Tổng số cổ phần đang lưu hành của công ty là 27.986.518 cổ phần. Tất cả các cổ phần này đều là cổ phần phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

The number of EVE's outstanding shares is at 27,986,518 shares. All of these shares are unrestricted ordinary shares.

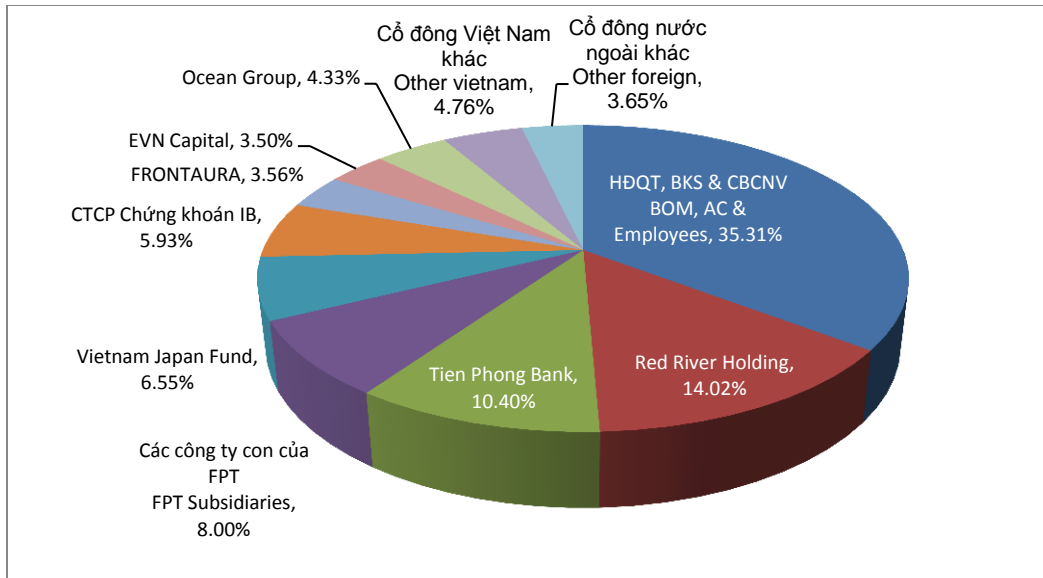
Số lượng cổ phiếu / No. Of shares



2. Tỷ lệ sở hữu / Rate of ownership



- Cổ đông lớn trong nước / Major local shareholders
- Cổ đông lớn nước ngoài / Major foreign shareholders
- Cổ đông khác trong nước / Other local shareholders
- Cổ đông khác nước ngoài / Other foreign shareholders



3. Cơ cấu cổ đông là cổ đông lớn và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp / Major Shareholders and Professional Securities Investors

STT No.	Đối tượng / Type	Số lượng cổ phiếu No. of share	Tỷ lệ sở hữu (%) Rate of ownership	Số lượng cổ đông No. of shareholders	Cơ cấu cổ đông Shareholder structure	
					Tổ chức Institution	Cá nhân Individual
2	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN <i>Non-professional major shareholder</i>	4,471,200	15.98%	1	0	1
	- Trong nước / Local	0	0.00%	0	0	0
	- Nước ngoài / Foreign	4,471,200	15.98%	1	0	1
3	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên <i>Professional major shareholder</i>	9,736,003	34.79%	4	4	0
	- Trong nước / Local	4,492,603	16.05%	2	2	0
	- Nước ngoài / Foreign	5,243,400	18.74%	2	2	0
4	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% vốn CP <i>Other professional</i>	6,523,262	23.31%	24	24	0

	<i>shareholders</i>					
	- Trong nước / <i>Local</i>	4,360,030	15.58%	15	15	0
	- Nước ngoài / <i>Foreign</i>	2,163,232	7.73%	9	9	0
	TỔNG CỘNG / <i>TOTAL</i>	20,730,465	74.07%	29	28	1

4. Loại hình sở hữu / *Type of ownership*

Đối tượng <i>Type</i>	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng <i>No. of restricted shares</i>	Số lượng CP chuyển nhượng tự do <i>No. of unrestricted shares</i>	Tổng cộng <i>Total</i>	Tỷ lệ sở hữu (%) <i>Rate</i>
I. Cổ đông đặc biệt / <i>Special shareholders</i>	0	8,550,360	8,550,360	30.55%
1. Hội đồng quản trị / <i>BOM</i>	0	8,211,570	8,211,570	29.34%
2. Ban Giám đốc / <i>BOD</i>	0	4,768,170	4,768,170	17.04%
3. Ban Kiểm soát / <i>AC</i>	0	12,420	12,420	0.04%
4. Giám đốc Tài chính / <i>CFO</i>	0	3,730	3,730	0.01%
5. Kế toán trưởng / <i>Chief Accountant</i>	0	2,400	2,400	0.01%
6. Người được ủy quyền CBTT <i>Authorized for disclosure of information</i>	0	320,240	320,240	1.14%
II. Cổ phiếu quỹ / <i>Treasury shares</i>	0	479,300	479,300	1.71%
III. Công đoàn công ty / <i>Union</i>	0	0	0	0.00%
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi / <i>Shareholders owning preferred shares</i>	0	0	0	0.00%
V. Cổ đông khác / <i>Other shareholders</i>	0	0	0	0.00%
1. Trong nước / <i>Local</i>	0	13,463,879	13,463,879	48.11%
1.1 Cá nhân / <i>Individual</i>	0	4,611,246	4,611,246	16.48%
1.2 Tổ chức / <i>Institution</i>	0	8,852,633	8,852,633	31.63%

Trong đó nhà nước / <i>State:</i>	0	0	0	0.00%
2. Nước ngoài / <i>Foreign</i>	0	5,492,979	5,492,979	19.63%
2.1 Cá nhân / <i>Individual</i>	0	1,529,747	1,529,747	5.47%
2.2 Tổ chức / <i>Institution</i>	0	3,963,232	3,963,232	14.16%
TỔNG CỘNG / <i>TOTAL</i>	0	27,986,518	27,986,518	100.00%

Ghi chú: Toàn bộ Ban Giám đốc đều thuộc Hội đồng Quản trị / *All BOD members are also BOM members*

C. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN / *DEVELOPMENT ORIENTATION*

I. THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH / *CHAIRMAN'S GREETING*

Kết thúc năm đầu tiên của chặng hành trình mới, tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế toàn công ty lần lượt đạt 785.9 tỷ đồng và 84.5 tỷ đồng. Mặc dù chưa hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận do cổ đông giao phó nhưng chúng ta đã chứng minh được nội lực phát triển mạnh mẽ thông qua việc duy trì tăng trưởng và mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực mới với nhiều thành tựu ấn tượng.

Ending first year of the new journey, the total Revenue and Profit-after-Tax reached 785.9 billion VND and 84.5 billion VND. Although sales and profit target could not be achieved as the expectations of shareholders, we have been seeing strong growth from internal resources of Everpia Vietnam through the continued growth and expansion business into new areas with impressive achievements..

Chúng ta vẫn giữ vững được thị phần và ổn định doanh thu nhưng tôi biết, chúng ta có thể làm tốt hơn. Chúng ta cần phải tiếp tục dẫn đầu đổi mới, tăng năng suất, củng cố thương hiệu, đổi mới sản phẩm, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu. Các hoạt động này không chỉ góp phần làm tăng doanh số công ty mà còn tạo ra các giá trị bền vững. Tôi đang nghĩ tới hành động cụ thể cho từng mục tiêu:

We still maintain stable market share and revenue but I know we can do better. We need to continue to lead innovation, increase productivity, strengthen brand, and promote export activities. These activities not only contribute to the increase of the Company's Sales but also to create sustainable value. I am thinking about specific actions for each objective::

Công ty của những nhãn hiệu hàng đầu / *A focused company of leading brands*

Với hai ngành nghề kinh doanh cơ bản: Bông tằm và Chăn – ga – gối – đệm chúng ta đã có được cho mình những thương hiệu ở mọi phân khúc thị trường. Mục tiêu của chúng ta là củng cố và xây dựng những thương hiệu này thành các thương hiệu được người tiêu dùng ưa thích cùng các sản phẩm tạo ra giá trị cho khách hàng, được khách hàng tin dùng và trung thành lâu dài. Đối với mỗi thương hiệu, chúng

ta cần xây dựng chiến lược cụ thể để tạo ra các giá trị cốt lõi, nhanh chóng tiếp cận thị trường mục tiêu, cung cấp cho khách hàng dịch vụ và trải nghiệm mua sắm hoàn hảo.

With two main business lines: Bedding and Padding, our brands have been present in all market segments. Our goal is to consolidate and build consumer-preferred brands that create brand loyalty and long-term value for customers. For each brand, we need to build specific strategies to create core values, rapidly approach the target market, and provide excellent shopping and customer service experience..

Năm 2014, chúng ta đã giới thiệu ra thị trường sản phẩm đồ nội thất bằng gỗ tự nhiên mang thương hiệu Everon Furniture. Năm 2015, dòng sản phẩm đệm lò xo cao cấp mang thương hiệu Style Master cùng các sản phẩm ruột mang thương hiệu Invista sẽ lần lượt được ra mắt. Chính sách giao hàng và lắp đặt tận nơi, dịch vụ bán hàng và hậu mãi chuyên nghiệp là điểm mạnh mà công ty đã, đang và sẽ duy trì.

New product line of natural wood furniture, Everon Furniture brand, was launched in 2014. The product line of luxury spring Style Master brand and Invista insert products will be in turn launched in 2015. Delivery and installation service along with professional after-sales service are significant competitive advantages that being maintained.

Mở rộng và phát triển mạng lưới phân phối / *Distribution network expansion and development*

Đối với ngành hàng Chăn ga, bên cạnh việc duy trì ổn định số lượng đại lý, chúng ta sẽ tập trung phát triển theo chiều sâu với các gian hàng được thiết kế và lắp đặt nội thất đặc trưng đem lại trải nghiệm mua sắm thú vị và hấp dẫn cho người tiêu dùng. Việc đổi mới này nằm trong mục tiêu xây dựng hệ thống phân phối vững chắc không chỉ ngành hàng chủ lực mà còn làm nền tảng để mở rộng các ngành hàng mới.

For Bedding business, besides maintaining a stable number of agents, we will focus on developing in-depth with booth design and interior installation bringing enjoyable shopping experiences to consumers. This innovation is in the goal to build strongly distribution system not only major industries but also being a foundation to expand new product lines.

Trong năm nay, hoạt động kinh doanh các đơn hàng đặc biệt (B2B), hoạt động xuất nhập khẩu sẽ được ưu tiên đẩy mạnh. Sau một thời gian triển khai các hoạt động kinh doanh này, chúng ta đã từng bước đạt được tăng trưởng doanh số nhưng so với quy mô thị trường thì sự tăng trưởng này là chưa tương xứng. Tôi tin rằng, cùng kinh nghiệm đã được tích lũy, thực hiện triển khai hoạt động kinh doanh tích cực trên cơ sở thương hiệu đã có, bổ sung nhân lực tại các địa bàn quan trọng, chúng ta có thể đạt được mức tăng trưởng lớn về doanh thu.

Special business-to-business and import and export activities will be priority promoted. After a period of deployment of these business activities, it has gradually achieved sales growth but was still not commensurate with the market size. I believe that the implementation of the business based on existing

brands in a positive way whiles using the experience has been accumulated and adding manpower for important areas, we can achieve impressive growth in revenue.

Bắt đầu từ năm 2014, để mở rộng thị trường kinh doanh Chăn – ga – gối – đệm và vận hành các dây chuyền sản xuất liên tục, hạn chế rủi ro việc mùa trái vụ, chúng ta đã tăng cường công tác xuất khẩu và có được các đối tác nước ngoài tương đối ổn định. Trong năm 2015 này, bên cạnh sản xuất các mẫu sản phẩm theo đơn đặt hàng, xuất khẩu các mặt hàng do chính công ty thiết kế tại các thị trường Châu Á, Đông Âu và Mỹ là mục tiêu của chúng ta.

To expand the Bedding business and run bedding production line continuously and smoothly to compensate for idle in the off-season, we have increased exports in 2014 and initially approached by a number of comparative stable foreign partners. In 2015, in addition to producing special orders, we aims to export original existing products to markets in Asia, Eastern Europe, and the US..

Đối với ngành hàng Bông tấm, ngoài mục tiêu duy trì cơ cấu khách hàng ổn định, với chiến lược tiếp thị thông minh nắm bắt nhu cầu khách hàng một cách tốt nhất chúng ta sẽ có thể tăng tỷ trọng trong đơn hàng từ các khách hàng truyền thống và nhận đơn hàng từ các khách hàng của đối thủ cạnh tranh

For Padding business, in addition to maintaining stable customer structure, with a smart marketing strategy to capture consumer needs in the best way, we can increase traditional customer orders and receive new one from customers of our competitors.

Nâng cao năng suất / *Productivity Improvement*

Trong những năm qua, chi phí tiền lương và các chi phí khác đã ảnh hưởng đáng kể tới lợi nhuận của công ty. Để duy trì lợi nhuận chúng ta cần giảm giá thành sản xuất thông qua việc nâng cao năng suất lao động. Nếu năng suất lao động tăng 10% thì lợi nhuận sau thuế có thể tăng trên 20%. Do đó, đây là hướng đi quan trọng đối với tăng trưởng bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh. Bên cạnh đổi mới quy trình tuyển dụng, chúng ta sẽ tổ chức các chương trình đào tạo nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng và hiệu quả lao động cho cán bộ công nhân viên toàn công ty. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cấp và mua mới các thiết bị sản xuất hiện tại cũng sẽ được thực hiện song song.

In recent years, salary cost and other expenses were significantly affected company profitability. To maintain company profit, we need to reduce production cost by improving labor productivity. The Profit-after-Tax may increase over 20% if labor productivity increase by 10%. Therefore, this is an important way for sustainable growth and improving competitiveness. Besides renewal recruitment process, we will organize training programs to improve the skills and labor efficiencies for employees. Increasing infrastructure will be done together with upgrading and buying new equipment manufacturing.

Besides the innovative recruitment process, we plan organize training programs to improve skills and efficiency for all employees throughout the Company. Increasing investment in infrastructure, upgrade and buy new and existing production equipment will be done in parallel.

Tôi tin rằng, bằng việc cơ cấu hợp lý dây chuyền sản xuất mang tính chuyên nghiệp, thực hiện linh hoạt, đồng bộ các mục tiêu đã nêu chúng ta chắc chắn sẽ đạt được mức tăng trưởng lớn về doanh thu và tạo nên các giá trị bền vững.

With the logical structure of production line and flexible implementation, we will surely achieve significant growth in revenue and sustainable value.

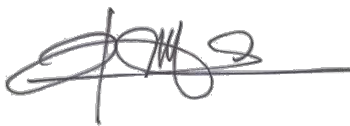
Tôi tin rằng với sự đồng hành của Quý cổ đông, khách hàng và đối tác, Everpia Việt Nam sẽ tiếp tục đạt được những thành tựu to lớn và ngày càng khẳng định vị thế của mình.

With the logical structure of production line and flexible implementation, we will surely achieve significant growth in revenue and sustainable value.

Xin gửi lời tri ân tới niềm tin của Quý cổ đông đã đặt vào EVE. Chúng tôi đã, đang và sẽ luôn cần sự ủng hộ của Quý vị trên chặng đường phát triển mới nhằm tiếp tục mang lại những giá trị tốt đẹp cho xã hội và cộng đồng.

I would like to thank to all shareholders for your faith on EVE. We were, we are and we will be always looking forward to your support in this development path, and will then return good values to both social and community.

Tháng 4 năm 2015 / April, 2015



Lee Jae Eun

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

Chairman of BOM – General Director of Everpia Vietnam JSC

II. PHÂN TÍCH S.W.O.T / S.W.O.T ANALYSIS

Điểm mạnh / Strengths

- Công ty có tầm nhìn, chiến lược phát triển dài hạn và rõ ràng.
- *Having clear vision and long-term strategy development.*
- Công ty hiện đang nắm thị phần dẫn đầu thị trường chần – ga – gói – đệm và bông tám hiện đang dẫn đầu thị trường. Sản phẩm của công ty vẫn đang tiếp tục chiếm được lòng tin của khách hàng.
- *Holding leading market share in both leading and padding market. The Company's products continue to gain customer trust.*

- Hệ thống phân phối độc quyền phủ khắp Việt Nam.
- *National distribution system.*
- Năng lực sản xuất lớn có thể đáp ứng được đầy đủ nhu cầu của khách hàng và chiến lược phát triển dài hạn.
- *High production capacity to meet all customer needs and long-term strategy development.*
- Sở hữu mạng lưới nhà cung cấp nguyên vật liệu lớn, ổn định với giá cả cạnh tranh, luôn có thể đáp ứng kịp thời phục vụ nhu cầu sản xuất.
- *Owing a huge network of material suppliers offering a good quality products at very keen prices that always meet production needs.*
- Nguồn lực tài chính mạnh giúp công ty chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mở rộng phục vụ cho chiến lược phát triển của công ty.
- *Strong financial resources to run the production and business activities effectively while expand investment under the strategy development of the Company.*
- Ứng dụng công nghệ vào quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh (sử dụng ERP, POS và GPS giúp công ty có thể quản lý hiệu quả từ khâu sản xuất cho đến lưu thông, phân phối).
- *Application of technology into production and business activities (using ERP, POS, and GPS can help the Company manage production and distribution effectively).*

Điểm yếu / Weaknesses

- Các sản phẩm chăn – ga – gối – đệm của công ty hướng đến các đối tượng khách hàng có thu nhập trung bình khá trở lên, vậy nên trong giai đoạn kinh tế khó khăn, công ty bị hạn chế trong cạnh tranh về giá với các đối thủ trên thị trường.
- *Bedding products targeting middle-end customers, thus the Company has less competitive on price in difficult economic period.*
- Nguyên vật liệu chính phục vụ cho sản xuất chủ yếu nhập từ nước ngoài (Hàn Quốc, Trung Quốc, Indonesia...) nên công ty đang phải chịu rủi ro về biến động tỷ giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- *The Company is facing the risk of fluctuations in exchange rates mainly due to importing raw materials from abroad (Korea, China, Indonesia, etc.)*
- Do khá chú trọng vào hoạt động kinh doanh bán lẻ các sản phẩm chăn – ga – gối – đệm nên Everpia Việt Nam chưa thực sự mạnh trong mảng hoạt động kinh doanh B2B – cung

cấp sản phẩm cho các khách hàng là các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ khách sạn, công ty tiêu dùng.

- *As focusing resources on retailing bedding products, Everpia Vietnam has not developed B2B channel well.*

Cơ hội / Opportunities

- Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với thế giới (dự kiến trong năm 2015, Việt Nam sẽ tham gia ký kết Hiệp định thương mại tự do Nam - EU, Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương – TPP...). Đây là cơ hội lớn đối với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam nói chung và với Everpia Việt Nam nói riêng trong việc mở rộng thị trường và phạm vi hoạt động ra nước ngoài.
- *Vietnam is toward deeper integration with the world economy (in 2015, Vietnam will participate to sign a free trade agreement Viet Nam – EU, Trans-Pacific Partnership – TPP, etc.). This is a great opportunity for the business community in Vietnam in general and Everpia Vietnam in particular in expanding markets and the scope of abroad activities.*
- Kinh tế Việt Nam đang dần hồi phục, sức mua của người dân đang dần tăng trở lại. Thị trường bất động sản phân khúc nhà ở dân cư đang ấm dần lên đây là cơ hội lớn cho sự phát triển của hoạt động kinh doanh các sản phẩm chăn – ga – gối – đệm.
- *Vietnam's economy is recovering driving the increase of consumer purchasing power. Real estate market in the residential segment is warming bring a great opportunity for the development of bedding line.*
- Việt Nam đang đẩy mạnh các hoạt động đầu tư cho du lịch. Bên cạnh các hoạt động quảng bá, khách sạn, khu nghỉ dưỡng đang được đầu tư xây dựng ngày càng nhiều đi cùng với đó là nhu cầu về các sản phẩm chăn – ga – gối – đệm và trang trí cho khách sạn cũng tăng lên nhanh chóng.
- *The investment activities in Vietnam's tourism are being promoted. Besides, the promotional activities, hotels, resorts are developed more which leads to the rapid increasing demand for bedding products and interior decoration.*

Thách thức / Threats

- Hơn 50% doanh thu của công ty đến từ hoạt động kinh doanh bán lẻ các sản phẩm chăn – ga – gối – đệm. Tuy nhiên đây lại không phải là các sản phẩm tiêu dùng thiết yếu, vì vậy khi nền kinh tế gặp khó khăn, người dân thắt chặt chi tiêu thì doanh thu của công ty sẽ bị ảnh hưởng. Nền kinh tế Việt Nam mặc dù đã phần nào ổn định, nhưng vẫn còn tồn tại

nhiều khó khăn và thách thức trong các năm tới. Đây là thách thức buộc công ty phải tìm kiếm giải pháp thúc đẩy các hoạt động khác như B2B, xuất khẩu nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh trước các biến động kinh tế.

- *Over 50% of the Company's revenue comes from bedding retail operation. However, this is not essential consumer products so when the economy is struggling, people tighten their belts the Company's revenue will be affected. Although somewhat stable but the Vietnam economy still has many difficulties and challenges in the coming years. These challenges are forcing Everpia Vietnam to look for solutions to promote other activities such as B2B and export to stabilize production and business operation before the economic upheaval.*
- Đối với hoạt động kinh doanh B2B – hướng tới các khách hàng doanh nghiệp, Everpia Việt Nam mới chỉ gia nhập thị trường nên chưa có nhiều kinh nghiệm.
- *For B2B business, Everpia Vietnam has newly entering the market so has less experience.*
- Mức độ cạnh tranh trên thị trường Việt Nam ngày càng khốc liệt. Bên cạnh các đối thủ trong nước ngày càng lớn mạnh cũng xuất hiện ngày càng nhiều các đối thủ cạnh tranh đến từ nước ngoài khi các hàng rào thuế quan và các quy định bảo hộ doanh nghiệp trong nước được nói lỏng và xóa bỏ.
- *The fierce competition in the market is increasing in Vietnam. Besides the growth of domestic rivals, oversea market appears more competitive because the tariffs and regulations for protection of domestic firms are loosened and removed.*
- Áp lực là doanh nghiệp dẫn đầu, kỳ vọng của các nhà đầu tư về tốc độ tăng trưởng, tỷ lệ chi trả cổ tức ... đã và đang tạo áp lực không nhỏ lên HĐQT và Ban điều hành.
- *Being pressure to hold leading position; expectations of investors on growth, dividend payout ratio, etc. have created considerable pressure on the BOM and BOD.*

III. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN / *MEDIUM AND LONG TERM DEVELOPMENT STRATEGIES*

- Nâng cao giá trị thương hiệu thông qua việc gia tăng thị phần nội địa, mở rộng xuất khẩu, khai thác hiệu quả hệ thống phân phối.
- *Enhance brand value through increasing domestic market share, expanding exports, exploitation of the distribution system efficiently.*
- Tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi, nâng cao và tối ưu hóa năng lực sản xuất.
- *Focus on developing core business, improving and optimizing production capacity.*
- Quản trị doanh nghiệp minh bạch, hiệu quả, lành mạnh và chuyên nghiệp với mục tiêu phát triển bền vững.

- *Corporate governance transparent, efficient, healthy and professional with sustainable development goals.*
- Thực hiện tốt trách nhiệm với xã hội, môi trường và người lao động.
- *Have responsibilities to social, environment and employees.*

D. MÔ HÌNH CÔNG TY VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ / COMPANY STRUCTURE AND MANAGEMENT APPARATUS

I. DANH SÁCH NHÀ MÁY, CHI NHÁNH VÀ CÔNG TY CON / MANUFACTURING SITES, TRADING BRANCHES AND SUBSIDIARIES

1. Danh sách nhà máy / Manufacturing sites

03 nhà máy sản xuất tại Hà Nội, Hưng Yên và Đồng Nai với tổng công suất 7 triệu sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm và 30 triệu yard Bông tằm mỗi năm đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước cũng như mở rộng xuất khẩu. Hoạt động của nhà máy tại Hà Nội chủ yếu là sản xuất bông tằm và bông chần, còn nhà máy tại Hưng Yên sản xuất các sản phẩm Chăn – ga – gối – đệm.

Everpia Vietnam has three manufacturing plants (one in Hanoi, Hung Yen, and the other in Dong Nai) which distribute products across the country. The manufacturing operations in Ha Noi consist of padding and quilting, and the factory in Hung Yen deals with all kind of bedding items.

Nhà máy <i>Manufacturing sites</i>	Số lượng trang thiết bị máy móc <i>Equipment</i>	Số lượng CBCNV <i>Number of Employees</i>
Nhà máy Hà Nội / Ha Noi Factory Dương Xá – Gia Lâm – Hà Nội / <i>Duong Xa – Gia Lam – Ha Noi</i> Diện tích / <i>Factory size:</i> 15,000sqm Hoạt động chính / <i>Main activities:</i> Sản xuất và kinh doanh Bông tằm / <i>Padding business</i> Công suất hoạt động / <i>Production capacity:</i> 15 triệu yards Bông tằm / <i>15 million yards of padding</i> Tel: (84-4) 3827 6490 Fax: (84-4) 3827 6492	03 dây chuyền sản xuất bông tằm. <i>03 Padding Production lines.</i> 01 dây chuyền sản xuất bông thổi <i>01 Cotton Blow Production lines.</i> 05 máy đánh suốt. <i>05 Shuttle machines.</i> 19 máy chần <i>19 Quilting machines.</i> 01 dây chuyền sản xuất đệm lò xo <i>01 Spring mattress production line</i> 01 dây chuyền ép méch. <i>01 bonding lines</i>	139 CBCNV 135 employees: - 14 lao động gián tiếp <i>- 14 officers.</i> - 125 lao động trực tiếp <i>- 125 workers.</i>
Nhà máy Hưng Yên / Hung	01 dây chuyền sản xuất ruột chăn	537 CBCNV/ <i>employees</i>

<p>Yen Factory</p> <p>Tân Quang – Văn Lâm – Hưng Yên / <i>Tan Quang – Van Lam – Hung Yen</i></p> <p>Diện tích / <i>Factory size</i>: 17,670sqm</p> <p>Hoạt động chính / <i>Main activities</i>: Sản xuất và kinh doanh Chăn – ga - gối - đệm / <i>Bedding business</i></p> <p>Công suất hoạt động / <i>Production capacity</i>: 5 triệu sản phẩm Chăn – ga - gối - đệm / <i>5 million bedding items</i></p> <p>Tel: (84-321) 3791 777</p> <p>Fax: (84-321) 3791 999</p>	<p><i>01 Quilt insert (No-resin) production line</i></p> <p>01 dây chuyền sản xuất đệm bông ép</p> <p><i>01 PE mattress production line</i></p> <p>01 máy thổi ruột gối</p> <p><i>01 Pillow blowing machine</i></p> <p>02 máy suốt chỉ</p> <p><i>02 Shuttle machines</i></p> <p>04 máy chần chăn</p> <p><i>04 One-head quilting machines</i></p> <p>12 máy thêu (1 máy thêu chạy mẫu)</p> <p><i>12 embroidery machines (1 sample machine)</i></p> <p>15 máy chần</p> <p><i>15 Quilting machines</i></p> <p>02 Máy can vải</p> <p><i>02 Fabric Intervention Machine</i></p> <p>13 Máy vắt sổ</p> <p><i>13 Overlock Sewing Machine</i></p> <p>02 Máy chém gối</p> <p><i>02 Guillotine Pillow Machine</i></p> <p>11 Máy bọc viền</p> <p><i>11 Wrapped Edging Machine</i></p> <p>196 máy may (194 máy một kim, 2 máy 2 kim)</p> <p><i>196 Sewing machines</i></p>	<p>- 101 lao động gián tiếp</p> <p>- <i>101 officers.</i></p> <p>- 436 lao động trực tiếp</p> <p>- <i>436 workers.</i></p>
<p>Nhà máy Đồng Nai / <i>Dong Nai Factory</i></p> <p>Lô 4, KCN Biên Hòa 1, Biên Hòa, Đồng Nai / <i>Lot 4, Bien Hoa I Industrial park, Bien Hoa, Dong Nai</i></p> <p>Diện tích / <i>Factory size</i>:</p>	<p>- 01 dây chuyền sản xuất đệm</p> <p>- <i>01 PE mattress production lines</i></p> <p>01 dây chuyền sản xuất đệm</p> <p><i>01 PE mattress production lines</i></p> <p>01 dây chuyền sản xuất ruột chăn</p> <p><i>01 Quilt insert (No-resin) production</i></p>	<p>362 CBCNV</p> <p><i>362 employees</i></p> <p>- 70 lao động gián tiếp</p> <p>- <i>70 officers.</i></p> <p>- 292 lao động trực tiếp</p> <p>- <i>292 workers.</i></p>

<p>37,762sqm</p> <p>Hoạt động chính / <i>Main activities</i>: Sản xuất và kinh doanh Bông tằm, Chăn – ga - gối - đệm / <i>Padding & Bedding business</i></p> <p>Công suất sản xuất / <i>Production capacity</i>: 15 triệu yard Bông tằm & 2 triệu sản phẩm Chăn – ga - gối - đệm / <i>15 million yards padding & 2 million bedding items</i></p> <p>Tel: (84-61) 8869 161 Fax: (84-61) 8869 151</p>	<p><i>line</i></p> <p>01 dây chuyền sản xuất đệm lò xo <i>01 Spring mattress production line</i></p> <p>02 dây chuyền sản xuất bông <i>02 Padding Production lines</i></p> <p>06 máy thêu (1 máy hồng) <i>06 embroidery machines</i></p> <p>07 máy chân chần <i>07 One-head quilting machines</i></p> <p>07 máy suốt chỉ <i>07 Shuttle machines</i></p> <p>20 máy chần <i>20 Quilting machines</i></p> <p>160 máy may (67 máy hồng) <i>160 Sewing machines</i></p>	
---	--	--

2. Chi nhánh giao dịch / *Trading Branches*

Chi nhánh giao dịch Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 85 đường An Dương Vương, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Diện tích: 107m²

Tel: (84-8) 6261 2078

Fax: (84-8) 6261 1541

Hochiminh transaction branch

Address: 85 An Duong Vuong street, Ward 8, District 5, Hochiminh City

Showroom size: 107sqm

Tel: (84-8) 6261 2078

Fax: (84-8) 6261 1541

Chi nhánh giao dịch Đà Nẵng

Địa chỉ: Số 379-381 đường Ông Ích Khiêm, phường Hải châu 2, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Diện tích: 356m²

Tel: (84-51) 1381 5579

Fax: (84-51) 1381 5679

Danang transaction branch

Address: Da Nang transaction branch: No. 379-381 Ong Ich Khiem street, Hai Chau 2 ward, Hai Chau district, Da Nang City

Showroom size: 356sqm

Tel: (84-51) 1381 5579

Fax: (84-51) 1381 5679

Chi nhánh giao dịch Hòa Bình

Địa chỉ: Xã Lâm Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

Diện tích: 7,035m²

Hoabinh transaction branch

Address: Lam Son commune, Luong Son district, Hoa Binh province

Land size: 7.035m²

3. Danh sách công ty con / Subsidiaries

STT <i>No.</i>	Tên công ty <i>Subsidiary</i>	Ngành nghề <i>Business scope</i>	Vốn điều lệ <i>Charter Capital</i>	Tỷ lệ sở hữu của Everpia Việt Nam <i>Percentage of ownership</i>	Địa chỉ <i>Address</i>
1	Công ty TNHH Everpia Cambodia <i>Everpia Cambodia Company Limited</i>	Thực hiện quyền phân phối và xuất nhập khẩu các sản phẩm vải không dệt, vải lọc, ni, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi sách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác theo quy định của pháp luật Campuchia <i>Trading and Im-exporting non-woven fabric, filter cloth, felt, blanket, bed cover, pillow, mattress, sleeping bag, kit-bag, handbag, underwear and other garment products in accordance to Cambodia regulation.</i>	10,000,000,000	100%	Monivong Blvd, St. 360, Phnom Penh, Cambodia

II. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG / *ORGANIZATION CHART & SHAREHOLDERS STRUCTURE*

1. Sơ đồ tổ chức / *Organization chart*

2. Cơ cấu lao động công ty / *Labor Structure*

Tính đến cuối năm 2014, tổng số lao động tại công ty là 1,079 người: 853 công nhân và 226 nhân viên văn phòng và nhân viên bán hàng tại các showroom.

As of December 31, 2014, the Company had approximately 1,079 employees: 853 in production area and 226 in office and showroom operations.

Phân loại lao động <i>Indicators</i>	Số lượng (người) <i>No. of people</i>	Tỷ lệ <i>Rate (%)</i>
Theo trình độ học vấn/ <i>Education background</i>		
Đại học và trên đại học/ <i>University and above</i>	150	13.9%
Cao đẳng và Trung cấp/ <i>College and Intermediate</i>	447	41.4%
Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông/ <i>Technican and unskilled laborer</i>	482	44.7%
Theo đối tượng lao động/ <i>Production related</i>		
Trực tiếp/ <i>Direct</i>	853	78.8%
Gián tiếp/ <i>Indirect</i>	226	21.2%
Theo giới tính/ <i>Gender</i>		
Nam/ <i>Male</i>	457	42.4%
Nữ/ <i>Female</i>	622	57.6%

III. Giới thiệu hội đồng quản trị và ban kiểm soát / *The Board of Management & The Audit Committee*

1. Hội Đồng Quản Trị / *Board of Management*

Hội đồng quản trị (HĐQT) được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT của Công ty hiện gồm 7 thành viên với các quyền hạn và trách nhiệm cơ bản sau:

The Board of Management (BOM) is appointed at the General Shareholders' Meeting (GSM) and entrusted with the full power to exercise all rights and relegated to the authority of the GSM. The BOM comprises seven members with the following rights and duties

- Báo cáo cho ĐHĐCĐ các vấn đề về tình hình kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính, kiến nghị mức cổ tức được trả

Report to the GSM on the Company's business performance, financial statement and propose the rate of dividend

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty

Establishing operational goals pursuant to the strategic goals approved by the GSM.

- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty

Decide the Company's organisational structure and operational rules

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác được quy định bởi Luật, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Other rights and duties in accordance with statutory

- *Building strategies and medium-term development plan and the annual business plan of the company*

ÔNG LEE JAE EUN – Chủ tịch Hội đồng Quản trị / Tổng Giám đốc

Mr. LEE JAE EUN – Chairman of BOM/ General Director

Ông Lee Jae Eun là người sáng lập và trực tiếp điều hành Everpia Việt Nam. Ông đã đưa Everpia Việt Nam trở thành một trong 20 công ty Hàn Quốc có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tốt nhất tại Việt Nam, một trong 50 doanh nghiệp niêm yết kinh doanh hiệu quả nhất. Cá nhân ông đã được Hiệp hội Thương mại Công nghiệp Hàn Quốc - Korcharm trao giải Doanh nhân xuất sắc

Mr. Lee Jae Eun is the founder and executive director Everpia Vietnam. He has led Everpia Vietnam to become one of 20 South Korean companies having the best business results in Vietnam and Vietnam's 50 TOP performing listed companies. He won himself the Entrepreneur Excellence awarded by Korea Chamber of Commerce and Industry.

Tốt nghiệp trường Đại học Sung Kyun Kwan với bằng Cử nhân Kinh tế. Trước khi sáng lập EVE, ông từng có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính và Đầu tư tại Hàn Quốc.

Graduated from Sung Kyun Kwan University with a Bachelor of Economics. Before founding EVE, he had 20 years of experience in the field of Finance and Investment in South Korea.

Everpia Việt Nam tin tưởng sẽ tiếp tục tăng trưởng và phát triển bền vững dưới sự dẫn dắt, khả năng lãnh đạo và tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Lee Jae Eun.

Everpia Vietnam believes its growth and development have benefited significantly from Mr. Lee's leadership and strategic vision.

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị/ *Members of BOM*

1. Ông Lee Jae Eun – Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Mr. Lee Jae Eun – Chairman of the BOM
2. Ông Cho Yong Hwan – Thành viên Hội đồng Quản trị
Mr. Cho Yong Hwan – Member of BOM
3. Ông Nguyễn Văn Đào – Thành viên Hội đồng Quản trị
Mr. Nguyen Van Dao – Member of BOM
4. Ông Lee Jewon – Thành viên Hội đồng Quản trị
Mr. Lee Jewon – Member of BOM
5. Bà Lê Thị Thu Hiền – Thành viên Hội đồng Quản trị
Mrs. Le Thi Thu Hien – Member of BOM
6. Ông Ngô Phương Chí - Thành viên Hội đồng Quản trị
Mr. Ngo Phuong Chi – Member of BOM
7. Ông Jean Charles Belliol - Thành viên Hội đồng Quản trị
Mr. Jean Charles Belliol – Member of BOM

Portrait

2	3	4
5	6	7

2. *Ban Kiểm soát / Audit Committee*

Ban Kiểm soát được bầu bởi ĐHĐCĐ và hiện có 3 thành viên. Ban Kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ chính sau:

Audit Committee is elected by the GSM and has 3 members. Key tasks of the AC include:

- Giám sát Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty
Supervise BOM and BOD manangement and administration practices.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
Inspect the validity, legality, transparency, corporate governance and prudence of business operations, important business transactions, accounting and statistical practices, as well as financial reporting.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
Evaluate the business report, Financial Statements, reporting on evaluations by the BOM
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp Luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
Other rights and obligations of the AC as described in law, the Group Charter and resolutions of the GSM.

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát/ *Member of Audit Committee*

1. Ông Trương Tuấn Nghĩa – Trưởng Ban Kiểm soát
Mr. Truong Tuan Nghia – Management of Audit Committee.
2. Ông Hong Sun – Thành viên Ban Kiểm soát
Mr. Hong Sun – Member of AC
3. Ông Suh Seung Chul – Thành viên Ban Kiểm soát
Mr. Suh Seung Chul – Member of AC

Portrait

1	2	3
---	---	---

E. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM / *BUSINESS PERFORMANCE REPORT*

I. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / *REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT*

1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / *BOARD OF MANAGEMENT OPERATION*

Trong năm 2014, HĐQT đã tiến hành 7 phiên họp trong đó gồm có 4 phiên họp thường kỳ hàng quý và 3 phiên họp bất thường. Các thành viên HĐQT đều tích cực tham gia, đóng góp ý kiến và biểu quyết thông qua các quyết định.

Board of Management (BOM) conducted seven meetings in 2014, including four regular and three extraordinary sessions. Every BOM member was actively involved, commented, and voted to adopt the decisions.

Ngoài các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, các cuộc họp trong năm 2014 chủ yếu xoay quanh các vấn đề liên quan đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh do ĐHCĐ đề ra. Bám sát các diễn biến của kết quả kinh doanh trong từng quý để có những quyết sách, chỉ đạo kịp thời phù hợp với các biến động của thị trường. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua dựa trên sự nhất trí cao của các thành viên nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất của các cổ đông và sự phát triển bền vững của công ty.

Besides the usual issues under the decision of the BOM, the content of those meetings is mainly discuss around issues related to the implementation of business plan proposed by the Annual General Meeting of Shareholders. It aims to have comprehensive insights into the quarterly business results to make suitable decisions dealing with the fluctuations in market. Resolution and decisions of the BOM are based on the consensus of all members to act in the best interest of shareholder and sustainable development of the Company.

Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết của HĐQT: / *The contents have been adopted in the Resolution of the BOM:*

- Thông qua thời gian địa điểm và nội dung chương trình ĐHCĐ thường niên 2014.
- *Time, venue, and contents of the Annual General Meeting of Shareholders*
- Thông qua các nội dung chính sẽ trình trong ĐHCĐ thường niên 2014: Kết quả kinh doanh năm 2013; Tỷ lệ cổ tức năm 2013; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2013; Lựa chọn công ty kiểm toán năm tài chính 2014; Thù lao HĐQT và BKS; Kế hoạch kinh doanh năm 2014.
- *Main contents to be presented in the Annual General Meeting of Shareholders in 2014: Business results in 2013; Dividend in 2013; Profit Distribution 2013, Selection of a financial audit company in 2014; Remuneration for the BOM and the Audit Committee; Business Plan 2014.*
- Đóng cửa công ty con – Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam.
- *The closure of Mattpia Vietnam Joint Stock Company.*
- Đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- *Registration of additional business.*

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH / *MONITORING AND EVALUATION OF BOD'S OPERATIONS*

Phương pháp giám sát / *Monitoring Method*

- Thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, HĐQT đã trao đổi và chất vấn Ban điều hành về các hoạt động sản xuất kinh doanh. Nghe báo cáo của đại diện Ban điều hành về các khó khăn vướng mắc, cùng thảo luận bàn bạc và đưa ra các giải pháp tháo gỡ. / *In the regular and extraordinary BOM sessions, the BOM discussed and questioned the BOD about business and manufacturing operation; listen to the BOD's representative reporting on difficulties and challenges in order to provide solution to solve those problems.*
- Kết hợp với Ban kiểm soát để nắm bắt tình hình hoạt động thực tế của doanh nghiệp. / *To cooperate with the Audit Committee to grasp the current business situation of the*
- Đưa ra các nghị quyết sau các buổi họp HĐQT để cho Ban điều hành có cơ sở triển khai thực hiện. / *To propose resolutions after BOM's meetings for the implementation of Executive Board.*
- Cử đại diện thay mặt HĐQT (chủ tịch HĐQT) tham dự các cuộc họp với Ban điều hành để nắm bắt và kịp thời chỉ đạo, đôn đốc các hoạt động của Ban điều hành cũng như của Công ty. / *To appoint representatives on behalf of the Chairman of the BOM to attend meetings with the BOD. It aims to capture and timely direct the operation of the BOD as well as the Company on a whole.*

Kết quả giám sát / *Monitoring Results*

Công ty cổ phần Everpia Việt Nam đã kết thúc năm 2014 với kết quả như sau: *Summary of Everpia Vietnam JSC operations in 2014 as follows:*

- Kết quả kinh doanh: / *Business Results*

- Doanh thu đạt 781 tỷ đồng đạt xấp xỉ 98% kế hoạch tăng 31 tỷ so với cùng kỳ năm 2013. / *Sales reached 781 billion VND, an increase of 31 billion VND yoy and achieved 98% of the plan.*
- Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 84 tỷ đồng đạt 94% kế hoạch giảm gần 500 triệu so với cùng kỳ năm 2013 / *Profit After Tax reached 84 billion VND, a decrease of 500 million yoy and fulfilled 94% of the plan.*
- Thu nhập trên cổ phiếu đạt 3,072 VNĐ/cổ phiếu giảm 0.9% so với năm 2013. / *Earnings Per Share is 3,072 VND, a decrease of 0.9% in comparison with the last year.*
- Đầu tư tài sản: / *Investment in Assets*
 Bên cạnh công tác duy tu bảo dưỡng các nhà xưởng máy móc thiết bị hiện có, công ty đã đầu tư lắp đặt mới một số thiết bị máy móc để tăng cường năng lực sản xuất. Cụ thể như sau:
 / *Besides the maintenance of the existing buildings, facilities, and machinery, the Company has invested in some new equipment to increase production capacity. Specifically as follows:*
- Một dây chuyền sản xuất bông tằm gần 8 tỷ VNĐ. / *1 padding production line: about 8 billion VND.*
- Hai máy chần bông trị giá gần 3 tỷ VNĐ. / *2 quilting production line: about 3 billion VND.*
- Một máy cung cấp bông trị giá hơn 2 tỷ VNĐ. / *1 padding supplying machine: about 2 billion VND.*
- Ngoài ra, công ty còn đầu tư thêm phương tiện và các thiết bị khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. / *Besides Everpia has also invested into many other facilities and equipments to support its manufacturing activities.*

Tổng đầu tư trong năm 2014 của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam là 15.3 tỷ VNĐ. *The total investment of Everpia Vietnam JSC was 15.3 billion VND in 2014.*

Đánh giá về Ban điều hành / *Evaluation on The Board of Directors*

Trong năm 2014, Ban điều hành đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo đúng tinh thần nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Nhận định đúng diễn biến thị trường cũng như thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp, Ban điều hành đã có những điều chỉnh linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung. Mặc dù các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đã không đạt được kế hoạch đề ra, nhưng dưới sự chỉ đạo của Ban điều hành công ty vẫn duy trì được tăng trưởng về mặt doanh thu và công ty vẫn tiếp tục dẫn đầu thị trường ở các mảng hoạt động kinh doanh chính (chăn – ga – gối – đệm và bông tằm).

In 2014, the BOD has developed production and business activities in line with the resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders, the BOM, and in compliance with the provisions of law and the Charter of the Company. By effectively identifying the market changes as well as advantages

and disadvantages of business, the BOD have had the flexible alternatives in the business and manufacturing activities and perform well their role of risk control. Although EVE could not achieve sales and profit target, the Company still keep its growth in revenue and maintain the leading position in the Bedding and Padding market.

2. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 2015 / COMPANY'S DEVELOPMENT ORIENTATION 2015

TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ 2015 / ECONOMIC PROSPECT FOR THE YEAR 2015

Năm 2015, theo dự báo của một số tổ chức quốc tế tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ đạt từ 5.8-6.2%, CPI cả năm sẽ đạt dưới 7%. Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng năm 2015 ở mức 13-15% và niềm tin của người tiêu dùng (theo khảo sát của Nielsen) đã lên đến mức cao nhất trong vòng 3 năm qua cho thấy nền kinh tế được kỳ vọng sẽ khởi sắc trong năm 2015.

As forecasted by some international institutions, the economic growth of Vietnam will gain from 5.8% to 6.2% and CPI is predictable to reach 7% in 2015. The expected credit growth is at 13% to 15% and consumer confidence, according to the Nielsen survey, has risen to its highest level within this 3 years. All these reveal a thriving economy in 2015.

TRIỂN VỌNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA EVERPIA VIỆT NAM / OUTLOOK OF EVERPIA VIETNAM'S OPERATION

Dự báo năm 2015, các ngành kinh tế xuất khẩu sẽ có những bứt phá quan trọng do việc đang và sẽ tham gia các Hiệp định thương mại tự do mang lại tiêu biểu là Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), FTA với EU, Hàn Quốc, Liên minh Hải quan Nga – Belarus – Kazakhstan. Nhiều đối tác đã quyết định chuyển đơn hàng từ những quốc gia không tham gia hiệp định sang Việt Nam. Đây là cơ hội lớn cho Everpia Việt Nam trong việc mở rộng thị trường, tìm kiếm thêm các khách hàng xuất khẩu cho cả mặt hàng chăn ga và bông tằm. Thêm vào đó, để đón đầu cơ hội TPP, hàng loạt doanh nghiệp đã sang Việt Nam đầu tư sản xuất nguyên liệu đầu vào. Như vậy, trong tương lai gần, công ty hoàn toàn có thể chủ động được nguồn nguyên liệu ở trong nước, không phải chịu rủi ro về tỷ giá và tăng tỷ lệ nội địa hóa của sản phẩm.

2015 is projected to be the year that export activities will have an important breakthrough due to enjoy benefits from joining some free trade agreements, typically, they are Trans-Pacific Partnership (TPP), FTA with the EU, Korea, Customs Union of Belarus, Kazakhstan, and Russia. Many partners have decided to move orders from countries not participating in the agreements to Vietnam. This is a

great opportunity for Everpia Vietnam in expanding the market and finding more customers for exporting both Bedding and Padding products. Additionally, catching the opportunities of TPP, a series of business has been entering Vietnam to invest in production inputs. In the near future, it is foreseeable that the Company can fully import raw materials in domestic and not subject to the exposure of exchange rate while increasing the localization of the products.

Thị trường bất động sản sau thời kỳ trầm lắng đã có dấu hiệu ấm dần lên, số lượng giao dịch đã tăng dần theo từng tháng. Để có được điều đó, ngoài việc giá bất động sản đã giảm tiệm cận với giá trị thực, dư nợ tín dụng bất động sản đã bắt đầu tăng trưởng và các ngân hàng đã bắt đầu nới lỏng các chính sách cho vay đối với bất động sản tạo cho doanh nghiệp và người dân có nhu cầu cơ hội tiếp cận nguồn vốn. Giao dịch thực đối với bất động sản tăng cũng dẫn đến việc gia tăng nhu cầu mua sắm các sản phẩm chăn ga gối đệm và trang trí nội thất.

Signs of warming has emerged Vietnam's property market after the quiet period. Number of transactions is increasing every month. The cause of this phenomenon is because real estate price has fallen close proximity to the true value. Besides, banks have started easing lending policies for real estate, creating favorable conditions for businesses and individual to access to capital. The increase of real estate transactions leads to the increase in demand of purchasing bedding and furnishing products.

Không chỉ có phân khúc nhà ở, phân khúc bất động sản nghỉ dưỡng cũng đang khởi sắc trở lại với hàng loạt các dự án đã và đang được triển khai. Bên cạnh việc Việt Nam đang dần trở thành một điểm đến hấp dẫn của du khách quốc tế, việc chính phủ đã thông qua Luật nhà ở và Luật kinh doanh bất động sản sửa đổi đã cho phép đối tượng người nước ngoài tham gia vào thị trường. Điều này đã mở ra cơ hội phát triển cho mảng kinh doanh B2B của công ty trong việc cung cấp các mặt hàng chăn ga gối đệm và nội thất trang trí cho các khách sạn, khu nghỉ dưỡng.

Not only housing but also resort properties segment are also thriving with a series of projects have been implemented. Vietnam is gradually becoming an attractive destination of international tourists, along with the new Housing Law and Real Estate Business Law for Vietnam allow foreigners to involve in the market. This has opened up opportunities for the development of B2B in the provision of bedding and interior decoration of hotels, resorts.

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2015 / PROSPECT FOR THE YEAR 2015

Trong bối cảnh nền kinh tế và triển vọng các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Everpia Việt Nam như trên, Hội đồng Quản trị đề ra những định hướng chiến lược cho năm 2015 như sau: / *In the such context of the economy and prospects for the business sector of Everpia Vietnam, the BOM has set the strategic direction for 2015 as follows:*

Sản xuất và Kinh doanh chăn – ga – gối – đệm / *Bedding Business*

- Đưa ra thị trường các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng (các mẫu mã chăn ga mới, sản phẩm ruột gối, chăn cao cấp mang nhãn hiệu Invista và đệm lò xo túi cao cấp).
- *Launching new products to meet the customer needs (new bedding patterns, luxury pillow case, blankets under Invista brand, and pocket spring mattress).*
- Giữ vững thị phần thông qua việc tăng cường các hoạt động quảng bá và đầu tư cho hệ thống phân phối (cải tạo nâng cấp các đại lý và kênh phân phối mới thông qua các siêu thị, trung tâm thương mại).
- *Maintaining market share through the strength of promotion and investment in the distribution system (upgrading of agents's store and new distribution channels via supermarkets and commercial centers).*
- Tăng cường đầu tư nâng cấp và bổ xung các máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất chăn ga gối đệm để đưa ra thị trường các sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.
- *Increasing investment in upgrading and adding machines and equipment for bedding production to offer high-quality product in the market satisfying the needs of customers.*
- Tận dụng những thuận lợi, cơ hội từ kinh tế vĩ mô để phát triển hoạt động kinh doanh xuất khẩu và B2B.
- *Taking advantages and opportunities of macroeconomic conditon to develop export business and B2B.*
- Chủ động tìm kiếm nguồn cung cấp vải sản xuất trong nước đáp ứng được yêu cầu chất lượng và số lượng, để công ty có thể chủ động được nguồn nguyên liệu, giảm rủi ro tỷ giá và được hưởng ưu đãi thuế xuất khẩu sản phẩm dệt may của Hiệp định TPP.
- *Actively seeking domestic fabric suppliers which have good quality and quantity, so that the Company can reduce exchange rate risk and enjoy tax incentives for export textile products of TPP.*

Sản xuất và Kinh doanh bông tằm / *Padding Business*

- Tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh các loại bông cao cấp có giấy phép độc quyền của Invista (Hoa Kỳ), Advansa (Đức) và thương hiệu bông mỏng chất lượng cao Dexfil của Everpia Việt Nam.
- *Continuing to maintain production and business activities of luxury padding products which have exclusive license of Invista (USA), Advansa (Germany), and high quality brand of thin padding Dexfil of Everpia Vietnam.*
- củng cố vị trí dẫn đầu, duy trì tốc độ tăng trưởng thông qua việc gia tăng tỷ trọng đơn hàng đối với các khách hàng sẵn có, tìm kiếm, thu hút khách hàng mới từ các đối thủ cạnh tranh và mở rộng thị trường.
- *To consolidate its leading position and sustain growth through an increase in the proportion of orders from existing customers, finding, and attraction new customers from competitors and market expansion.*
- Đầu tư nâng cấp, cải tạo các dây chuyền sản xuất bông nhằm nâng cao năng suất, giảm chi phí và đa dạng hóa sản phẩm nhằm gia tăng sức cạnh tranh.
- *Investment to upgrade and renovate padding production lines to improve productivity, reduce costs, and diversify products in order to increase competitiveness.*
- Chủ động tìm kiếm nguồn nguyên liệu xơ polyeste sản xuất trong nước để công ty có thể chủ động được nguồn nguyên liệu, giảm rủi ro tỷ giá và được hưởng ưu đãi thuế khi Việt Nam tham gia ký kết TPP.
- *Actively seeking domestic fiber suppliers so that the Company can reduce exchange rate risk and enjoy tax incentives of TPP.*

Kinh doanh phân phối nội thất và các sản phẩm khác / *Furniture Distribution and Other Products*

- Đưa các sản phẩm vào trưng bày tại hệ thống đại lý, showroom và gian hàng của công ty.
- *Displaying products in agents' store system and showroom of the Company.*
- Thúc đẩy phân phối các sản phẩm nội thất và các sản phẩm khác hướng tới đối tượng khách hàng doanh nghiệp.
- *Promoting distribution of furniture and other products aimed at business customers.*

KẾ HOẠCH KINH DOANH 2015 / *BUSINESS PLAN IN 2015*

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô và định hướng hoạt động như trên, Hội đồng quản trị Everpia Việt Nam đã thông qua đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 với mục tiêu Doanh

thu tăng 21.6% (đạt 950 tỷ VNĐ), lợi nhuận trước thuế tăng 11.4% (121.8 tỷ VNĐ) và lợi nhuận sau thuế tăng 13.3% (95 tỷ VNĐ).

The BOM has approved the business plan in 2015 with the goal of increasing revenue 21.6% (950 billion VND), profit before tax increased by 11.4% (121.8 billion VND) and profit after tax increase 13.3% (95 billion VND).

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ / INVESTMENT PLAN

Năm 2015, công ty dự kiến sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào các nền tảng nhằm phục vụ nhu cầu kinh doanh hiện tại và thúc đẩy tăng trưởng trong tương lai. Các hạng mục đầu tư dự kiến bao gồm: *In 2015, the company plans to continue to enhance investment in the platform to serve the needs of current and future business growth. The investment portfolio includes:*

Máy móc, thiết bị, nhà xưởng / Machinery, equipment, buildings

- Đầu tư dây chuyền sản xuất đệm lò xo cao cấp và hệ thống nhà xưởng đi kèm.
- *Investing in luxury spring mattress production line and related factories.*
- Đầu tư bổ xung các máy thêu, may công nghiệp cho các xưởng sản xuất chăn ga.
- *Additional investment of embroidery and sewing machines for bedding production.*
- Đầu tư cải tạo và nâng cấp dây chuyền sản xuất bông tằm.
- *Investing in the renovation and upgrading padding production line.*

Hệ thống phân phối / Distribution System

- Đầu tư bổ sung các phương tiện vận chuyển chuyên dụng.
- *Investing more in dedicated transportation vehicles.*
- Tiếp tục đầu tư nâng cấp đại lý theo chiều sâu.
- *In-depth upgrade agent system.*
- Đầu tư các showroom, gian hàng phân phối ở các kênh bán lẻ hiện đại như trung tâm thương mại, siêu thị...
- *Investing in showroom, modern distribution retail channel like commercial centers, supermarkets, etc*

II. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT / AUDIT COMMITTEE REPORT

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (BKS) gồm 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Năm 2014, BKS tiếp tục thực hiện các công tác kiểm tra, giám sát và khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty như sau:

Audit Committee of Everipia Vietnam JSC.

The Audit Committee has three members elected by the General Meeting of Shareholders to perform supervision task in accordance with the law and the Charter of the Company. In 2014, the Audit Committee has continued to perform supervision and recommendations to improve company performance as follows:

1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT / AUDIT COMMITTEE ACTIVITIES

Chương trình hoạt động của BKS trong năm 2014 cụ thể như sau: / *Activities of Audit Committee in 2014 includes:*

- Kiểm tra tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quyết định của Hội đồng quản trị... đảm bảo công khai, minh bạch.
- *Checking the implementation of the resolutions of the General Meeting of Shareholders and Decision of the BOM to ensure openness and transparency.*
- Giám sát tình hình hoạt động và tài chính công ty: BKS đã kiểm tra các báo cáo tài chính Quý, 6 tháng và cả năm nhằm đánh giá tính hợp lý và chính xác của các số liệu tài chính.
- *Monitoring the operations and financial situation of the Company: the Audit Committee examined quarterly financial statements, interim financial statements, and yearly financial statements to assess the reasonableness and accuracy of financial data.*
- Phối hợp với bộ phận Kiểm soát nội bộ trong việc thực thi nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của công ty theo định kỳ. Kịp thời ngăn chặn, xử lý những sai sót có thể xảy ra và xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy chế phù hợp với thực tế.
- *Coordinating with internal Audit Department in the implementation of inspection tasks, supervising the company operations periodically. Timely prevent and handle any errors that may occur; building and completing the rules and regulations to conform with reality.*

2. BÁO CÁO KẾT QUẢ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT / REPORT ON AUDIT COMMITTEE ACTIVITIES

Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông 2013: / The performance of resolution of General Meeting of Shareholders 2013

Trong năm 2014, Everpia Việt Nam đã thực hiện đầy đủ các kế hoạch đề ra và được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 3/2014, gồm có:

In 2014, Everpia Vietnam had fully implemented the plan proposed and approved at the Annual General Meeting of Shareholders in March 2014, namely:

- Về phân phối lợi nhuận năm 2013: Everpia đã thực hiện đầy đủ việc trích lập các quỹ gồm có Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ quản lý. Bên cạnh đó, công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức của năm 2013 vào ngày 10/09/2014 với tỷ lệ 11% mệnh giá, tương đương 1,100 VNĐ/cổ phiếu. Tổng số tiền trả cổ tức là 30,224,710,450 VNĐ.
- *Profit distribution 2013: Everpia Vietnam has fully implemented the appropriation of funds including Development and Investment Fund, Financial Contingency Fund, Welfare Fund, and Management Fund. In addition, the Company has paid dividends rate of 1,100 VND per share on September 10, 2014. Total dividend amount paid for the investors is 30,224,710,450 VND.*
- Kết quả kinh doanh 2014: do tình hình kinh tế Việt Nam vẫn chưa thực sự phục hồi, sức mua giảm sút nên kết quả kinh doanh của Everpia cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Năm 2014, Everpia đã không đạt được kế hoạch đề ra ở cả chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận. Mặc dù doanh thu và tổng tài sản có tăng trưởng so với năm 2013 thì lợi nhuận lại sụt giảm nhẹ.
- *Business result in 2014: because the Vietnam economic situation has not really recovered and the decline of consumer purchasing power, it severely affects business results of Everpia Vietnam. In 2014, Everpia Vietnam did not achieve the target in both revenue and profit. Although revenue and total assets grow in comparison with 2013, the profit dropped slightly.*
- Việc phân phối thù lao năm 2014 cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã thực hiện theo Nghị quyết số 05/2014/HĐQT/NQ ngày 23/06/2014.
- *The distribution of remuneration for the BOM and Audit Committee in 2014 under Resolution No.05/2014/HĐQT/NQ dated 23/06/2014.*

Thù lao của Hội đồng quản trị năm 2014: / Remuneration of the BOM in 2014:

Trong năm 2014, các thành viên Hội đồng quản trị được chi trả thù lao hơn 7 tỷ đồng (đã bao gồm các khoản lương thưởng cho các thành viên tham gia công tác điều hành).

Cụ thể như sau:

The remuneration of BOM members was over 7 billion VND in 2014 (including salary and bonus for administration members). Specifically as follows:

STT No.	Họ và tên Full name	Chức vụ Position	Thù lao, tiền thưởng sau thuế TNCN 2014 (VNĐ) Remuneration after PIT in 2014 (VND)
------------	------------------------	---------------------	--

Thành viên HĐQT tham gia điều hành / <i>Executive BOM member</i>			
1	Lee Jae Eun	Chủ tịch HĐQT / Chairman	2,835,616,428
2	Cho Yong Hwan	Thành viên HĐQT / BOM member	1,798,482,652
3	Nguyễn Văn Đào	Thành viên HĐQT / BOM member	794,259,854
4	Lee Je Won	Thành viên HĐQT / BOM member	1,554,394,000
Thành viên HĐQT không tham gia điều hành / <i>Non-Executive BOM member</i>			
5	Jean Charles Belliol	Thành viên HĐQT / BOM member	51,840,000
Thành viên HĐQT độc lập và không điều hành / <i>Non - Executive and Independent BOM member</i>			
6	Lê Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT / BOM member	51,840,000
7	Ngô Phương Chí	Thành viên HĐQT / BOM member	51,840,000

Thù lao của Ban kiểm soát năm 2014 / Remuneration of AC in 2014

Trong năm 2014, BKS đã được chi trả thù lao tổng cộng 155,520,000 VNĐ. Chi tiết cụ thể như sau: / *Audit Committee was paid the total of 155,520,000 VND:*

STT No.	Họ và tên Full name	Chức vụ Position	Thù lao, tiền thưởng sau thuế TNCN 2014 (VNĐ) Remuneration after PIT in 2014 (VND)
1	Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng BKS/Chief of AC	51,840,000
2	Suh Seung Chul	Thành viên BKS/AC member	51,840,000

3	Hong Sun	Thành viên BKS/AC member	51,840,000
---	----------	--------------------------	------------

- Hoàn thành việc sửa đổi Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép kinh doanh của Công ty để bổ sung ngành nghề kinh doanh theo Nghị quyết số 05/2014/HĐQT/NQ ngày 23/06/2014
- *Completed the amendment of Investment Certificate and Business License of the Company for additional business under Resolution No.05/2014/HĐQT/NQ dated 23/06/2014.*
- Chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014.
- *Chosed Ernst & Young Vietnam Co. Ltd. for auditing financial statements in 2014.*
- Hoàn thành các thủ tục đóng cửa công ty con – Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam.
- *Completed closure procedures of the subsidiary Mattpia Vietnam JSC.*

Giám sát hoạt động tài chính năm 2014: / Supervision of financial activities in 2014:

Năm 2014, báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. BKS nhận thấy các báo cáo thể hiện đầy đủ, rõ ràng, phản ánh đúng tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Từ các báo cáo tài chính, BKS đánh giá tình hình tài chính năm 2014 của công ty rất tốt. Các chỉ số tài chính về thanh khoản, tỷ lệ nợ, hiệu quả sử dụng tài sản và hoạt động đều ở ổn định và an toàn.

Financial Statements 2014 of Everpia Vietnam JSC was audited by Ernst & Young Vietnam. These report fully and clearly reflect the financial position and business results of the Company. The financial statements indicates that the Company has good financial situation in 2014. Liquidity ratio, debt ratio, and efficiency ratio are in stable and safe.

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý điều hành công ty / Monitoring the activities of the BOM, BOD and the Executive Management

BKS ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc cũng như các bộ phận quản lý của công ty. HĐQT và Ban Giám đốc đã vận hành công ty hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

The Audit Committee had found no abnormal in the activities of BOM and BOD members as well as management departments of the Company. The BOM and BOD has operated company in accordance with the law and the Charter of the Company.

Công tác hạch toán kế toán của công ty đã tuân thủ đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Thực hiện các công tác cung cấp và công bố thông tin định kỳ và bất thường theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở GDCK TP HCM.

Auditing and accounting of the Company was in compliance with standards and current accounting regime. Disclosing regular and irregular information in accordance with the provisions of the State Securities Commission and Hochiminh Stock Exchange.

BKS không nhận được kiến nghị nào từ cổ đông về sai phạm của HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty trong năm 2014.

No proposals from shareholders for violations of the BOM, the BOD, and managers in 2014.

III. BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO / *RISK MANAGEMENT*

RỦI RO PHÁP LÝ / *LEGAL RISK*

Ở Việt Nam, luật, các văn bản dưới luật, các quy định của ngành, hướng dẫn về thuế thường xuyên thay đổi, chưa đồng bộ nên có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh cũng như định hướng hoạt động của công ty. Nguy cơ bị kiện tụng, tranh chấp, bị các cơ quan quản lý phạt hoàn toàn có thể xảy ra nếu như công ty không am hiểu và thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật mới.

The bylaws, industry regulations, and guidance on taxation in Vietnam are inconsistent and constantly changing. Therefore, this can greatly influence business results as well as the company direction. Risk of litigation, disputes, and fined by the may occur if the Company does not understand and regularly update new law.

Để hạn chế những rủi ro về pháp lý, bộ phận Pháp Chế thường xuyên cập nhật và phổ biến đến các bộ phận chuyên môn. Đồng thời các bộ phận chuyên môn cũng tích cực liên hệ trao đổi, cập nhật với các cơ quan chức năng có thẩm quyền. Bộ phận pháp chế rà soát các hợp đồng và các thỏa thuận của công ty trước khi được ký kết.

To minimize legal risks, the Legal Department regularly updates and disseminates information to other departments. Those departments, at the same time, also positively exchange and update information with the related competent authorities. Legal Department review contracts and other agreements of the Company before signing.

RỦI RO CẠNH TRANH VÀ THỊ TRƯỜNG / *RISK ON MARKET AND COMPETITIVENESS*

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Everpia Việt Nam tập trung chủ yếu vào hai lĩnh vực sản xuất kinh doanh Chăn – ga – gối – đệm và sản xuất kinh doanh bông tấm.

Production and business activities of Everpia Vietnam mainly focuses on two areas consisting of Bedding business and Padding business.

Đối với kinh doanh bông tằm, thị trường đang có xu hướng bão hòa, các doanh nghiệp gia tăng doanh số bằng cách thu hút khách hàng từ các đối thủ cạnh tranh. Thêm vào đó, các khách hàng lớn đã và đang có kế hoạch đầu tư các dây chuyền sản xuất bông tằm để đáp ứng nhu cầu sản xuất và gia nhập thị trường kinh doanh bông tằm.

For Padding business, this market tends to saturation, so the Company increases sales by attracting customers from competitors. In addition, risks arising from big customers have been planning to invest into padding production line to meet the needs of their own production and access padding market.

Đối với thị trường chăn – ga – gối – đệm, bên cạnh các đối thủ cạnh tranh chính đang ngày càng lớn mạnh đã xuất hiện thêm nhiều công ty sản xuất nhỏ với các sản phẩm giá rẻ thậm chí là hàng giả, hàng nhái kém chất lượng, cùng với sự xâm nhập của các sản phẩm ngoại nhập đã làm cho cạnh tranh thị trường ngày càng trở nên gay gắt.

For Bedding business, Everpia Vietnam must face tough competition from numbers of major competitors. In addition, problems of low-quality, low-price imitation designs and models as well as the emergence of small companies and foreign products has made the market competition fiercer.

Bên cạnh các yếu tố cạnh tranh, tình hình biến động của kinh tế thế giới và Việt Nam cũng có ảnh hưởng quan trọng đến sản xuất kinh doanh của công ty.

Besides the competitive factors, the fluctuations of the world economy and Vietnam also have an important impact to the Company business operation.

Vì vậy, để phòng ngừa, hạn chế rủi ro, công ty thường xuyên cập nhật tình hình biến động, các dự báo về tình hình kinh tế thế giới cũng như Việt Nam và các đối thủ cạnh tranh để có những điều chỉnh cho phù hợp. Về mặt nội bộ, công ty tích cực thực hiện các chính sách chú trọng tới chất lượng sản phẩm, sản xuất và hiệu quả chi phí để củng cố và gia tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Thus, in order to prevent and mitigate the risks, the Company has regularly update the fluctuations and forecast the future trends of the global and Vietnam market as well as the activities of the competitors in order to have the stable and effective alternatives to maintain its competitiveness. On the internal side, the Company actively implements policies focused on product quality, production, and effective cost management to consolidate and increase its competitiveness in the market.

RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG LÃI SUẤT, TỶ GIÁ, TÍN DỤNG VÀ THANH KHOẢN / *INTEREST RATE RISK, EXCHANGE RATE RISK, CREDIT RISK, and LIQUIDITY RISK*

Nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất chính của công ty là xơ polyeste và vải đều được nhập khẩu từ các đối tác nước ngoài, thanh toán bằng đồng Đô la Mỹ - USD. Vì vậy biến động về tỷ giá sẽ tác động mạnh đến chi phí sản xuất của công ty. Mặc dù năm 2014

được đánh giá là một năm thành công trong bình ổn tỷ giá, nhưng công ty cũng đã có những giải pháp chuẩn bị để có thể hạn chế rủi ro biến động tỷ giá trong năm 2015 như thường xuyên cập nhật, dự báo biến động tỷ giá thông qua các mối quan hệ với các Ngân hàng; thực hiện các hợp đồng mua nguyên vật liệu thông qua L/C phòng ngừa rủi ro khan hiếm ngoại tệ; có kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, chủ động trong việc tích trữ nguyên vật liệu để hạn chế những thay đổi tỷ giá bất thường.

The primary materials are fiber and fabric importing from abroad and paid in USD. Thus, the fluctuations in the exchange rates can have strong impacts to the operational costs of the Company. Although 2014 is considered a success year in stabilizing the exchange rate, the Company has prepared measures to limit the risk of fluctuations in exchange rates in 2015. The measures applied are frequently update and forecast exchange rate fluctuations through the relationship with the banks; performing purchasing contract through L/C to hedge foreign currency scarcity; having long-term production and business plan; storing materials to reduce the abnormal change of exchange rate.

Rủi ro về lãi suất ảnh hưởng chủ yếu đến thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng. Thêm vào đó, rủi ro về lãi suất cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của khách hàng dẫn đến gây khó khăn cho hoạt động quản lý phải thu khách hàng. Việc sử dụng hệ thống ERP trong thống kê các chỉ tiêu công nợ, theo dõi nhắc nợ hàng ngày, trích dự phòng nợ phải thu khó đòi đã giúp công ty quản lý tốt các khoản phải thu của khách hàng.

Interest rate risk is mainly from bank deposits. In addition, this risk can also affect the operation of customer leading to difficult for management trade account receivables activities. The use of ERP systems in keeping track on debt, daily debt, provision for doubtful debts has helped the Company to manage trade accounts receivable well.

Với tình hình tài chính lành mạnh, các hệ số thanh toán luôn ở mức cao, rủi ro về thanh khoản của Everpia Việt Nam luôn ở mức rất thấp.

With a healthy financial situation, high liquidity ratios, the liquidity risk of Everpia Vietnam is very sound.

CÁC RỦI RO KHÁC / OTHER RISKS

Ngoài các yếu tố rủi ro như trên còn có các yếu tố rủi ro khác quan như thiên tai, hỏa hoạn, bệnh dịch... sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nếu xảy ra. Vì vậy công ty đã thực hiện các biện pháp có thể để giảm thiểu rủi ro như mua bảo hiểm tài sản của công ty, đầu tư về cả phương tiện và con người trong

công tác phòng cháy chữa cháy, thực hiện đầy đủ các biện pháp vệ sinh an toàn lao động...

Besides the above risk factors, there are some objective risk factors such as natural disasters, fires, epidemics, etc. would seriously affect the Company business operations in case it happens. Hence, the Company has implemented several possible measures to minimize risks such as buying property insurance, investing in fire prevention and fire fighting system, full implementation of hygiene safety, etc.

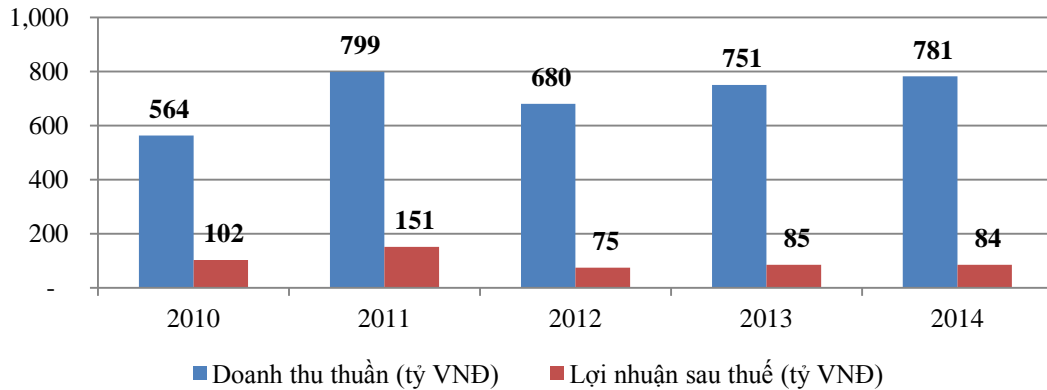
IV. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH / BOARD OF DIRECTORS REPORT

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 / Business Performance in 2014

Trong năm 2014, tình hình kinh tế mặc dù có khởi sắc nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) 2014 tăng 5.98% so với năm 2013. Chỉ số CPI bình quân năm 2014 tăng 4.09% so với bình quân năm 2013. Đây là mức tăng khá thấp trong vòng 10 năm trở lại đây. So với tháng 12/2013, sức mua của ngành hàng tiêu dùng năm 2014 đạt 2,945 nghìn tỷ đồng, tăng 10.6% so với năm 2013. Nếu loại trừ yếu tố tăng giá do lạm phát (6.3%) thì mức tăng này chỉ còn 4.3%. Trong khi đó, chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất đã tăng 3.39% so với năm 2013.

Although the economic situation has prospered but it is still very difficult in 2014. Gross Domestic Product (GDP) increased by 5.98% in 2014 in comparison with 2013. The average CPI 2014 increase 4.09% yoy. This is a relatively low growth rate within 10 years. The consumer purchasing power reached 2,945 trillion VND in 2014, an increase of 10.6% yoy. If excluding price increase due to inflation (6.3%), this rate is 4.3% yoy. Meanwhile, the price index of materials for production has increased 3.39% yoy.

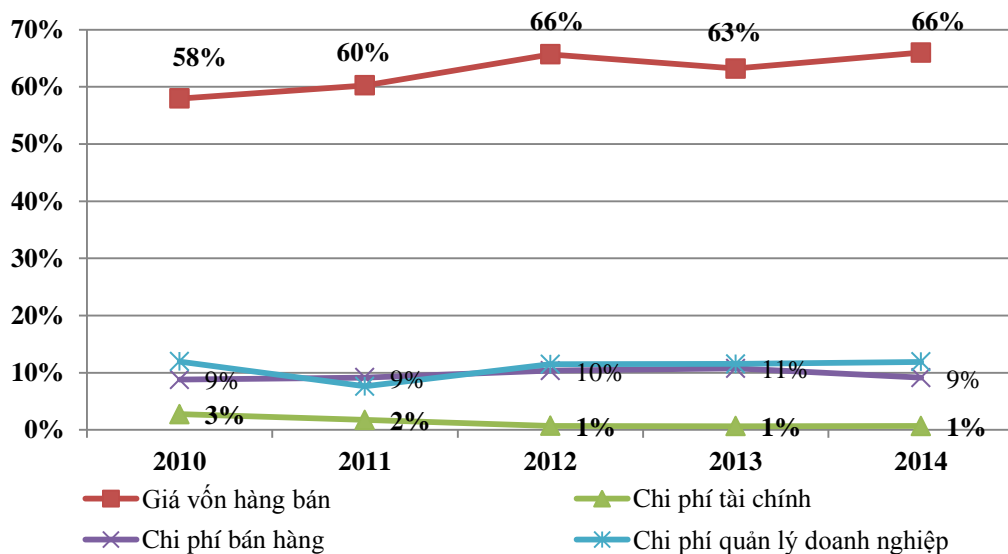
KẾT QUẢ KINH DOANH 2014



Với một năm đầy khó khăn, mặc dù các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận không đạt kế hoạch đề ra nhưng Everpia đã nỗ lực giữ vững sự tăng trưởng về mặt doanh thu. Cụ thể doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 781 tỷ tăng 4% so với năm trước và đạt 98% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 84.5 tỷ giảm 0.5% so với năm 2013 và chỉ đạt 94% kế hoạch lợi nhuận.

Experiencing a difficult year, although the Company did not reach sales and profit target, Everpia Vietnam made an effort to maintain the growth in terms of revenue. Specifically, net revenue reach 781 billion VND, an increase of 4% yoy and 98% higher than the target. Net profit after tax gained 84.5 billion VND, a decrease of 0.5% yoy and reached only 94% profit plan.

TỶ TRỌNG CHI PHÍ TRÊN DOANH THU



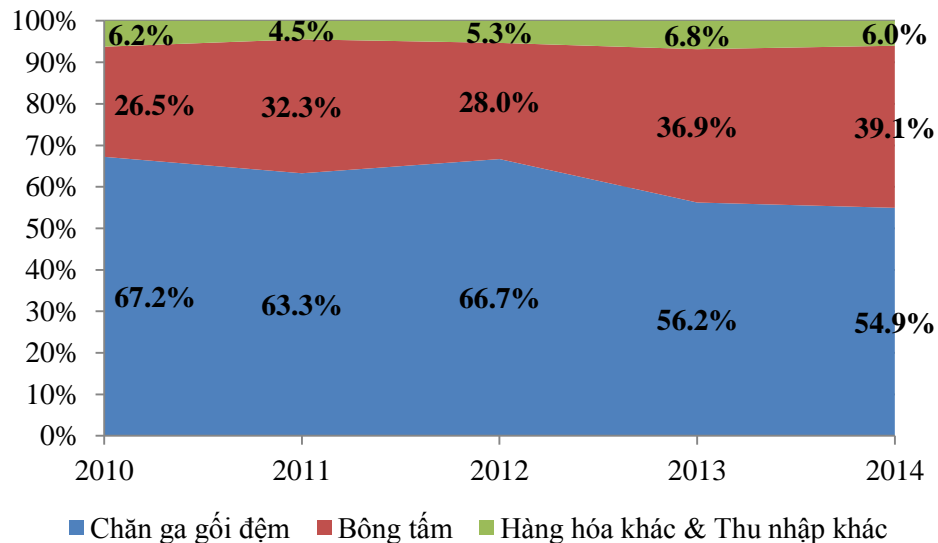
Do trong năm, công ty thực hiện hàng loạt các chương trình khuyến mại, giảm giá, tặng kèm sản phẩm cho các khách hàng khi mua sản phẩm của công ty, đồng thời tỷ trọng đơn hàng xuất khẩu và hàng bán cho các doanh nghiệp/khách sạn tăng lên, nên giá vốn hàng bán đã tăng 9% tương đương với hơn 41 tỷ đồng trong khi doanh thu chỉ tăng 4% so với cùng kỳ năm trước. Cũng vì lý do trên, trong các khoản mục chi phí năm 2014, ta thấy tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu tăng (3%) nhưng chi phí bán hàng so với doanh thu lại giảm (2%) so với năm 2013.

The implementation of a series of promotions, discounts, and product bundling and the proportion of export and B2B orders increased. As a result, the Cost of Goods Sold (COGS) increased 9% yoy (41 billion VND) while revenue increased by only 4% yoy. This also explains for the proportion of COGS to Revenue increase 3% but the Selling expenses to Sales decreased 2% as compar with 2013.

Thu nhập từ kinh doanh chăn ga gối đệm và bông tằm vẫn là hai mảng kinh doanh chủ chốt, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu của công ty (94%).

Revenue from Bedding and Padding business are still two key businesses, occupying the largest proportion of the total company revenue (94%).

TỶ TRỌNG DOANH THU



KINH DOANH CHĂN - GA - GỐI - ĐỆM / BEDDING BUSINESS

Năm 2014, Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam vẫn tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu tại thị trường Chăn - ga - gối- đệm Việt Nam với thị phần 22% ở các đô thị lớn như Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh...

Everpia Vietnam continues to maintain its leading position in the bedding market in Vietnam in 2014 with 22% market share in the big cities like Hanoi, Ho Chi Minh, Hai Phong, Quang Ninh, etc.

Mặc dù ảnh hưởng bởi khó khăn chung của thị trường bán lẻ, doanh thu đến từ mảng kinh doanh này đạt xấp xỉ 441 tỷ đồng tăng 2% (tương đương với 10 tỷ đồng) so với năm 2013 do công ty đã có những chương trình khuyến mại nhằm thúc đẩy doanh số. Tuy nhiên, tỷ trọng đóng góp trong doanh thu toàn công ty lại sụt giảm nhẹ (1%) xuống mức 56% và lợi nhuận gộp của ngành hàng này lại giảm 15%, chỉ đạt 115 tỷ do phát sinh thêm chi phí sản xuất hàng khuyến mại.

Although being affected by the difficulties of the retail market, revenue from this business line reached approximate 441 billion VND, an increase of 2% (10 billion) as compare with 2013 thanks to a series of promotion activities to boost sales. However, the contribution of this business to the company revenue has dropped slightly 1% down to 56% and the gross profit of this sector decreased by 15%, reaching only 115 billion VND due to additional costs incurred by producing promotional items.

Với chiến lược chú trọng phát triển hệ thống phân phối theo chiều sâu, năm 2014, công ty đã tập trung nâng cấp hệ thống đại lý hiện có theo chiều hướng mở rộng diện tích cửa hàng và thay đổi nội ngoại thất nhằm đạt chuẩn về trưng bày, có khả năng cung cấp tất cả các sản phẩm của công ty (như chăn - ga - gối - đệm, đồ nội thất, các sản phẩm gia dụng, trang trí...). Công ty đã chi gần 6 tỷ đồng cho việc đầu tư nâng cấp hệ thống bảng biển và nội thất cho các đại lý, tổng đại lý. Bên cạnh đó, công ty cũng tiến hành đóng cửa một số đại lý kinh doanh không hiệu quả (75 đại lý). Tính đến hết năm 2014, hệ thống phân phối của công ty hiện có 627 đại lý và tổng đại lý phân bố khắp cả nước.

With a strategic focus on developing the distribution system in-depth, the Company has focused on upgrading existing agent system in 2014 in the direction of expansion of the store size and change interior to meet high standards of display also being able to show all the products of the company (including bedding items, blankets, furniture, and household and decorative products). The Company has spent about 6 billion VND for investment in upgrading signboard and interior for all agents. Besides, the Company also closed some ineffective agents (75 agents). By the end of 2014, the distribution system of the Company has a total of 627 agents and general distributors throughout the country.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh thông qua hệ thống đại lý, tổng đại lý, công ty cũng đã đẩy mạnh phát triển mảng kinh doanh khách hàng doanh nghiệp, cung cấp các sản phẩm chăn ga gối đệm Everon đến các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực khách sạn, nghỉ dưỡng. Tuy doanh thu từ mảng kinh doanh này chỉ đóng góp 11% trong doanh thu kinh doanh chăn ga gối đệm và 6% trong tổng doanh thu toàn công ty nhưng đã tăng trưởng 30% so với năm 2013.

Besides agents and general agents system, Everpia Vietnam has promoted B2B channel, providing Everon bedding products to hotels and resorts. Even though revenue from this new business channel contributes only 11% of the bedding business revenue and 6% of the total revenue, it has grown 30% as compared with 2013.

Cũng trong năm 2014, công ty đã chú trọng mở rộng hoạt động xuất khẩu chăn ga thông qua các đơn hàng gia công cho các đối tác nước ngoài (OEM). Mặc dù chưa chiếm tỷ trọng lớn nhưng trong năm nay doanh thu xuất khẩu mặt hàng chăn ga đạt 35 tỷ VNĐ, tăng trưởng 98% so với năm 2013 và đạt 185% kế hoạch. EVE hiện đang xuất khẩu các sản phẩm chăn ga sang các thị trường Campuchia, Hàn Quốc, Nhật và một số nước Trung Đông ... Nhằm đẩy mạnh mảng kinh doanh này, công ty đã có những hoạt động như mang sản phẩm của công ty tham gia các hội chợ quốc tế; ký hợp đồng với một công ty tư vấn của Mỹ để hỗ trợ công ty tìm kiếm khách hàng; hợp tác với các đối tác đã có hàng xuất khẩu sang các thị trường khó tính như châu Âu, Nhật... để cùng phát triển đơn hàng.

In 2014, the Company has also focused on expanding exports of bedding items through processing for foreign partners (OEM). Although it does not have high proportion, revenue form exports has reached 35 billion VND, an increase of 98% as compared with 2013 and reached 185% of the plan. EVE is currently exporting products to Cambodia, South Korea, Japan and some countries in the Middle East. With the aim to promote this business, the Company has participated in international fairs; signed contract with a consulting firm in the US to assist the Company in finding customers; cooperated with partners to enter difficult markets such as Europe, Japan ... to obtain more orders.

KINH DOANH BÔNG TẮM / PADDING BUSINESS

Năm 2014, mặc dù thị trường bông tắm đang có sự cạnh tranh gay gắt và ngày càng xuất hiện thêm nhiều công ty nhỏ cung cấp các sản phẩm chần bông với giá rẻ và dịch vụ nhanh, Everpia vẫn tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu thị trường với 29% thị phần. Ngoài việc duy trì ổn định chất lượng và đa dạng chủng loại sản phẩm, công ty cũng linh hoạt trong chiến lược kinh doanh để có thể thu hút được khách hàng của các đối thủ cạnh tranh và gia tăng giá trị hợp đồng từ các khách hàng truyền thống.

In 2014, despite the fierce competition in padding market and the appearance of more small padding companies providing cheap price products and fast service, Everpia Vietnam continues to maintain its leading position market with 29% market share. In addition to maintaining the stability of product

quality and the diversity of categories, the Company is also flexible in business strategy to attract more customers from competitors and increase value of the contracts from traditional customer.

Doanh thu đến từ bông tấm và chăn bông năm 2014 đạt hơn 313 tỷ đồng chiếm 39% doanh thu toàn công ty, tăng trưởng 11% và đạt 100% kế hoạch. Sự gia tăng này có đóng góp không nhỏ của hoạt động chăn bông khi mà doanh thu từ hoạt động này đã tăng mạnh 32% so với năm 2013 (tương đương với 18 tỷ đồng).

Revenue from padding and quilting products reached more than 313 billion VND, accounted for 39% of the total revenue, an increase of 11% and 100% of the plan in 2014. This increase has contributed mainly by the 32% increase of quilting revenue (equivalent to 18 billion VND).

Mặc dù doanh thu đến từ nhóm khách hàng nước ngoài có sụt giảm nhẹ, nhưng hai nhóm khách hàng chủ chốt chiếm tỷ trọng lớn là khách hàng Hàn Quốc (chiếm 59%) và khách hàng Việt Nam (35%) đều tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2013. Hoạt động xuất khẩu bông tấm của công ty chiếm tỷ trọng khá lớn (65% tương đương với gần 10 triệu USD). Tuy nhiên hơn 99% số lượng bông xuất khẩu là xuất khẩu nội địa, chỉ có 0.8% (tương đương với hơn 76 ngàn USD) là xuất trực tiếp ra nước ngoài.

Despite a slight decline in revenue from foreign customers, revenue from two major group customer including Korea (59%) and Vietnam (35%) have increased as compared to the same period in 2013. The padding export performance has large proportion (65% equivalent to nearly 10 million USD). However, more than 99% of padding export is domestic exports and only 0.8% (equivalent to more than 76 thousand dollars) is directly exported to foreign countries.

KINH DOANH CÁC SẢN PHẨM KHÁC VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN / OTHER BUSINESS AND SHORT-TERM INVESTMENT

Bên cạnh việc kinh doanh các ngành hàng chủ chốt (chăn ga gối đệm và bông tấm), Everpia Việt Nam cũng mở rộng kinh doanh các sản phẩm khác. Nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, công ty đã đưa ra thị trường các dòng sản phẩm nội thất và trang trí mang nhãn hiệu Everon Furniture và Everon Home Decor với kiểu dáng, mẫu mã hiện đại phong phú, chất liệu tự nhiên, thân thiện với môi trường. Tuy vậy, do mới triển khai đưa ra thị trường nên tỷ trọng đóng góp vào doanh số chung không đáng kể (khoảng 6%).

Besides two main business lines (bedding and padding), Everpia Vietnam has also expanded its business to other products. To meet the needs of customers, the Company has launched two new brands called Everon Furniture and Everon Home Decor with modern design, made of natural materials and environmentally friendly. However, those are new to market so that the contribution to total sales is not significant (approximately 6%).

Doanh thu đến từ kinh doanh các sản phẩm khác và hoạt động đầu tư ngắn hạn có sụt giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước (giảm 4.2 tỷ đồng tương đương với 8%).

Revenue from sales of other products and short-term investments have slight decreased as compared to the same period last year (a decrease of 4.2 billion equivalents to 8%).

2. Tình hình tài chính / *Financial Situation*

HIỆU QUẢ KINH DOANH / *PROFITABILITY*

Chỉ tiêu Items	2010	2011	2012	2013	2014
Biên lợi nhuận gộp Gross profit margin	42.0%	39.8%	34.3%	36.8%	34.0%
Biên lợi nhuận trước thuế Profit before tax margin	23.0%	23.9%	14.1%	15.5%	14.2%
Biên lợi nhuận ròng Return on sale (ROS)	18.2%	18.9%	11.0%	11.3%	10.8%
Thu nhập trên vốn cổ phần Return on equity (ROE)	22.6%	23.9%	10.6%	11.3%	10.5%
Thu nhập trên tổng tài sản Return on assets (ROA)	15.3%	19.9%	8.3%	9.5%	8.6%

Biên lợi nhuận gộp của công ty trong năm 2014 đã giảm nhẹ 10.4 tỷ (tương đương với 3.8%), phần lớn là do trong năm 2014 công ty đã gia tăng chương trình khuyến mại nhằm thúc đẩy tăng trưởng doanh thu. Chính vì vậy, mặc dù doanh thu, tổng tài sản, và vốn chủ sở hữu đều tăng nhưng do lợi nhuận giảm nhẹ nên các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh đều giảm so với năm 2013.

Gross profit margin of company in 2014 was slightly decreased VND 10.4 billion (equivalent to 3.8 %), because the company has increased promotions to push sales. Therefore, although revenues, total assets and shareholder's equity increased, the business performance targets also decreased compared with 2013 due to profit slightly decreased.

Chỉ tiêu Items	2010	2011	2012	2013	2014
Lợi nhuận ròng/Thu nhập trước thuế <i>Net profit on EBT</i>	79.0%	78.9%	77.6%	73.0%	76.3%
Lợi nhuận trước thuế/Lợi nhuận trước thuế và lãi suất <i>EBT/EBIT</i>	89.4%	93.3%	95.2%	96.0%	95.4%
Lợi nhuận trước thuế và lãi suất/Doanh thu thuần <i>EBIT / Net of sale</i>	25.8%	25.7%	14.8%	16.1%	14.8%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản <i>Net of sale/Total assets</i>	84.2%	94.0%	75.7%	84.6%	79.3%

Tổng tài sản/Tổng vốn chủ sở hữu <i>Total assets/Total equity</i>	116.7%	122.9%	124.7%	114.1%	119.6%
--	--------	--------	--------	--------	--------

Tác động của thuế thu nhập doanh nghiệp / Corporate Income Tax

Chỉ tiêu Lợi nhuận ròng/Thu nhập trước thuế của công ty trong năm 2014 đã tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước mặc dù lợi nhuận ròng giảm nhẹ là do từ 1/1/2014 mức thuế thu nhập doanh nghiệp đã giảm từ 25% xuống còn 22%.

Net profit on profit before tax of 2014 slightly increased compared with the same period last year although net profit decreased, because corporate income tax rate was reduced from 25 % to 22 %.

Tác động của thu nhập từ lãi / Interest Income

Tại thời điểm 31/12/2014, các khoản tiền và tương đương tiền của công ty đạt 35.6 tỷ. Nếu bao gồm cả khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng được ghi nhận vào đầu tư ngắn hạn thì tiền và tương đương tiền đạt mức 221 tỷ tăng 41% so với năm 2013. Việc duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng đã giúp cho công ty chủ động trong duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng quy mô và chủ động nguồn nguyên liệu, tránh được các rủi ro về tỷ giá và khan hiếm nguyên liệu. Thêm vào đó, công ty còn có thêm khoản thu nhập từ lãi tiền gửi (9.2 tỷ). Mặc dù số dư tiền gửi bình quân tăng mạnh so với năm 2013, nhưng do lãi suất huy động tiền gửi giảm mạnh trong năm 2014 nên thu nhập lãi của công ty đã giảm nhẹ so với năm 2013 (giảm 254 triệu).

On December 31st 2014, company's cash and cash equivalents was VND 35.6 billion. Including over three months term deposit in short term financial investment, are cash and cash equivalents was VND 221 billion, increased 41 % as compared to 2013. Maintaining deposit balance in bank, the company maintained operation and materials actively to avoid the risk of exchange rate and material scarcity. In addition, the company had interest incomes (VND9.2 billion). Although average deposit balances increased sharply compared with 2013, deposit interest rate reduced significantly so company's interest income was slightly lower than in 2013 (reduced VND 254 million).

Tác động của lợi nhuận ròng biên / Return on Sales

Năm 2014 tỷ số EBIT/Doanh thu thuần của công ty chỉ đạt 15%, ở mức tương đối ổn định từ năm 2012 đến nay.

In 2014, the ratio of EIBT on Net sale only reached 15 %, it was stable from 2012 until now.

Tác động của đòn bẩy tài chính / *Financial Leverage*

Chỉ số ROA của năm 2014 giảm so với 2013 là do tổng tài sản tăng (11% tương đương với 98 tỷ) trong khi lợi nhuận lại giảm nhẹ. ROA giảm nhưng nhờ chỉ số đòn bẩy tài chính tăng (do nợ ngắn hạn tăng mạnh 48% tương đương với 45 tỷ) nên đã giữ cho ROE chỉ giảm nhẹ 0.8 điểm phần trăm so với năm 2013.

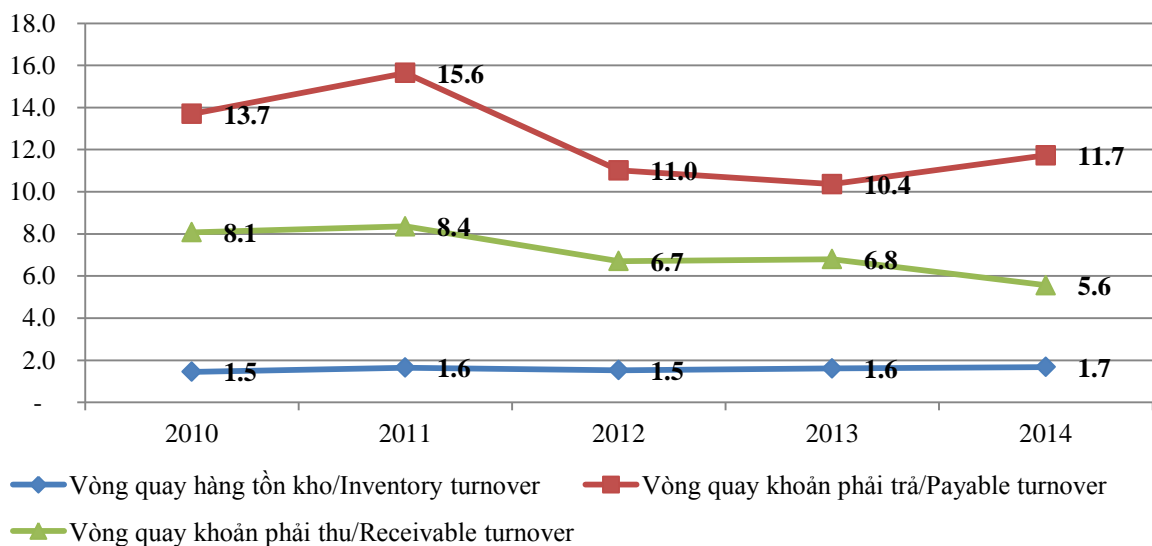
The ROA ratio of 2014 decreased in comparison with 2013 because of total asset increasing (11 % equivalent to VND 98 billion) and profit decreasing. ROE only decreased slightly 0.8 % from 2013 due to increasing of financial leverage (current liabilities increased 48 % equivalent to VND 45 billion).

HIỆU SUẤT SỬ DỤNG TÀI SẢN / *EFFECTIVENESS OF RESOURCES USE*

CHỈ TIÊU Items	2010	2011	2012	2013	2014
Số ngày tồn kho bình quân (ngày) Average inventory day	251	222	239	227	217
Kỳ thu tiền bình quân (ngày) Average receivable day	45	44	54	54	66
Số ngày phải trả bình quân (ngày) Average payable day	27	23	33	35	31
Vòng quay tiền mặt (ngày) Cash cycle (days)	270	242	260	245	252

Từ những số liệu về các chỉ số hiệu suất tài sản của công ty, ngoại trừ kỳ thu tiền bình quân, các chỉ số hiệu quả hoạt động của công ty không có thay đổi đột biến so với năm trước 2013.

From company' efficiency ratios, except the average account receivable period, others ratio has no change from the previous year.



Vòng quay khoản phải thu giảm mạnh trong năm 2014 là do trong những tháng cuối năm 2013 và năm 2014 do khó khăn của thị trường bán lẻ, công ty đã có những chính sách linh hoạt về công nợ cho các đại lý. Việc kỳ thu tiền bình quân tăng mạnh (22%) kéo theo vòng quay tiền mặt của công ty đã tăng 3%. Mặc dù việc này cũng có ảnh hưởng đến vốn lưu động của công ty nhưng đã giúp công ty có sự tăng trưởng mạnh về doanh số.

Because of difficulties in retail market from the last months of 2013 and 2014, the company had the flexible liability policy for agents so receivable turnover decrease significantly in 2014. Increasing of average account receivable period (22 %) led cash cycle longer 3%. Although company's working capital is affected, it help the company to growth in sales.

Bên cạnh đó, vòng quay hàng tồn kho vẫn được giữ ổn định như các năm trước ở mức 1.7 vòng, thậm chí số ngày tồn kho còn giảm (10 ngày) trong khi giá trị hàng tồn kho tại thời điểm 31.12.2014 tăng 6% so với năm 2013 là một sự tiến bộ đáng ghi nhận trong nỗ lực quản lý hàng tồn kho hiệu quả. Vòng quay khoản phải trả sau khi giảm tốc độ trong năm 2013 (10.4 vòng) đã quay trở lại bằng với mức 11.7 vòng trong năm 2014. Nguyên nhân là do tốc độ tăng của giá vốn hàng bán đã cao hơn so với giá trị các khoản phải trả.

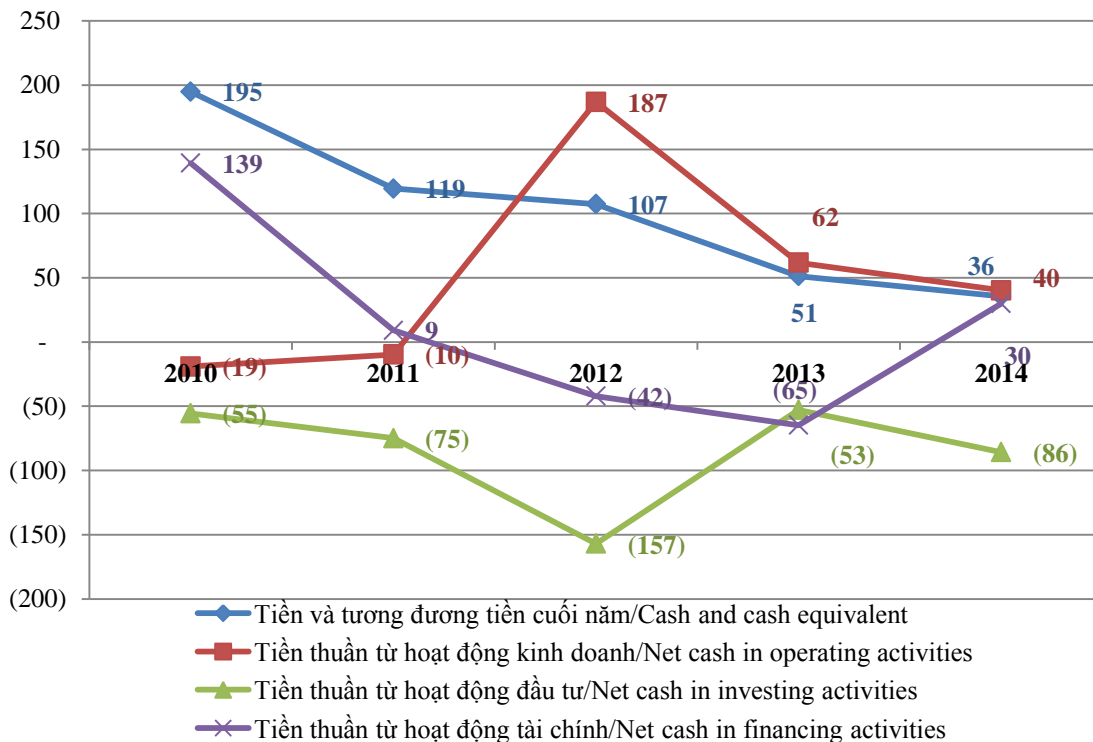
Inventory turnover remained stable at 1.7 as the previous year, average inventory days even reduced (10 days) while the inventories at December 31st 2014 increased 6 % compared with 2013. It was a progress in its efforts to manage inventory effectively. After decreasing in 2013 (10.4), payable turnover was back at 11.7 in 2014 because the increasing of cost of goods sold was higher than account payable.

Xét tổng thể, trong năm 2014, việc quản lý hàng tồn kho đã có nhiều tiến bộ đáng ghi nhận. Mặc dù việc thu hồi công nợ chậm hơn các năm trước nhưng cũng đã góp phần tạo nên tăng trưởng doanh thu so với năm 2013.

Overall, in 2014, inventory management has made progress. Although account receivable collection was slower than previous years, it also contributed to revenue growth from 2013.

KHẢ NĂNG SINH TIỀN / CASH FLOW

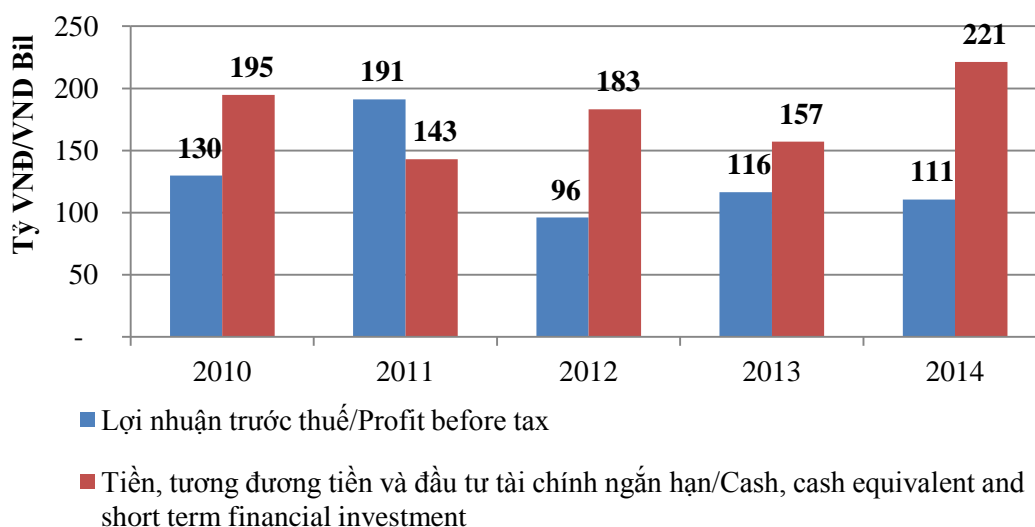
DÒNG TIỀN/CASH FLOW



Tại thời điểm cuối năm 2014, dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh giảm xuống mức 40 tỷ đồng, giảm 35% so với năm 2013 do chính sách linh động bán hàng cho đại lý của công ty. Trong khi đó, dòng tiền chi cho các hoạt động đầu tư lại tăng 62%. Vì vậy, lượng tiền và tương đương tiền tại thời điểm 31/12/2014 giảm còn xấp xỉ 36 tỷ VNĐ. Nhưng trên thực tế, trong dòng tiền chi cho hoạt động đầu tư có một khoản tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng trị giá 185 tỷ VNĐ. Vì vậy lượng tiền khả dụng của công ty không giảm mà còn tăng nhẹ lên mức 221 tỷ VNĐ tăng 41% so với 2013.

At the end of 2014, net cash from business activities decreased to VND 40 billion, reduced 35 % compared to 2013 because of flexible agent sale policy. Cash flow for investments increased 62 %.

Therefore, cash and cash equivalent at December 31st2014 decreased to VND 36 billion. In fact that, cash flow for investment activities has an over three months term deposits(VND 185 billion). As a result, total cash available increased to VND 221 billion and increased 41 % compared to 2013.



Tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi, lợi nhuận chủ yếu của công ty đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Dòng tiền thuần thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh luôn dương ở mức cao trong những năm gần đây cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty vẫn đang có hiệu quả và có khả năng tạo ra tiền mặt cao giúp cho công ty có thể chủ động trong các hoạt động của doanh nghiệp.

Concentrate to core business, company's profit mainly comes from the main business. Net cash flow from operating is always positive at high levels in recent years shows that the company's main business is still effective and has the ability to generate high cash for company's operation.

KHẢ NĂNG THANH TOÁN / LIQUIDITY

Chỉ tiêu Items	2010	2011	2012	2013	2014
Hệ số thanh toán nhanh Quick ratio	3.0	1.8	1.7	3.0	2.7
Hệ số thanh toán hiện hành Current ratio	5.6	4.5	3.7	6.3	5.1

Do công ty đã có khoản vay ngắn hạn gần 2.5 triệu USD nên các chỉ số về khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh của công ty đã giảm nhẹ (10%) so với năm 2013. Tuy nhiên, mặc dù giảm nhưng tại thời điểm 31/12/2014, nếu chỉ dùng lượng tiền và tương đương tiền hiện có, công ty đã có thể ngay lập tức thanh toán 25% các khoản nợ ngắn hạn. Còn nếu sử dụng cả các khoản đầu tư ngắn hạn, thực chất là các khoản tiền gửi tiết kiệm

có kỳ hạn lớn hơn 3 tháng thì có thể thanh toán ngay toàn bộ các khoản nợ hiện có. Đây là minh chứng cho thấy EVE hầu như không có rủi ro về thanh khoản trong ngắn hạn. Trong trung hạn, công ty hoàn toàn có đủ nguồn lực để đầu tư thêm dây chuyền sản xuất đệm lò xo túi cũng như cải tạo và nâng cấp các dây chuyền sản xuất hiện có.

Because the company has short-term loans nearly USD 2.5 million, the current and quick ratios decreased slightly (10%) compared to 2013. However, at the end of 2014, if the company only uses cash and cash equivalent, it can pay immediately 25% of current liabilities. If it uses both cash and cash equivalent and short-term financial investments, which is deposits with more than 3 months term, it can cover all liabilities. This is a proof that EVE has no risk of liquidity in short term. In medium term, the company has enough capital to invest pocket spring mattress production line and upgrading existing production lines.

CẤU TRÚC TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN / ASSETS AND RESOURCES STRUCTURE

Cấu trúc tài sản / Assets structure

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng tài sản của công ty tăng 11% so với cùng kỳ năm trước, đạt gần 986 tỷ đồng. Về mặt cơ cấu, tỷ trọng tài sản ngắn hạn đã tăng 5%, đóng góp 72% trong tổng tài sản của công ty (707.7 tỷ).

On December 31st 2014, total assets of the company increased 11%, nearly VND 986 billion, compare with the same time last year. In structure, rate of current assets on total increased 5%, contributing 72% of the company's total assets (VND 707.7 billion).

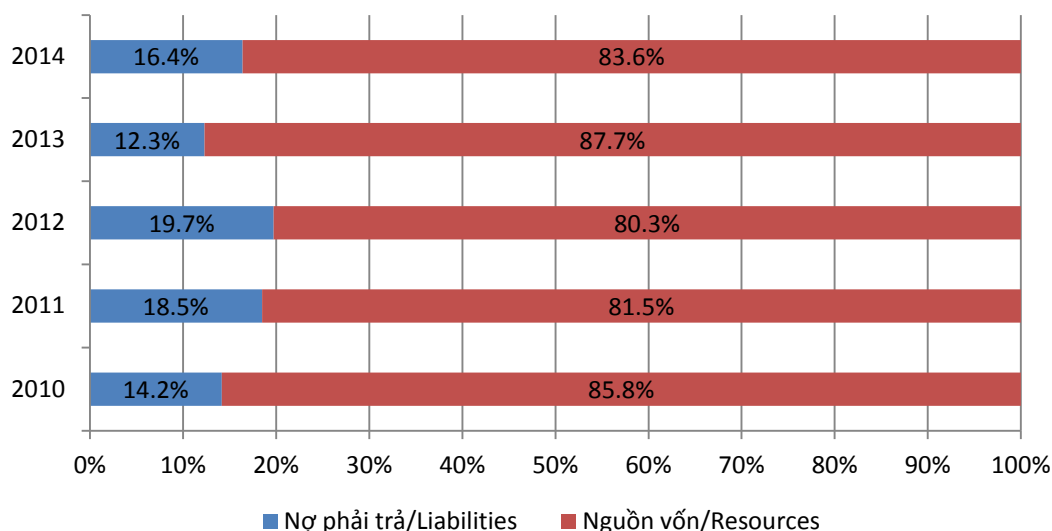
Tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng bên cạnh nguyên nhân đến từ hàng tồn kho và tiền mặt (tăng 5% và 41%) thì nguyên nhân chủ yếu cũng đến từ giá trị các khoản phải thu tăng lên 12% so với 2013 (33 tỷ).

Besides increasing of inventory and cash & cash equivalent (5% of inventory and 41% of cash & cash equivalent), proportion of current assets increased mainly from receivable raising 12% compare with 2013 (VND 33 billion).

Tài sản dài hạn giảm nhẹ so với năm 2013 chủ yếu là do khấu hao tài sản cố định (giảm 5% tương đương với gần 15 tỷ).

Non current assets went down slightly year on year because of fix assets depreciation (decreased 5% equivalent to nearly VND 15 billion).

Cấu trúc nguồn vốn / *Resources structure*



Về phần nguồn vốn, tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn đã giảm nhẹ trong năm 2014. Điều này là do nợ ngắn hạn đã tăng mạnh trong năm 2014 (51 tỷ VNĐ), do nhu cầu vay ngoại tệ để nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.

In the resources, the rate of shareholder on total resources has decreased slightly in 2014. This was due to that short-term debt has increased sharply in 2014 (VND 51 billion), due to the need of foreign currency loans to import materials for production.

Nhìn chung, cấu trúc tài chính của Everpia Việt Nam luôn ổn định và bền vững qua các năm. Trên 80% tài sản của công ty được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu. Nợ ngắn hạn của công ty chủ yếu là các khoản vay bằng đồng USD với lãi suất thấp để phục vụ cho nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất bằng ngoại tệ.

In general, Everpia Vietnam's financial structure is stable and sustainable in over the years. More than 80% of company assets is covered by equity. The company's current liabilities are mainly USD loan contracts with low interest rate to import production materials.

Về nợ dài hạn, mặc dù chiếm tỷ trọng thấp trong tổng nợ phải trả (13%) nhưng cũng đã tăng mạnh 51% (tương đương 7.2 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên khoản vay này phần lớn là vay bằng đồng USD với lãi suất thấp phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Although long term liabilities are low proportion of total liabilities (13%), it increased 51% (equivalent to 7.2 billion) compare with 2013. However, most of these loans are USD loan contracts with low interest rate to import production materials.

3. Hoạt động cung ứng nguyên vật liệu sản xuất / *Materials procurement activities.*

Nguyên vật liệu dùng cho sản xuất của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam chủ yếu là xơ bông và vải sợi (chiếm 66% giá thành sản phẩm). Chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài (gần 80%) từ các nhà sản xuất uy tín của Hàn Quốc, Trung Quốc, Malaysia...

Most of materials, which use for the production of Everpia Vietnam, are polyester fibers and fabric (66% of cost of goods sold). They imported mainly from abroad (80%) from reputed suppliers of South Korea, China, Malaysia...

Hoạt động mua sắm đã lựa chọn mua và cung cấp đầy đủ kịp thời nguyên vật liệu với giá cả hợp lý góp phần tạo nên sự ổn định cho chất lượng sản phẩm và tiến độ sản xuất. Công tác lưu trữ, bảo quản cũng được chú trọng không để xảy ra tổn thất.

Materials procurement activities purchase and supply in sufficient time and reasonable prices, which contribute to the stability of product quality and production progress. The storage and preservation are attention to prevent damage occurs.

4. Hoạt động tài chính kế toán / *Finance and Accounting*

- Theo dõi, kiểm soát và lập các báo cáo về tình hình thực hiện ngân sách toàn công ty theo tháng, quý và năm giúp cho công ty có kế hoạch cân đối ngân sách nâng cao hiệu quả hoạt động.
- *Monitoring, auditing and making company's budget report on monthly, quarterly and annually for budget plans to improve business operation.*
- Khai thác và sử dụng hiệu quả các sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng góp phần tạo sự chủ động và linh hoạt về ngân sách hoạt động cho công ty.
- *Using effectively banking services for company's budget plan.*
- Phối hợp với đơn vị kiểm toán thực hiện công tác lập báo cáo tài chính đúng tiến độ, công bố thông tin kịp thời trên thị trường chứng khoán theo quy định.
- *Coordinate with the auditors to make financial report on schedule and publish in accordance with the stock market rules.*
- Thực hiện công tác quyết toán thuế theo đúng quy định của nhà nước. Kiểm tra, kiểm soát chứng từ hóa đơn hợp lý, hợp lệ, đúng quy định. Phát hiện và điều chỉnh kịp thời những bất hợp lý góp phần hoàn thiện sổ sách chứng từ kế toán.
- *Tax settlement was made according to regulations. Auditing, detecting and adjusting accounting documents to improve financial report.*

5. Hoạt động nhân sự / *Human Resource*

Tổng số nhân sự tính đến 31/12/2014 là 1,189 người. Trong đó, đại học và trên đại học là 180 lao động, cao đẳng và trung cấp là 75 người, công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông là 929 người.

On December 31st 2014, total number of employees was 1,189 people. University and above: 180 employees, College and Intermediate: 75 employees, Technician and unskilled laborer 929 employees.

Trong năm 2014, công ty đã tuyển dụng 349 lao động. Tuy nhiên, Công ty Everpia Việt Nam đã ban hành 253 quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, trong đó có 42 trường hợp là do công ty chủ động chấm dứt hợp đồng (chiếm 17%), còn lại là xuất phát từ lý do các nhân người lao động. Tỷ lệ thôi việc năm 2014 là 21.3% (trong tổng số 1,189 lao động).

In 2014, the company has recruited 349 employees. However, Everpia Vietnam has issued 253 decisions to terminate labor contracts, there are 42 cases which the company wants to stop the contract (17%) and the rest are from employees. Stop working rate in 2014 was 21.3% (of the total 1,189 employees).

Năm 2014, công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tất cả CBNV. Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho CBNV.

Nhằm khuyến khích tinh thần làm việc của CBNV, công ty đã hỗ trợ 100% chi phí cho CBNV ở một số bộ phận có thành tích xuất sắc đi tham quan du lịch trong và ngoài nước.

Ngoài ra, công ty cũng đã có hỗ trợ chi phí đào tạo, tham quan công tác để CBNV có thể nâng cao kỹ năng nghiệp vụ phục vụ cho công việc.

Company holds medical periodically and pays full social insurance, health insurance, unemployment insurance for all employees. To encourage employees, every year, the company supports 100% of domestic and international travel cost for good performance employees and departments. In addition, the company also supports training costs to improve working skills and knowledge for employees.

F. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG / *SUSTAINABLE DEVELOPMENT REPORT*

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH TẾ/ *ECONOMIC ACTIVITIES*

1. Báo cáo tăng trưởng/*Economic Developments*

(Xem thêm mục Báo cáo của Ban điều hành)/(Please, see in Board of Directors Report)

2. Báo cáo quan hệ nhà đầu tư/*Investor Relation*

Công tác quan hệ nhà đầu tư luôn được công ty chú trọng nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho các nhà đầu tư có thể cập nhật thông tin về công ty. Năm 2014, công ty đã có các hoạt động như sau:

The company always attaches much importance to investor relations, investors can update company information easily. In 2014, the company had investor relation activities as follow:

Ngày 28/03/2014, công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông thường niên để báo cáo với các cổ đông kết quả đã đạt được trong năm 2013, thông qua các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 và các nội dung quan trọng khác.

On March 28th, 2014, company held General Shareholders' Meeting to report 2013 business results, ratify 2014 business targets and other important issues.

Trong năm 2014, công ty đã thực hiện 11 cuộc đón tiếp các quỹ đầu tư và các công ty chứng khoán đến tham quan và tìm kiếm cơ hội đầu tư vào công ty như Pemberton Investment, Vietnam Holding, Equinox Partners, Frontaura Capital, Global Frontier Funds, ORYX Investment, Optis Fund, Impera Capital, Yuan Asset Management, Endurance Capital...

In 2014, company organized eleven meetings with investment funds and securities who had visited and explored investment opportunities, such as Pemberton Investment, Vietnam Holding, Equinox Partners, Frontaura Capital, Global Frontier Funds, ORYX Investment, Optis Fund, Impera Capital, Yuan Asset Management, Endurance Capital...

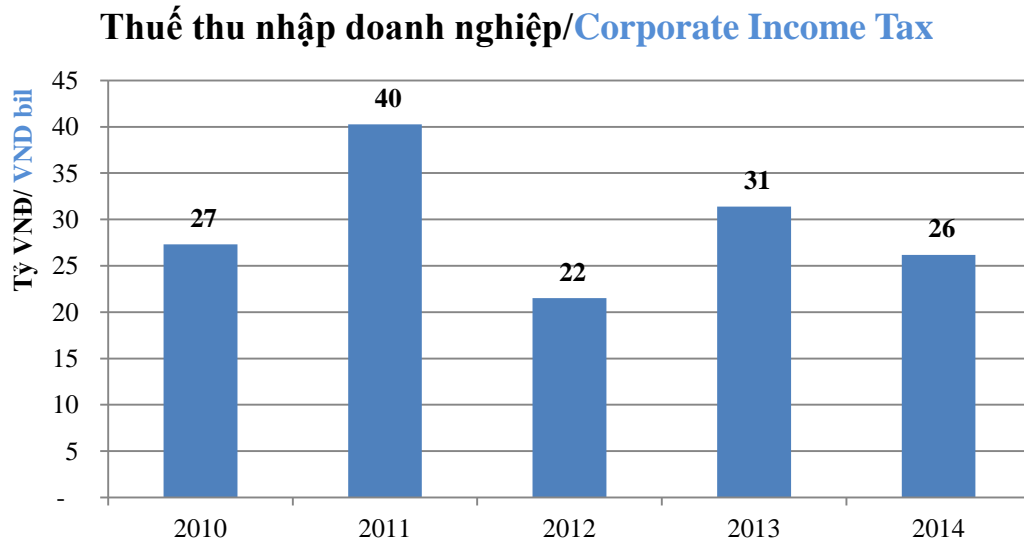
Thực hiện các báo cáo tình hình quản trị công ty và báo cáo thường niên định kỳ theo đúng quy định về công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Tp HCM. Các thông tin tài chính và phi tài chính được công ty công bố đầy đủ, kịp thời trên website của công ty và khi cổ đông có yêu cầu.

Management report and annual report were made periodically in accordance with regulations of the State Securities Commission and Ho Chi Minh City Stock Exchange on information disclosure. Financial and non-financial information were announced fully on company's website and investor requests.

3. Báo cáo đóng góp xã hội/Social Contributions

Với việc kinh doanh hiệu quả, công ty đã liên tục có đóng góp cho ngân sách. Năm 2014, công ty Everpia Việt Nam đã nộp ngân sách nhà nước 26.2 tỷ đồng, giảm 17% so với năm 2013 (do thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giảm).

With effective business, the company has continuously contributed to the national budget. Everpia Vietnam has contributed VND 26.2 billion for the national budget in 2014, decrease 17 % in comparison with 2013 (because of decreasing corporate income tax rate).



Bên cạnh việc đóng góp cho ngân sách địa phương, công ty cũng đã giải quyết công ăn việc làm, chăm sóc tốt đời sống cho gần 1,000 lao động địa phương.

Beside contributing to the national budget, the company also provides jobs, and supports for the living standard to nearly 1,000 local workers.

Với triết lý hoạt động “Chia sẻ để thành công”, công ty còn thực hiện trách nhiệm với cộng đồng thông qua việc thường xuyên tham gia các hoạt động nhân đạo từ thiện, đền ơn đáp nghĩa. Hàng năm, công ty thường trích từ 1-2% lợi nhuận sau thuế để tham gia các hoạt động cộng đồng ở khu vực công ty có trụ sở và chi nhánh như Hưng Yên, Hà Nội, Đồng Nai... Trong năm 2014, công ty đã có những hoạt động cụ thể sau:

With the philosophy “Share to be success”, the company takes responsibilities for community through participating in charity activities. Every year, company has saved from 1-2% of its profit after tax for the community and local government activities in where the company located such as Hung Yen, Ha Noi, Dong Nai... In 2014, the company has made some community activities, as follows:

- Tháng 5/2014, mừng ngày truyền thống Hội người cao tuổi Việt Nam, công ty đã gửi tặng những phần quà đến các cụ già ở xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, Hưng Yên.
- *On May, 2014, celebrating Vietnam Association of the Elderly, the company has given gifts to elderlies in Tan Quang village, Van Lam District, Hung Yen province.*
- Tháng 11/2014, công ty đã trao 100 xuất học bổng cho các Học sinh nghèo Huyện Khoái Châu và tham gia đóng góp kinh phí xây dựng trường học ở Xã Minh Hải, huyện Văn Lâm, Hưng Yên.
- *On November, 2014, the company has awarded 100 scholarships to Khoai Chau District poor students and contribute funding for school construction in Minh Hai village, Van Lam district, Hung Yen province.*
- Cũng trong tháng 11/2014, công ty đã trao 50 xuất học bổng cho học sinh khuyết tật vượt khó đến trường của tỉnh Đồng Nai.

Also on November, 2014, the company has awarded 50 scholarships to disability students in Dong Nai province.

II. BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG/ENVIRONMENT AND ENERGY

1. Nguyên, vật liệu/Materials

Với nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất chủ yếu xơ polyeste và vải nhập từ nước ngoài, bên cạnh việc lựa chọn nguồn cung cấp uy tín về chất lượng, tiến độ và giá cả hợp lý, công ty luôn hướng tới việc tìm kiếm và sử dụng các nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn quốc tế về an toàn với môi trường và không gây hại đối với sức khỏe của người sử dụng.

Các nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất đều được công ty khoán theo định mức nhằm giảm hao hụt lãng phí.

The materials which use in the manufacture such as polyeste fibers and fabrics mainly importe from abroad. Besides choosing reputable supplier of quality, schedule and reasonable price, the company is always looking and use of materials which achieve international standards for environmental safety and not harmful for the health of customers. The materials which uses in manufacture are follow company norms to reduce waste.

2. Năng lượng / *Energy*

Năm 2014 công ty đã tiêu thụ hơn 4.1 triệu kWh tương đương với gần 7 tỷ đồng. Ngoài điện năng tiêu thụ công ty có sử dụng thêm gas và dầu trong các dây chuyền sản xuất bông tằm và đệm bông ép. Trong năm 2014, công ty đã sử dụng 347 ngàn lít dầu và 593 tấn gas tăng bình quân 12% so với năm 2013.

The company consumed more than 4.1 million kWh equivalents to VND 7 billion in 2014. Besides power consumption; gas and oil are used in padding and mattress production line. The company used 347 thousand liters of oil, 593 tons gas, increased 12 % in comparison with 2013.

Nhằm sử dụng một cách hiệu quả và tiết kiệm, công ty thường xuyên xây dựng và cập nhật các định mức tiêu thụ năng lượng như dầu, gas, điện trong sản xuất kinh doanh. Giáo dục thường xuyên ý thức sử dụng tiết kiệm điện, nước cho CBCNV toàn công ty thông qua hệ thống các pano, áp phích, bảng hiệu trong khu vực sản xuất và văn phòng.

To using energy in efficient and economical way, companie regularly develops and updates energy consumption norms such as oil, gas, electricity in production. Rasing awareness saving use of electricity and water for company employees through a system of panels, posters, signs in factories and offices.

3. Nguồn nước/ *Water source*

Nguồn nước công ty đang sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh một phần đến từ nguồn nước sạch của các công ty cấp thoát nước địa phương (Nhà máy Hà Nội, nhà máy Đồng Nai) và một phần đến từ hệ thống giếng khoan do công ty tự đầu tư (nhà máy Hưng Yên).

Water source which company used for business activities come from local water supply company (Hanoi Factory, Dong Nai Factory) and company's drilled well system (Hung Yen Factory).

Công ty đang trong quá trình theo dõi, thống kê xây dựng định mức khoán sử dụng nước trong sản xuất đến từng đơn vị nhằm nâng cao ý thức sử dụng nước tiết kiệm hiệu quả, giảm chi phí.

The company is in process of monitoring, caculating water using norm in production to raise consciousness of water use, efficiency savings and reduce costs.

Công ty định kỳ, kiểm tra, duy tu bảo dưỡng, vệ sinh thường xuyên hệ thống cung cấp nước nội bộ nhằm đảm bảo tránh lãng phí, để sửa chữa khắc phục khi có sự cố xảy ra.

The company periodically checks, service and clean internal water supply network to avoid waste, easy to repair.

4. Khí thải, nước thải và chất thải rắn/ *Exhaust fumes, waste water and solid refuse*

Khí thải của công ty chủ yếu đến từ khu vực sản xuất (phân xưởng bông, đệm bông ép), khí thải thoát ra đều được thu gom và xử lý qua hệ thống xử lý không khí của từng xưởng. Công ty là đơn vị sản xuất nên nguồn điện cung cấp luôn ổn định, máy phát điện chỉ được sử dụng trong những sự cố điện lưới hãn hữu, vì vậy khí thải từ máy phát điện là không đáng kể.

Exhausts fumes of company are mainly from production area (padding factory and polyester mattress), exhaust fumes are collected and processed by air systems of each factory. The company power supply is always stable; the generators are only used with rare problems, thus, exhaust fumes from generators are negligible.

Đối với khí thải phát sinh từ hệ thống điều hòa không khí ở khối văn phòng và xưởng sản xuất, công ty cũng đã có những quy định về thực hành tiết kiệm nhằm nâng cao ý thức cho CBCNV trong việc sử dụng các thiết bị điều hòa. Vì vậy, khí thải phát sinh từ hệ thống điều hòa không khí đang từng bước được giảm thiểu.

For exhausts fumes from air conditioning systems in offices and factories, the company also has regulations on saving energy to raise awareness for staff in air conditioner using. Therefore, exhausts fumes from air conditioning systems are being reduced.

Do đặc thù ngành sản xuất chăn ga gối đệm nên công ty không có nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tập trung tại hệ thống xử lý nước thải của địa phương. Theo kế hoạch, trong năm 2015, công ty sẽ đầu tư hệ thống thu gom xử lý nước thải nội bộ trước khi đưa ra hệ thống thoát nước của địa phương.

Because of bedding production, there is not industrial sewage water from the company. Domestic sewages are collected and handled at local wastewater treatment systems. From planning, in 2015, the company will invest the internal wastewater collection and treatment system.

Chất thải rắn của công ty bao gồm chất thải không nguy hại (gồm rác thải sinh hoạt và rác thải sản xuất như vải vụn, bông vụn, phế liệu... có thể tái chế được) và chất thải nguy hại (thùng chứa dầu, keo công nghiệp...). Công ty đã ký hợp đồng với công ty xử lý chất thải địa phương để bán những chất thải không nguy hại có thể tái chế được và xử lý theo đúng quy trình, quy định của pháp luật những chất thải nguy hại, không tái chế được.

There are two kinds of solid refuse such as non-hazardous waste (domestic waste and industrial waste such as: recycled scraps of fabric, scraps of padding...) and hazardous waste (oil tanks, industrial glue tanks...). The company has signed contract with local waste treatment company to sale the non-hazardous wastes which can be recycled, and handling hazardous waste.

III. BÁO CÁO XÃ HỘI/SOCIAL RESPONSIBILITIES

TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG/RESPONSIBILITIES FOR EMPLOYEES

1. Phúc lợi người lao động/ Welfare policies for employees

Với nhận định con người là nhân tố chính tạo nên thành công của doanh nghiệp, Everpia Việt Nam luôn chú trọng đầu tư cho người lao động. Bên cạnh chế độ đãi ngộ hấp dẫn, công ty còn chú trọng đầu tư tạo ra môi trường làm việc đoàn kết, cạnh tranh giúp cho người lao động có thể phát huy hết khả năng của mình.

Understanding that human resource is a main factor of business success, Everpia Vietnam has always focused on employee investment. Besides attractive remuneration, the company also focuses on creating solidary and competitive working environment where employees can promote their abilities.

Mức lương cơ bản trung bình của người lao động năm 2014 đạt 5,370,151 đồng tăng gần 18% so với năm 2013. Ngoài 12 tháng lương cơ bản, mỗi năm người lao động còn được thưởng thêm bốn tháng lương cơ bản khác vào các dịp Tết Âm lịch, Quốc tế lao động, Quốc Khánh và Ngày thành lập công ty. Hàng năm, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, công ty sẽ trích 10% lợi nhuận sau thuế thưởng cho CBCNV. Năm 2014, mức thu nhập bình quân của CBCNV đạt 9,507,965 đồng tăng 21% so với năm 2013.

The average basic salary of the employees in 2014 was VND 5,370,151 increased 18% in comparisons with 2013. In addition to the twelve months basic salary, every year, employees are entitled to have another payment equivalent to four months basic salary paid on occasion of Tet Holiday, the National day, the Labor day, and the Company establishment day. Every year, depend on business performance, the company will also extract 10% from its profit after tax to pay employees as special bonus. In 2014, the average income of each employee was VND 9,507,965 increased by 21% in comparisons with 2013.

Từ năm 2011, sau mỗi 6 tháng, công ty tổ chức bình chọn các cá nhân có thành tích lao động xuất sắc để trao tặng những phần thưởng có giá trị nhằm ghi nhận những đóng góp và khích lệ, động viên các CBCNV từ văn phòng đến nhà máy. Ngoài ra, công ty còn có các chế độ

phúc lợi khác nhằm hỗ trợ cho CBCNV như phụ cấp xăng xe, điện thoại, phụ cấp hỗ trợ tay nghề, hỗ trợ thâm niên, hỗ trợ chuyên cần.

Since 2011, every 6 months, excellent employees will be chosen and rewarded with the valuable awards to recognize their contributions and encourage, motivate the working spirit of the employees, from the office departments to the manufacturing departments. Besides these, the company also has the regular welfare policies to support employees such as the allowances for competences, veteran allowances, diligence allowances, and fuel fees, telephone fees.

Đã thành thông lệ, vào tháng 3 hàng năm, công ty tổ chức Đại hội thể dục thể thao, thi đua văn nghệ với sự tham gia của tất cả các CBCNV trong công ty nhằm rèn luyện sức khỏe cũng như tăng cường tinh thần đoàn kết và gắn bó tập thể; tháng 8 hàng năm cũng là dịp công ty tổ chức cho toàn thể CBCNV cùng gia đình đi tham quan du lịch.

As common practice, in March every year, the company organizes Sport and Arts Festival with the participation of all employees in order to improve health, solidarity and community. In August every year, the company organizes to go holiday for all employees and their families.

2. Quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động/ Employee and Employer relationship

Tuân thủ quy định của pháp luật, Công ty cổ phần Everpia Việt Nam đã cam kết thực hiện các chế độ, chính sách lương thưởng, đãi ngộ và môi trường làm việc đối với người lao động thông qua thỏa ước lao động tập thể được ký kết hàng năm. Ngược lại người lao động cũng cam kết đảm bảo tuân thủ các quy định làm việc và nội quy của công ty.

Các chính sách đối với người lao động (đặc biệt là với lao động nữ) được thực hiện và tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động và các quy định của nhà nước.

To comply with the law, Everpia Vietnam has committed to implement the regime, remuneration policies and working environment for employees by collective agreements which are signed annually. In contrast, employees have also committed to comply with company rules and regulations.

The policies for employees (especially female workers) are implemented and comply with the provisions of the Labor Code and the regulations of the state.

Đánh giá cao những ý kiến đóng góp của người lao động, tháng một hàng năm, công ty định kỳ tổ chức Hội nghị tổng kết toàn công ty. Đây là dịp để các bộ phận đóng góp ý kiến cải thiện hoạt động sản xuất kinh doanh và đồng thời cũng là cơ hội để ban lãnh đạo lắng nghe các nguyện vọng của các bộ phận để có những biện pháp hỗ trợ kịp thời, đáp ứng những quyền lợi, nhu cầu chính đáng của từng bộ phận.

Appreciate the comments of workers, in January every year, the company organize workshop regularly. This is an opportunity for all the departments, factories contributing ideas to improve business operations and also an opportunity for top management listening and understading the desires of the departments to have solution supporting and increasing the legitimate needs of each department.

3. Hoạt động chăm lo sức khỏe người lao động/ Employee healthcare activities

Trong năm, Ban lãnh đạo và công đoàn công ty luôn quan tâm chăm lo sức khỏe cho người lao động. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách BHXH, BHYT, BHTN, chế độ bồi dưỡng độc hại, chế độ thai sản cho lao động nữ...

Board of Directors and labor union always care about employees' health. Inspecting and supervising implementation of policies such as: social insurance, health insurance, unemployment insurance, maternity leave, noxious allowance...

Hàng năm, công ty đều thực hiện đầu tư trang thiết bị và tổ chức các khóa huấn luyện bảo hộ lao động. Công ty đã tích cực thực hiện các biện pháp phòng tránh tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, cụ thể như sau:

Every year, company invests in safety equipments and organize labor safety training courses. The company has implemented measures to prevent occupational accidents and occupational diseases, as follows:

Biện pháp kỹ thuật/Technical mesures

Trong thiết kế, xây dựng các công trình, nhà xưởng, công ty đã chú trọng loại trừ các yếu tố tác nhân có thể dẫn đến tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp bằng các biện pháp kỹ thuật:

In the design and construction of buildings and factories, the company has focused on eliminating factors, which can lead to occupational accidents and occupational diseases, by technical measures:

- Lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa, hệ thống xử lý bụi, hệ thống chiếu sáng đầy đủ cho những khu vực làm việc có nhiệt độ cao, phát sinh nhiều khói bụi và cần nhiều ánh sáng như xưởng chần, xưởng sản xuất chăn ga, xưởng đệm và xưởng bông.
- *Installation of ventilation, air conditioning, dust handling system, lighting system for the work area with high temperatures, a lot of dust and require light as quilting workshop, bedding workshop, mattress workshop and padding workshop.*
- Đầu tư các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy cho toàn bộ khu vực nhà máy và văn phòng.
- *Invested fire protection equipments for offices and factories.*

Biện pháp y tế/Health care

- Chỉ tuyển dụng những lao động có đầy đủ hồ sơ liên quan đến sức khỏe các nhân.
- *Only employees who have full personal health records are employed.*
- Định kỳ tổ chức thăm khám sức khỏe để CBCNV có thể sớm phát hiện và điều trị các bệnh nghề nghiệp.
- *Health examinations are held periodically for employees so they can early detect and treatment of occupational diseases.*
- Duy trì các phòng y tế với đội ngũ nhân viên y tế thường trực ở trụ sở và các chi nhánh của công ty.
- *Health clinics with medical staffs are ready at the head office and branches of the company.*

Trang bị phương tiện bảo hộ lao động cá nhân/ Providing labor safety equipments

Các phương tiện bảo hộ lao động cá nhân được đáp ứng đầy đủ theo đúng các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, mục đích sử dụng và thẩm mỹ. Người lao động được yêu cầu phải sử dụng các phương tiện bảo hộ cá nhân theo đúng quy định nơi làm việc.

Labor safety equipments are fully provided in accordance with the requirements of quality standards, using purpose and aesthetics. Employees are required to use personal protective equipments in workplace.

Tổ chức làm việc an toàn/Working safety

Tổ chức lao động, sắp xếp bố trí máy móc thiết bị một cách hợp lý, phù hợp với quy trình sản xuất và người lao động.

Organizing labor and production line logically and suitable with employees and production.

Xây dựng, ban hành nội quy phòng cháy chữa cháy, lắp đặt các biển báo, hướng dẫn đầy đủ. Đội bảo vệ định kỳ tổ chức kiểm tra vận hành đối với các phương tiện thiết bị phòng cháy chữa cháy.

Developing and promulgating rules of fire protection, installing of instruction billboards. The security guards periodically check the operation of fire protection equipments.

Tổ chức huấn luyện, phổ biến kiến thức phòng cháy chữa cháy cho CBCNV toàn công ty. Hàng năm, công ty đều phối hợp với lực lượng PCCC địa phương tổ chức các cuộc diễn tập PCCC định kỳ.

The company always organizes training courses of fire protection to all employees. Every year, company coordinates with the local Fire protection to hold the Fire protection practices periodically.

4. Đào tạo và tuyển dụng/ Training and Recruitment

Đào tạo và huấn luyện/Training

Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo cho CBCNV mới gia nhập công ty. Đối với khối văn phòng, một khóa huấn luyện kéo dài 5 – 7 ngày để nhân viên mới có thể nhận biết được các hoạt động chung của công ty, quy trình hoạt động của các đơn vị sản xuất và sự phối kết hợp giữa các phòng ban, bộ phận. Đối với khối sản xuất, tại tất cả các xưởng đều có dây chuyền phụ dành riêng cho công nhân mới, công nhân chưa có tay nghề làm quen và đào tạo. Sau khi vững tay nghề, những công nhân mới này mới được tham gia dây chuyền sản xuất chính.

The company always organizes training courses for new employees. For the offices, a training course lasts 5-7 days for new employees to understand the company's overall operations, production processes and the coordination between these departments, divisions. For production, all factories have extra lines for new workers acquainted and training. After that, these new workers can be participated in the production line.

Do các chính sách và quy định thường xuyên thay đổi và cập nhật, nên các cán bộ chuyên môn luôn được cử tham gia các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ như thuế, kiến thức pháp luật, nghiệp vụ kế toán, kiểm toán...

The policies and regulations are constantly changing and updating, so the staffs are always taken part in training courses such as business tax, legal, accounting, auditing ...

Với nhu cầu nhân lực tăng cao do việc mở rộng trong hoạt động sản xuất và kinh doanh (nhằm gia tăng các đơn hàng xuất khẩu và kinh doanh B2B), trong năm 2014, công ty đã tổ chức 12 khóa đào tạo hội nhập, đào tạo nghề cho các CBCNV mới.

Increasing employees demand to the business expansion (in order to increase the export orders and B2B business), in 2014, the company has organized 12 training courses for new employees.

Các phong trào đóng góp đề xuất, ý kiến cải tiến, sáng tạo/ The movements of Innovation and creative ideas contribution

Hàng năm công ty có tổ chức phong trào đóng góp ý tưởng, sáng kiến cải tiến hoạt động góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động cho công ty.

Annually, the company organizes the movement of contributed ideas and innovations to improve the performance of the company.

Là công ty chuyên tự thiết kế và sản xuất các mẫu sản phẩm chăn ga của riêng mình, công tác thiết kế - sáng tạo luôn được công ty coi trọng. Từ năm 2014, Everpia Việt Nam quyết

định tổ chức định kỳ hàng năm các cuộc thi Ý tưởng sáng tạo, thiết kế các sản phẩm chăn ga dành cho CBCNV công ty và các nhà thiết kế - sinh viên mỹ thuật trên toàn quốc. Đây là cách mà công ty có thể lựa chọn thêm các ý tưởng sáng tạo cho sản phẩm và cũng là cơ hội tuyển dụng được những thiết kế tài năng cho công ty.

As bedding design and manufacture company, Everpia Vietnam always attaches much importance to design and innovative. From 2014, the company decided to hold Creative Ideas and Bedding Design competitions for company's employees and designers – art students. This is the way that the company can collect creative ideas for products and a chance for company to employ good designers.

Chính sách tuyển dụng/ Recruitment Policy

Với nguyên tắc Công khai – Công bằng – Bình đẳng, Everpia Việt Nam trao cho các ứng viên cơ hội nghề nghiệp ngang nhau. Gia nhập công ty, mọi CBNV đều được tạo điều kiện tối đa để thể hiện năng lực bản thân và mọi ý tưởng sáng tạo đều được ghi nhận và đánh giá cao.

With Publicity – Justice – Equality principle, Everpia Vietnam offers candidates the equal job opportunities. In the company, all employees are facilitated to show their abilities and all creative ideas are recognized and appreciated.

TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG/ RESPONSIBILITIES FOR CONSUMERS

Cung cấp sản phẩm vì cộng đồng/Supplying products for the community

Kinh doanh sản phẩm chăm sóc sức khỏe người tiêu dùng, Everpia Việt Nam luôn đặt tiêu chí chất lượng và an toàn sản phẩm lên hàng đầu. Tất cả các sản phẩm của công ty ở mọi phân khúc đều hướng tới an toàn cho người sử dụng và thân thiện với môi trường.

To sell bedding products which relate to customer health, Everpia Vietnam always attaches much importance to customer safety and product quality. Company's products in all sections are oriented to user safety and environmental friendly.

Hỗ trợ thông tin người tiêu dùng/Information supports

Nắm bắt được tâm lý muốn tìm hiểu thông tin về sản phẩm trước khi mua của người tiêu dùng, bên cạnh những kênh cung cấp thông tin của doanh nghiệp như hệ thống đại lý, website, đường dây nóng; Everpia Việt Nam đã kết hợp với Hiệp hội chống hàng giả hàng nhái và một số công ty truyền thông tổ chức các chương trình với mục đích chia sẻ những thông tin, kiến thức về an toàn sản phẩm và cách phân biệt các sản phẩm chính hãng do công ty cung cấp với hàng giả hàng nhái trên thị trường. Điều này đã góp phần bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng và uy tín của công ty.

With understanding that customers are always looking for product information before buying, besides company providing information channels such as agents, website, hotline; Everpia Vietnam has cooperate with Vietnam Association for Anti – counterfeiting and Trademark protection and media companies to share the information and knowledge regarding product safety, methods to distinguish the genuine product of Vietnam and the counterfeits in the markets. These are contributed to protect customer interests and improve company' reputation.

Dịch vụ hậu mãi/After sale services

Đối với hoạt động kinh doanh bông tằm (ngành công nghiệp nhẹ) và hoạt động kinh doanh chăn ga gối đệm (ngành hàng tiêu dùng), dịch vụ hậu mãi là rất cần thiết để gia tăng mối liên hệ gắn kết với các khách hàng truyền thống và cũng là một lợi thế để thu hút khách hàng mới. Vì vậy để nâng cao uy tín của công ty và bảo vệ lợi ích người tiêu dùng, công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ hậu mãi.

For padding business (in light industries) and bedding business (consumer goods), after sale services are essential to increase relationship with traditional customers and also are advantages to attract new customers. Therefore, the company has improved the after sale services continuously to protect customer interests and improve company' reputation.

Quy trình tiếp nhận và xử lý thắc mắc, khiếu nại về sản phẩm:/ Receiving and handling inquiries and complaints process:

- Thông thường, công ty tiếp nhận các thắc mắc, khiếu nại về chất lượng sản phẩm thông qua hai kênh chính là qua đường dây nóng và qua mạng lưới đại lý, nhân viên bán hàng.
- *As normal, company receives inquiries and complaints through two channels such as agents, sale staffs and hotline.*
- Khi nhận được các phản hồi từ khách hàng, công ty sẽ cử đại diện đến tiếp xúc với khách hàng để tìm hiểu.
- *When receives the response from customers, the company will appoint a representative to contact with customers.*
- Nếu xác minh được nguyên nhân gây ra lỗi sản phẩm không phải từ phía khách hàng thì công ty sẽ tiến hành thủ tục thu hồi sản phẩm lỗi và đổi hoặc bảo hành sản phẩm cho khách hàng
- *If the faults of product do not come from customers, the company will recall the faulty product and fix or change the new one to customer.*
- Nếu nguyên nhân gây ra lỗi sản phẩm đến từ khách hàng, công ty sẽ có những chính sách hỗ trợ sửa chữa, bảo hành sản phẩm cho khách hàng.
- *If the faults of product do come from customers, the company will support to fix for customer.*

G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014 / AUDITED FINANCIAL STATEMENT 2014

Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty gồm: Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính Công ty mẹ. Toàn văn hai báo cáo này đã được công bố trên website của Công ty theo đường dẫn: <http://www.everpia.vn/everon/ir/thong-tin-tai-chinh/bao-cao-tai-chinh.aspx>

Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bao gồm: Báo cáo của Ban Giám đốc, Báo cáo kiểm toán, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán

Audited Financial Statement 2014 includes: BOD's report, Independent Auditor's report, Balance sheet, Income statement, Cash Flow, Notes to the financial statements in accordance with the law on accounting and auditing

1. Ý kiến của Kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Opinion of Independent Auditors' Report: The Financial Statement give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of the Company as at 31 December 2014, and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of consolidated financial statements.

2. Đính kèm Báo cáo thường niên: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2014
Audited Consolidated Financial Statement (Attached file)

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2015 / *Hanoi, Apr. 17th, 2015*
Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam / *Everpia Vietnam JSC.*
Chủ tịch Hội đồng Quản trị / *Chairman*



LEE JAE EUN

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2014



Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 39

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, là Công ty TNHH Everpia Việt Nam, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư số 0111033000055 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh với lần điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 29 tháng 9 năm 2014.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và năm chi nhánh tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai và Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Chủ tịch
Ông Cho Yong Hwan	Thành viên
Ông Lee Je Won	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đào	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hiền	Thành viên
Ông Jean – Charles Belliol	Thành viên
Ông Ngô Phương Chí	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Suh Seung Chul	Thành viên
Ông Hong Sun	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kwon Sung Ha	Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Văn Đào	Giám đốc Hành chính
Ông Lee Je Won	Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
Ông Park Sung Jin	Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lee Jae Eun.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Ông Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Số tham chiếu: 61110609/17003628-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi chung là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 18 tháng 3 năm 2014.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Lê Đức Trường

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		707.703.620.303	593.967.907.207
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	35.570.707.087	51.350.127.079
111	1. Tiền		27.870.707.087	14.754.381.616
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.700.000.000	36.595.745.463
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		185.629.759.578	105.858.839.889
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	185.629.759.578	105.858.839.889
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		156.924.515.106	124.033.760.783
131	1. Phải thu khách hàng	6	139.778.008.253	115.960.859.621
132	2. Trả trước cho người bán		21.188.660.266	11.442.644.376
135	3. Các khoản phải thu khác	7	3.195.610.638	2.707.245.475
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6,7	(7.237.764.051)	(6.076.988.689)
140	IV. Hàng tồn kho	8	316.366.626.491	297.338.629.707
141	1. Hàng tồn kho		320.976.777.747	297.338.629.707
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.610.151.256)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.212.012.041	15.386.549.749
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.109.363.796	2.311.288.608
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.733.463.663	11.687.366.607
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		150.000.000	150.000.000
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		2.219.184.582	1.237.894.534
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		278.281.224.139	293.020.598.883
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		304.092.883	-
218	1. Phải thu dài hạn khác		304.092.883	-
220	II. Tài sản cố định		261.250.466.095	274.868.721.212
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	237.483.913.479	250.736.009.032
222	Nguyên giá		420.575.124.472	407.449.034.689
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(183.091.210.993)	(156.713.025.657)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	105.986.308	-
225	Nguyên giá		113.556.756	-
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.570.448)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	14.415.566.308	16.887.712.180
228	Nguyên giá		38.023.647.876	38.048.647.876
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(23.608.081.568)	(21.160.935.696)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	9.245.000.000	7.245.000.000
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.638.200.000	2.638.200.000
258	1. Đầu tư dài hạn khác	13	2.638.200.000	2.638.200.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		14.088.465.161	15.513.677.671
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	13.522.120.786	14.266.301.313
268	2. Tài sản dài hạn khác		566.344.375	1.247.376.358
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		985.984.844.442	886.988.506.090


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2014


Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		161.537.589.068	108.966.147.483
310	I. Nợ ngắn hạn		139.985.513.858	94.649.416.456
311	1. Vay ngắn hạn	15	52.277.884.779	1.311.440.000
312	2. Phải trả người bán		42.305.408.549	45.627.379.899
313	3. Người mua trả tiền trước		5.790.882.558	2.963.363.219
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	24.103.962.848	29.456.478.013
315	5. Phải trả người lao động		9.335.291.977	8.242.182.443
316	6. Chi phí phải trả		289.832.104	2.149.275.855
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	5.882.251.043	4.899.297.027
330	II. Nợ dài hạn		21.552.075.210	14.316.731.027
333	1. Phải trả dài hạn khác	18	3.618.669.499	3.306.471.536
334	2. Vay và nợ dài hạn	19	10.196.802.661	-
339	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	20	7.736.603.050	11.010.259.491
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		824.447.255.374	777.271.965.443
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	824.447.255.374	777.271.965.443
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	21.3	279.865.180.000	279.865.180.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.2	191.000.000.000	191.000.000.000
414	3. Cổ phiếu quỹ		(10.491.434.356)	(10.491.434.356)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(72.374.361)	32.749.178
419	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		8.227.907.722	11.033.838.777
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		355.917.976.369	305.831.631.844
439	C. LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ	22	-	750.393.164
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		985.984.844.442	886.988.506.090

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	674.230	345.369
- Euro (EUR)	184	196


Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu


Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc
phụ trách tài chính


Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	24.1	785.922.789.956	752.596.898.265
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(4.469.540.961)	(2.094.168.369)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	24.1	781.453.248.995	750.502.729.896
11	4. Giá vốn hàng bán	25	(515.660.179.836)	(474.281.220.963)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		265.793.069.159	276.221.508.933
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	13.568.173.374	10.358.555.465
22	7. Chi phí tài chính	26	(5.382.945.285)	(4.841.580.094)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.120.543.071)	(1.716.445.439)
24	8. Chi phí bán hàng		(76.117.573.818)	(80.686.627.259)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(88.224.337.382)	(86.576.596.525)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		109.636.386.048	114.475.260.520
31	11. Thu nhập khác	27	2.557.162.188	3.046.540.013
32	12. Chi phí khác	27	(1.534.352.759)	(1.162.567.960)
40	13. Lợi nhuận khác	27	1.022.809.429	1.883.972.053
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		110.659.195.477	116.359.232.573
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	(26.177.573.872)	(31.402.253.359)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		84.481.621.605	84.956.979.214
61	Trong đó:			
	- Lỗ thuộc về các cổ đông thiểu số	22	(33.880.902)	(297.581.191)
62	- Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ	21.1	84.515.502.507	85.254.560.405
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31		
	- Lãi cơ bản		3.072	3.099
	- Lãi suy giảm		3.072	3.099



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc
phụ trách tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		110.659.195.477	116.359.232.573
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		30.434.760.927	29.598.980.470
03	Các khoản dự phòng		5.770.926.618	213.013.246
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		1.095.563.545	(95.625.937)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(12.453.846.564)	(8.456.449.700)
06	Chi phí lãi vay	26	2.120.543.071	1.716.445.439
08	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		137.627.143.074	139.335.596.091
09	Tăng các khoản phải thu		(29.268.703.195)	(40.826.949.523)
10	Tăng hàng tồn kho		(23.786.515.585)	(4.923.454.142)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(7.452.293.585)	7.967.792.261
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(145.023.491)	6.184.498.496
13	Tiền lãi vay đã trả		(2.016.144.306)	(2.088.101.036)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	29	(27.645.558.723)	(41.820.498.444)
16	Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh		(7.085.437.841)	(2.110.781.189)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		40.227.466.348	61.718.102.514
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(16.542.024.657)	(31.511.087.893)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		300.000.000	-
23	Tiền chi cho vay, đầu tư ngắn hạn		(79.770.919.689)	(119.449.434.096)
24	Tiền thu hồi cho vay, thu từ đầu tư ngắn hạn		-	89.494.340.371
25	Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.241.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.442.712.951	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.892.451.188	9.828.778.615
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(85.677.780.207)	(52.878.403.003)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		175.800.781.683	87.013.746.241
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(115.687.963.094)	(123.743.270.906)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(11.603.195)	-
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(30.199.520.621)	(28.090.496.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		29.901.694.773	(64.820.021.165)
50	Giảm tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(15.548.619.086)	(55.980.321.654)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		51.350.127.079	107.330.448.733
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(230.800.906)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	35.570.707.087	51.350.127.079



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



Cho Yong Hwan
Phó Tổng giám đốc
phụ trách tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, là Công ty TNHH Everpia Việt Nam. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 29 tháng 9 năm 2014.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (mã chứng khoán: EVE) kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và năm chi nhánh tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.198 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.083 người).

Cơ cấu tổ chức

Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam

Công ty con này là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 051033000003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp ngày 30 tháng 7 năm 2008. Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam có trụ sở chính tại xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam là sản xuất các loại nệm và các sản phẩm liên quan và nhập khẩu các nguyên vật liệu để sản xuất các loại nệm và sản phẩm liên quan. Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 58% tổng số vốn điều lệ của công ty con, tương đương 5.568.000.000 VNĐ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công ty con này đã hoàn tất thủ tục giải thể theo Quyết định của Hội đồng Quản trị ban hành ngày 3 tháng 6 năm 2014 và theo quyết định thu hồi Giấy Chứng nhận Đầu tư trước thời hạn số 1630/QĐ - UBND của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên ngày 2 tháng 10 năm 2014.

Công ty TNHH Everpia Cambodia

Công ty con này là một công ty TNHH được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 554/BKHĐT - ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 26 tháng 9 năm 2012. Công ty TNHH Everpia Cambodia có trụ sở chính tại Số 360, đại lộ Monivong, thành phố Phnom Penh, Campuchia. Hoạt động chính của Công ty TNHH Everpia Cambodia là kinh doanh vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng khác; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu các sản phẩm vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác theo quy định pháp luật của Campuchia.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VNĐ”).

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Thương hiệu, kênh phân phối

Giá trị thương hiệu và kênh phân phối được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo giá mua trên các hợp đồng chuyển nhượng thương hiệu và kênh phân phối.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 30 năm
Máy móc thiết bị	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 10 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	20 năm
Kênh phân phối	15 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Các tài sản cố định khác	4 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm và các khoản tiền gửi ngắn hạn. Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các loại cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết có thời gian đầu tư dự kiến trên một năm.

Dự phòng cho các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tài Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 9 tháng 2 năm 2011 của Bộ Tài chính. Số tiền trích quỹ hàng năm được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo của cơ sở nước ngoài hoạt động độc lập

Việc chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo cho mục đích kế toán được xử lý dựa trên các nguyên tắc sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả (gồm cả các khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) đều được quy đổi theo tỷ giá liên ngân hàng tại ngày lập báo cáo tài chính (tỷ giá quy đổi 1 đô la Mỹ sang đồng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 21.246; tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 21.036);
- ▶ Khoản mục vốn chủ sở hữu được quy đổi theo tỷ giá hối đoái thực tế ngày phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục về thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình của kỳ báo cáo (tỷ giá trung bình quy đổi 1 đô la Mỹ sang đồng Việt Nam trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 21.141, và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là: 20.932).

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo được ghi nhận như một phần riêng biệt của vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý khoản đầu tư trong cơ sở nước ngoài hoạt động độc lập.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

► *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

► *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo hợp nhất.

► *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản đầu tư tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác và các khoản vay và nợ.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	403.892.158	651.947.729
Tiền gửi ngân hàng	27.466.814.929	14.102.433.887
Các khoản tương đương tiền (*)	7.700.000.000	36.595.745.463
	<u>35.570.707.087</u>	<u>51.350.127.079</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 5%/năm đến 5,6%/năm.

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư ngắn hạn (*)	185.014.000.000	105.858.839.889
Cho vay bên liên quan (**) (Thuyết minh số 30)	615.759.578	-
	<u>185.629.759.578</u>	<u>105.858.839.889</u>

(*) Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm với lãi suất từ 5%/năm đến 7%/năm.

(**) Đây là khoản cho cá nhân ông Cho Yong Hwan (Phó Tổng Giám đốc) vay không có tài sản đảm bảo với thời hạn 1 năm và lãi suất 8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	139.778.008.253	115.960.859.621
	139.778.008.253	115.960.859.621
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.962.437.255)	(4.801.661.893)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tài sản thiếu chờ xử lý	57.834.336	-
Lãi tiền gửi	1.230.614.156	962.018.628
Cho thuê máy móc	893.491.200	893.491.200
Cho vay xơ	252.051.882	252.051.882
Phải thu nhân viên	98.599.640	98.599.640
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	389.809.964	109.456.224
Phải thu khác	273.209.460	391.627.901
	3.195.610.638	2.707.245.475
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(1.275.326.796)	(1.275.326.796)

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thành phẩm	135.023.368.534	136.792.109.781
Nguyên liệu, vật liệu	172.643.134.209	148.273.840.909
Hàng mua đang đi đường	1.227.767.840	5.458.723.124
Hàng hóa	10.887.345.939	5.927.434.861
Hàng gửi đi bán	-	587.751
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.195.161.225	874.533.281
Công cụ, dụng cụ	-	11.400.000
	320.976.777.747	297.338.629.707

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	4.610.151.256	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số cuối năm	4.610.151.256	-

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	156.119.943.822	202.694.200.931	11.468.909.243	18.966.649.229	18.199.331.464	407.449.034.689
Phân loại lại	-	-	7.787.313.599	(7.787.313.599)	-	-
Mua trong năm	115.172.999	13.631.433.268	714.545.455	-	161.715.962	14.622.867.684
Tặng khác (*)	18.899.889	3.210.879	-	1.432.200	550.305	24.093.273
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(412.461.182)	-	-	(412.461.182)
Giảm khác (**)	-	(1.108.409.992)	-	-	-	(1.108.409.992)
Số cuối năm	156.254.016.710	215.220.435.086	19.558.307.115	11.180.767.830	18.361.597.731	420.575.124.472
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	26.654.431.199	111.502.096.736	7.742.660.555	6.347.655.162	4.466.182.005	156.713.025.657
Phân loại lại	-	-	(1.593.201.789)	1.593.201.789	-	-
Khấu hao trong năm	6.069.609.517	15.969.440.810	2.134.664.773	1.517.013.867	2.131.573.083	27.822.302.050
Tặng khác (*)	1.023.744	1.072.806	-	457.537	344.728	2.898.815
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(247.476.707)	-	-	(247.476.707)
Giảm khác (**)	-	(1.199.538.822)	-	-	-	(1.199.538.822)
Số cuối năm	32.725.064.460	126.273.071.530	8.036.646.832	9.458.328.355	6.598.099.816	183.091.210.993
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	129.465.512.623	91.192.104.195	3.726.248.688	12.618.994.067	13.733.149.459	250.736.009.032
Số cuối năm	123.528.952.250	88.947.363.556	11.521.660.283	1.722.439.475	11.763.497.915	237.483.913.479

(*) Tăng khác là khoản tăng do chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính từ đô la Mỹ sang Việt Nam đồng của Công ty TNHH Everpia Cambodia, công ty con.

(**) Giảm khác chủ yếu là do giải thể Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam, công ty con, trong năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VNĐ
Thiết bị văn phòng

Nguyên giá:

Số đầu năm	-
Thuê trong năm	<u>113.556.756</u>
Số cuối năm	<u>113.556.756</u>

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	<u>7.570.448</u>
Số cuối năm	<u>7.570.448</u>

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>-</u>
Số cuối năm	<u><u>105.986.308</u></u>

Đây là tài sản máy photo thuê tài chính theo hợp đồng số No.B140301607 ngày 24 tháng 3 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Chailease có thời hạn 48 tháng, lãi suất 1,83%/tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Thương hiệu	Kênh phân phối	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VNĐ
					Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	23.494.500.000	7.831.500.000	6.035.754.189	686.893.687	38.048.647.876
Giảm khác (*)	-	-	(25.000.000)	-	(25.000.000)
Số cuối năm	23.494.500.000	7.831.500.000	6.010.754.189	686.893.687	38.023.647.876
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	12.458.267.773	5.766.049.155	2.350.838.448	585.780.320	21.160.935.696
Hao mòn trong năm	1.226.248.025	516.362.695	612.796.797	101.113.367	2.456.520.884
Giảm khác (*)	-	-	(9.375.012)	-	(9.375.012)
Số cuối năm	13.684.515.798	6.282.411.850	2.954.260.233	686.893.687	23.608.081.568
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	11.036.232.227	2.065.450.845	3.684.915.741	101.113.367	16.887.712.180
Số cuối kỳ	9.809.984.202	1.549.088.150	3.056.493.956	-	14.415.566.308

(*) Đây là khoản giảm tài sản do công ty con là Công ty TNHH Mattpia Việt Nam đã giải thể trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đây là tài sản trên đất được mua trong năm 2013 nhằm phục vụ cho mục đích hoạt động của chi nhánh Công ty tại Hòa Bình. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa hoàn tất quá trình đăng ký, chuyển giao các tài sản này.

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác phản ánh giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 172.000 cổ phiếu, và với giá trị là 2.638.200.000 đồng.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền thuê mặt bằng (*)	8.288.275.325	8.742.325.475
Phụ tùng máy móc, thiết bị sản xuất	2.591.175.984	2.263.186.852
Thiết bị quản lý văn phòng	1.865.591.945	2.181.874.323
Khác	777.077.532	1.078.914.663
	<u>13.522.120.786</u>	<u>14.266.301.313</u>

(*) Đây là khoản trả trước tiền thuê mặt bằng tại Tòa nhà Keangnam, Phạm Hùng, Hà Nội trong vòng 45 năm kể từ năm 2012. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 32 năm kể từ năm 2012 tương ứng với thời gian hoạt động còn lại theo Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty.

15. VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	41.642.631.735	-
Ngân hàng Woori, chi nhánh Hà Nội	8.510.653.044	-
EP International Co., Ltd.	2.124.600.000	1.311.440.000
	<u>52.277.884.779</u>	<u>1.311.440.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số dư gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VNĐ	(Nguyên tệ USD)			
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	41.642.631.735	1.952.303	6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là ngày 17 tháng 6 năm 2015	2,73%	Vay tín chấp bằng thư bảo lãnh của ông Lee Jae Eun, Tổng Giám đốc
Ngân hàng Woori, chi nhánh Hà Nội	8.510.653.044	397.601	6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 24 tháng 1 năm 2015	2,73%	Vay tín chấp bằng thư bảo lãnh của ông Lee Jae Eun, Tổng Giám đốc
EP International Co Ltd.	2.124.600.000	100.000	29 tháng 11 năm 2015	5%	Không
	52.277.884.779	2.449.904			

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	95.127.000	3.946.312.171
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 29)	23.233.565.792	24.701.550.643
Thuế thu nhập cá nhân	772.724.526	789.932.744
Các loại thuế khác	2.545.530	18.682.455
	24.103.962.848	29.456.478.013

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	4.236.487.616	3.666.662.144
Bảo hiểm xã hội	187.029.364	351.387.717
Phải trả cổ tức	25.189.829	101.534.500
Doanh thu chưa thực hiện	587.599.234	195.636.362
Kinh phí công đoàn	30.039.037	808.800
Phải khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	815.905.963	583.267.504
	5.882.251.043	4.899.297.027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.301.801.499	2.484.603.536
Phải trả dài hạn khác	316.868.000	821.868.000
	<u>3.618.669.499</u>	<u>3.306.471.536</u>

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay dài hạn từ ngân hàng	10.094.849.100	-
Nợ thuê tài chính (*)	101.953.561	-
	<u>10.196.802.661</u>	<u>-</u>

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số dư gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>		<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>(Nguyên tệ USD)</i>			
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	10.094.849.100	473.270	Ngày 28 tháng 7 năm 2019	2,93%	Vay tín chấp bằng thư bảo lãnh của ông Lee Jae Eun, Tổng Giám đốc
	<u>10.094.849.100</u>	<u>473.270</u>			

(*) Đây là khoản nợ thuê máy photo theo theo hợp đồng Số B140301607 ngày 24 tháng 3 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Chailease có thời hạn 48 tháng, lãi suất 1,83%/tháng.

20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số đầu năm	11.010.259.491	14.400.000.000
Tăng trong năm:		
- Trích từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-
Giảm trong năm:		
- Sử dụng quỹ trong năm	(3.273.656.441)	(3.389.740.509)
Số cuối năm	<u>7.736.603.050</u>	<u>11.010.259.491</u>

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VNĐ
Năm trước							
Số đầu năm	279.865.180.000	191.000.000.000	(10.491.434.356)	9.010.799.401	-	251.602.226.132	720.986.771.177
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	85.254.560.405	85.254.560.405
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	3.803.215.799	-	(3.803.215.799)	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	32.749.178	-	32.749.178
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	-	(27.507.218.000)	(27.507.218.000)
Giảm khác	-	-	-	(1.780.176.423)	-	285.279.106	(1.494.897.317)
Số cuối năm	279.865.180.000	191.000.000.000	(10.491.434.356)	11.033.838.777	32.749.178	305.831.631.844	777.271.965.443
Năm nay							
Số đầu năm	279.865.180.000	191.000.000.000	(10.491.434.356)	11.033.838.777	32.749.178	305.831.631.844	777.271.965.443
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	84.515.502.507	84.515.502.507
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	4.241.907.050	-	(4.241.907.050)	-
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	-	(30.224.710.450)	(30.224.710.450)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(105.123.539)	37.459.518	(67.664.021)
Giảm khác (*)	-	-	-	(7.047.838.105)	-	-	(7.047.838.105)
Số cuối năm	279.865.180.000	191.000.000.000	(10.491.434.356)	8.227.907.722	(72.374.361)	355.917.976.369	824.447.255.374

(*) Trong năm, Công ty đã sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu nhằm phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang trong quá trình xin phê duyệt từ Hội đồng Quản trị về việc sử dụng quỹ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>
Vốn góp	279.865.180.000	279.865.180.000	279.865.180.000	279.865.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	191.000.000.000	191.000.000.000	191.000.000.000	191.000.000.000
	<u>470.865.180.000</u>	<u>470.865.180.000</u>	<u>470.865.180.000</u>	<u>470.865.180.000</u>

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<i>Vốn cổ phần đã góp</i>		
Số đầu năm	279.865.180.000	279.865.180.000
Tăng vốn trong năm	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>279.865.180.000</u>	<u>279.865.180.000</u>

21.4 Chi tiết vốn pháp định đã góp

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.986.518	27.986.518
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.986.518	27.986.518
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.986.518	27.986.518
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Cổ phiếu quỹ	(479.300)	(479.300)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(479.300)	(479.300)
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	27.507.218	27.507.218
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.507.218	27.507.218
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
	<u>27.507.218</u>	<u>27.507.218</u>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong năm là 10.000 VNĐ/cổ phiếu (năm 2013: 10.000 VNĐ/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	750.393.164	1.048.488.916
Giảm lợi ích của cổ đông thiểu số do giải thể công ty con	(716.512.262)	-
Lỗ trong năm thuộc về cổ đông thiểu số	(33.880.902)	(297.581.191)
Giảm khác	-	(514.561)
Số dư cuối năm	-	750.393.164

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác. Công ty và các công ty con có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam và Cam-pu-chia. Tỷ lệ tài sản và doanh thu tại Cam-pu-chia chiếm dưới 10% trên tổng tài sản, doanh thu của Công ty và các công ty con. Theo đó, Công ty và công ty con được coi là một bộ phận lập báo cáo tài chính.

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	785.922.789.956	752.596.898.265
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu thành phẩm chăn ga, đệm</i>	440.627.864.776	430.624.102.292
<i>Doanh thu thành phẩm bông</i>	239.163.008.307	226.922.816.339
<i>Doanh thu chăn bông</i>	74.087.261.118	56.080.452.581
<i>Doanh thu bán hàng hóa khác</i>	32.044.655.755	38.969.527.053
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(4.469.540.961)	(2.094.168.369)
Doanh thu thuần	781.453.248.995	750.502.729.896

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	9.942.106.166	8.336.118.710
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.881.675.026	1.840.522.736
Cổ tức, lợi nhuận được chia	180.959.178	143.970.411
Doanh thu tài chính khác	563.433.004	37.943.608
	13.568.173.374	10.358.555.465

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn thành phẩm chần ga, đệm	325.440.359.432	294.508.088.251
Giá vốn thành phẩm bông	138.343.006.720	133.743.143.505
Giá vốn chần bông	35.374.540.462	30.559.304.723
Giá vốn bán hàng hóa khác	16.502.273.222	15.470.684.484
	<u>515.660.179.836</u>	<u>474.281.220.963</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	2.120.543.071	1.716.445.439
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.150.980.360	3.125.134.655
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.095.563.545	-
Chi phí tài chính khác	15.858.309	-
	<u>5.382.945.285</u>	<u>4.841.580.094</u>

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	2.557.162.188	3.046.540.013
Thu nhập từ bán phế liệu	1.066.479.693	3.046.540.013
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	399.788.800	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản	300.000.000	-
Thu nhập khác	790.893.695	-
Chi phí khác	(1.534.352.759)	(1.162.567.960)
Chi hỗ trợ công nhân viên	(317.678.292)	-
Chi phí khác	(164.984.475)	-
Chi hỗ trợ công nhân viên	(1.051.689.992)	(1.162.567.960)
Lợi nhuận khác	<u>1.022.809.429</u>	<u>1.883.972.053</u>

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	449.906.560.605	392.580.439.413
Chi phí nhân công	125.753.755.766	124.230.225.845
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	30.286.393.382	29.598.980.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.529.069.003	67.511.917.981
Chi phí khác	18.461.144.263	29.075.230.055
	<u>683.936.923.019</u>	<u>642.996.793.765</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 22% trên lợi nhuận thu được cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	110.659.195.477	116.359.232.573
Các điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>	<i>8.510.735.848</i>	<i>8.987.140.861</i>
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại phải thu, tiền của năm trước	95.625.937	-
Doanh thu phiếu mua hàng chưa giao hàng cho khách hàng	511.113.634	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế TNDN	6.478.555.559	8.987.140.861
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền, phải thu	28.140.568	-
Dự phòng trợ cấp mất việc trích lập thêm	817.197.963	-
Các điều chỉnh khác	580.102.187	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>	<i>(180.959.178)</i>	<i>(239.596.348)</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại phải thu, tiền	-	(95.625.937)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(180.959.178)	(143.970.411)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	118.988.972.147	124.987.938.810
Thuế TNDN ước tính trong năm	26.177.573.872	31.402.253.359
Thuế TNDN phải trả đầu năm	24.701.550.643	35.119.795.728
Thuế TNDN đã trả trong năm	(27.645.558.723)	(41.820.498.444)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	23.233.565.792	24.701.550.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VNĐ

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc	Cho vay	615.759.578

Số dư cuối năm của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Số tiền</i>
Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh số 5)		
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc	615.759.578

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương gộp và các quyền lợi khác	16.260.194.797	15.193.145.630
	16.260.194.797	15.193.145.630

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phần.

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	84.515.502.507	85.254.560.405
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	84.515.502.507	85.254.560.405
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.507.218	27.507.218
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	27.507.218	27.507.218

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng:

- ▶ độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- ▶ độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau (tác động đến vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể):

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Thay đổi lãi suất</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Năm nay		
VNĐ	+100	(21.205.431)
VNĐ	-100	21.205.431
Năm trước		
VNĐ	+100	(17.164.454)
VNĐ	-100	17.164.454

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động tài chính và đầu tư của Công ty (khi các khoản vay và đầu tư được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá đô la Mỹ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Thay đổi tỷ giá</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Năm nay		
USD	5%	(1.147.870.300)
USD	-5%	1.147.870.300
Năm trước		
USD	5%	(1.319.015.459)
USD	-5%	1.319.015.459

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa là nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4 và số 5. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

Đơn vị tính: VNĐ

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ Phải trả người bán	-	52.277.884.779	10.196.802.661	62.474.687.440
Chi phí phải trả khác và khoản phải trả khác	42.305.408.549	-	-	42.305.408.549
	289.832.104	-	316.868.000	606.700.104
	42.595.240.653	52.277.884.779	10.513.670.661	105.386.796.093
Số đầu năm				
Các khoản vay và nợ ngắn hạn Phải trả người bán	-	1.311.440.000	-	1.311.440.000
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	45.627.379.899	-	-	45.627.379.899
	2.834.077.859	-	821.868.000	3.655.945.859
	48.461.457.758	1.311.440.000	821.868.000	50.594.765.758

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VNĐ
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Tài sản tài chính					
Đầu tư tài chính ngắn hạn	185.629.759.578	-	185.629.759.578	105.858.839.889	
Đầu tư tài chính dài hạn	2.638.200.000	-	2.638.200.000	2.638.200.000	
Phải thu khách hàng	139.778.008.253	(5.962.437.255)	133.815.570.998	111.159.197.728	
Phải thu khác	2.649.366.698	(1.275.326.796)	1.374.039.902	78.319.733	
Tiền và tương đương tiền	35.570.707.087	-	35.570.707.087	51.350.127.079	
	366.266.041.616	(7.237.764.051)	359.028.277.565	271.084.684.429	

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VNĐ
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ	62.474.687.440	1.311.440.000	62.474.687.440	1.311.440.000	
Phải trả người bán	42.305.408.549	45.627.379.899	42.305.408.549	45.627.379.899	
Phải trả khác	606.700.104	3.655.945.859	606.700.104	3.655.945.859	
	105.386.796.093	50.594.765.758	105.386.796.093	50.594.765.758	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản vay và nợ ngắn hạn, các khoản phải trả người bán, và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cho các công cụ tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ; và
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản nợ tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cho các công cụ tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.



34. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số đầu năm (được trình bày lại)
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Phải trả dài hạn khác (*)	821.868.000	2.428.603.536	3.306.471.536
Dự phòng phải trả dài hạn khác (*)	2.428.603.536	(2.428.603.536)	-

(*) Đây là khoản điều chỉnh dự phòng trợ cấp thôi việc từ dự phòng phải trả dài hạn khác sang mục phải trả dài hạn khác.

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc
phụ trách tài chính

Lee Jae Eun
Tổng giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2015